

## Lời cảm ơn

*Đối với một sinh viên cuối cấp khi được làm luận văn tốt nghiệp là điều vô cùng vinh dự. Để hoàn thành bài khoá luận này đòi hỏi sự cố gắng, nỗ lực của bản thân và quan trọng hơn là sự chỉ bảo của giáo viên hướng dẫn cùng với sự quan tâm, động viên, giúp đỡ của người thân.*

*Trong quá trình làm luận văn em đã được sự hướng dẫn tận tình của cô giáo Thạc sĩ: Phạm Thị Khánh Ngọc, cô đã luôn dành thời gian chỉ bảo cho em những kiến thức cần thiết, giúp đỡ em tìm những tài liệu tham khảo liên quan đến đề tài tốt nghiệp. Em xin trân trọng bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với sự giúp đỡ quý báu đó của cô!*

*Em xin bày tỏ lòng biết ơn đến các thầy cô trong Bộ môn Văn Hoá Du Lịch trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng đã trang bị kiến thức cho em trong suốt 4 năm học. Em cũng xin gửi đến những người thân cùng lòng biết ơn chân thành nhất vì đã luôn cổ vũ tinh thần để em vững tin hoàn thành bài khoá luận này!*

*Em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến: Cán bộ thư viện thành phố Hải Phòng, Sở Văn hoá Thể thao & Du lịch Hải Phòng, Sở Kế hoạch & đầu tư Hải Phòng đã tạo mọi điều kiện giúp đỡ em để em hoàn thành bài khoá luận này!*

*Bài viết của em chắc chắn còn nhiều khiếm khuyết và thiếu sót, rất mong được sự góp ý và bổ sung của quý thầy cô, các nhà nghiên cứu và những người quan tâm đến đề tài.*

*Em xin chân thành cảm ơn!*

Sinh viên: Tô Thị Hoàng Thảo

# Mục lục

<b>Lời mở đầu .....</b>	<b>1</b>
<b>Chương I: Vai trò của nghệ thuật dân gian truyền thống trong hoạt động du lịch.....</b>	<b>4</b>
<b><i>1.1 Những vấn đề chung .....</i></b>	<b>4</b>
1.1.1 Khái niệm du lịch .....	4
1.1.2 Khái niệm khách du lịch.....	4
1.1.3 Khái niệm tài nguyên du lịch.....	7
1.1.4 Khái niệm về nghệ thuật dân gian truyền thống.....	7
<b><i>1.2 Vai trò của nghệ thuật dân gian truyền thống trong hoạt động du lịch.....</i></b>	<b>9</b>
1.2.1 Vai trò của nghệ thuật dân gian truyền thống trong đời sống Kinh tế - Văn hoá - Xã hội .....	9
1.2.2 Vai trò của nghệ thuật dân gian truyền thống trong hoạt động du lịch ở Hải Phòng .....	11
<b>Chương II: Thực trạng khai thác một số loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống của Hải Phòng cho hoạt động du lịch .....</b>	<b>13</b>
<b><i>2.1 Khái quát về thành phố Hải Phòng.....</i></b>	<b>13</b>
2.1.1 Vị trí địa lý và điều kiện Kinh tế - Xã hội.....	13
2.1.1.1 Vị trí địa lý.....	13
2.1.1.2 Điều kiện Kinh tế - Xã hội.....	13
2.1.2 Tài nguyên du lịch Hải Phòng .....	15
2.1.2.1 Tài nguyên du lịch tự nhiên.....	16
2.1.2.2 Tài nguyên du lịch nhân văn .....	18
<b><i>2.2 Hệ thống các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống ở Hải Phòng.....</i></b>	<b>23</b>
<b><i>2.3 Một số loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống tiêu biểu của Hải Phòng.....</i></b>	<b>26</b>
2.3.1 Nghệ thuật múa rối .....	26
2.3.2 Nghệ thuật múa Lân - Sư - Rồng.....	31
2.3.3 Nghệ thuật hát Chèo .....	35

2.3.4 Nghệ thuật hát Đúm.....	38
2.3.5 Nghệ thuật hát Ca trù.....	46
2.3.6 Nghệ thuật tạc tượng - sơn mài .....	47
<b>2.4 Tình hình khai thác các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống ở Hải Phòng cho hoạt động du lịch.....</b>	<b>49</b>
2.4.1 Tình hình hoạt động du lịch Hải Phòng .....	49
2.4.2 Hiện trạng khai thác các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống ở Hải Phòng cho hoạt động du lịch .....	52
<b>Chương III: Phương hướng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả khai thác các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống cho hoạt động du lịch Hải Phòng.....</b>	<b>64</b>
<b>3.1 Phương hướng phát triển du lịch Hải Phòng trong thời gian tới.....</b>	<b>64</b>
<b>3.2 Một số giải pháp nhằm khai thác có hiệu quả các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống cho hoạt động du lịch .....</b>	<b>65</b>
3.2.1 Đầu t-, bảo tồn, khai thác các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống một cách bền vững và kết hợp với nhiều loại hình du lịch khác phục vụ phát triển du lịch .....	65
3.2.2 Nâng cao hiệu quả quản lý nhà n-ớc trong hoạt động du lịch và tăng c-ờng hợp tác, liên kết với các đơn vị lữ hành phát triển du lịch .....	68
3.2.3 Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá và xúc tiến du lịch.....	68
3.2.4 Chính sách hỗ trợ về mặt tài chính đối với những ng-ời hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật.....	69
3.2.5 Đào tạo lại nguồn nhân lực .....	69
3.2.6 Xây dựng mới và nâng cấp cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ biểu diễn.....	70
<b>3.3 Một số kiến nghị cho việc khai thác các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống .....</b>	<b>71</b>
3.3.1 Đối với Bộ văn hoá thể thao & Du lịch, các bộ ngành trung ương.....	71
3.3.2 Đối với thành phố Hải Phòng .....	71
3.3.3 Đối với các Ban ngành và địa phương .....	72
<b>Kết luận.....</b>	<b>73</b>

# Lời mở đầu

## Lý do chọn đề tài

Thành phố biển Hải Phòng, một trong những trung tâm du lịch lớn của Việt Nam, nằm bên bờ biển Đông - Thái Bình Dương; phía bắc giáp tỉnh Quảng Ninh, phía đông giáp biển Đông, phía tây giáp tỉnh Hải Dương, phía nam giáp tỉnh Thái Bình. Mảnh đất lịch sử này đã có một đời sống văn hoá - nghệ thuật dân gian vô cùng phong phú và đa dạng. Nó bắt nguồn từ đời sống lao động của con người, phản ánh nét sinh hoạt văn hoá, cách ứng xử của quần chúng lao động đối với các hiện tượng tự nhiên và xã hội. Từ các tập quán sinh hoạt làng xã, thói quen, giao tiếp, ứng xử... đến các loại hình văn hoá - nghệ thuật dân gian: ca dao, tục ngữ, ca trù, hò vè, hát Đúm, múa rối nước,... đều mang sắc thái riêng của dân miền biển “ăn sóng, nói gió”. Trong xu thế mở cửa của nền kinh tế và hội nhập quốc tế, Hải Phòng được xác định là vùng kinh tế trọng điểm là một cực trong tam giác tăng trưởng kinh tế của khu vực phía Bắc và là một trong những trung tâm du lịch của cả nước. Hải Phòng có tiềm năng lớn để phát triển bao gồm cả tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn. Trong đó có một số loại hình nghệ thuật dân gian tiêu biểu đã được khai thác thành sản phẩm du lịch trong các chương trình du lịch phục vụ du khách như: múa rối nước, múa rối cạn, múa Lân - Sư - Rồng. Tuy nhiên việc khai thác giá trị của các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống phục vụ du lịch vẫn còn hạn chế với tiềm năng vốn có, chưa được quan tâm đúng mức bởi một số loại hình nghệ thuật dân gian đã bị mai một, chưa được đầu tư nghiên cứu, khai thác để trở thành sản phẩm du lịch thực sự hấp dẫn. Do đó việc bảo tồn, giữ gìn các giá trị văn hoá quý báu này vẫn còn nhiều hạn chế.

Với mong muốn đóng góp một phần nhỏ bé của mình trong việc phát huy những giá trị của các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống phục vụ cho sự nghiệp xây dựng nền văn hoá “tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” trong thời kỳ mới và làm phong phú thêm các chương trình du lịch của thành phố, tôi đã chọn đề tài khoá luận nghiên cứu về: “Thực trạng khai thác nghệ thuật dân gian truyền thống ở Hải Phòng cho hoạt động du lịch”.

## **Mục đích nghiên cứu**

Tài nguyên du lịch nhân văn có giá trị đặc biệt hấp dẫn đối với khách du lịch. Việc nghiên cứu các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống ở Hải Phòng nhằm mục đích kế thừa, phát huy để giữ gìn và bảo tồn những giá trị văn hoá tinh thần trong đời sống sinh hoạt văn hoá của c- dân vùng biển và khai thác các giá trị của các loại hình phục vụ cho hoạt động du lịch giới thiệu cho du khách.

Mục đích nghiên cứu của khoá luận được xác định dựa trên cơ sở nghiên cứu thực tế các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống ở Hải Phòng và việc khai thác cho hoạt động du lịch. Qua đó đánh giá những kết quả đạt được, một số hạn chế còn tồn tại và nguyên nhân, từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục để khai thác có hiệu quả hơn nữa các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống cho hoạt động du lịch, nhằm bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá của các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống, đồng thời đưa nó thành một sản phẩm du lịch đặc thù không thể thiếu mỗi khi du khách đến tham quan thành phố Hải Phòng.

## **Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Kho tàng Văn hoá - nghệ thuật dân gian truyền thống ở Hải Phòng thực sự là một di sản rất phong phú và sâu sắc. Với khuôn khổ khoá luận tốt nghiệp và điều kiện thời gian không cho phép, do đó bài viết chỉ đi sâu nghiên cứu một số loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống tiêu biểu của thành phố có giá trị đã và đang và thu hút nhiều du khách trong n- ớc cũng như khách du lịch quốc tế. Trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp nhằm xây dựng các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống tiêu biểu thực sự trở thành sản phẩm du lịch hấp dẫn, du khách yêu mến thành phố cảng.

## **Phương pháp nghiên cứu**

Để hoàn thành khoá luận, ng- ời viết có sử dụng một số ph- ơng pháp sau:

Ph- ơng pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.

Ph- ơng pháp phân tích, tổng hợp.

Ph- ơng pháp thu thập thông tin. (Thu thập dữ liệu thứ cấp từ các nguồn tư liệu có liên quan đã được công bố. Phỏng vấn trực tiếp một số nghệ nhân của các địa phương cung cấp).

Ph- ong pháp xử lý thông tin.

### **Bộ cục khóa luận**

Ngoài mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, phụ lục. Khoá luận gồm ba chương:

**Chương I:** *Vai trò của nghệ thuật dân gian truyền thống trong hoạt động du lịch*

**Chương II:** *Thực trạng khai thác một số loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống tiêu biểu của Hải Phòng cho hoạt động du lịch*

**Chương III:** *Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả khai thác các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống cho hoạt động du lịch Hải Phòng*

## **Chương I: Vai trò của nghệ thuật dân gian truyền thống trong hoạt động du lịch**

### **1.1 Những vấn đề chung**

#### **1.1.1 Khái niệm du lịch**

Du lịch hiện nay đã trở thành một hiện tượng kinh tế xã hội phổ biến ở hầu khắp các nước trên thế giới nói chung trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên cho đến nay do hoàn cảnh thời gian, khu vực khác nhau d- ời mỗi góc độ nghiên cứu du lịch khác nhau nên khái niệm về du lịch cũng khác nhau.

*Theo Pirojnick:* “Du lịch là một dạng hoạt động của cư dân trong thời gian rảnh rỗi có liên quan tới sự di chuyển và l- u trú tạm thời bên ngoài nơi c- trú thường xuyên nhằm nghỉ ngơi, chữa bệnh, phát triển thể chất và tinh thần, nâng cao trình độ nhận thức văn hoá hoặc thể thao kèm theo việc tiêu thụ những giá trị về tự nhiên kinh tế - văn hoá”.

*Phó giáo s- Trần Nhuận:* “Du lịch là một quá trình hoạt động của con người rời khỏi quê h- ơng đến một nơi khác, với mục đích chủ yếu đ- ợc thẩm nhận những giá trị vật chất và tinh thần đặc sắc, độc đáo khác lạ với quê h- ơng, không nhằm mục đích sinh lời”.

*Theo Luật du lịch Việt Nam:* “Du lịch là các hoạt động có liên quan tới chuyến đi của con ng- ời ngoài nơi c- trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định”.

#### **1.1.2 Khái niệm khách du lịch**

Vào đầu thế kỉ XX nhà kinh tế học ng- ời Áo, *Jozef Stander* định nghĩa: “Khách du lịch là hành khách xa hoa ở lại theo ý thích, ngoài nơi cư trú thường xuyên để thoả mãn những nhu cầu sinh hoạt cao cấp mà không theo đuổi các mục đích kinh tế”.

*Giáo s- Khadginicolov* - một trong những nhà tiên bối về du lịch của Bulgaria đưa ra định nghĩa về khách du lịch: “Khách du lịch là người hành trình tự nguyện, với những mục đích hoà bình. Trong cuộc hành trình của mình họ đi qua những chặng đ- ờng khác nhau và thay đổi một hoặc nhiều lần nơi l- u trú của mình”.

Theo Luật du lịch Việt Nam: “Khách du lịch là người đi du lịch, làm việc hoặc hành nghề để nhận thu nhập ở nơi đến”. Khách du lịch bao gồm: khách du lịch nội địa và khách du lịch quốc tế.

\* *Khách du lịch quốc tế (International tourist) :*

*Định nghĩa do Liên hợp quốc tổ chức về các vấn đề du lịch quốc tế và đi lại quốc tế (năm 1963):* “Khách du lịch quốc tế là người lưu lại tạm thời ở nước ngoài và sống ngoài nơi cư trú thường xuyên của họ trong thời gian ít nhất là 24h (hoặc sử dụng ít nhất một tối trọ)”. Động cơ khởi hành của họ được phân nhóm như sau:

- Thời gian rỗi (đi du lịch để giải trí, để chữa bệnh, để học tập, với mục đích thể thao hoặc tôn giáo).

- Đi du lịch liên quan tới mục đích công việc làm ăn (ký kết giao ước), thăm gia đình, bạn bè, họ hàng, các cuộc đua thể thao,...

- Người nước ngoài, không sống ở nước đến thăm và đi theo các động cơ nói trên.

- Công dân của một nước, sống cư trú thường xuyên ở nước ngoài về thăm quê hương.

- Nhân viên của các tổ lái (máy bay, tàu thủy...)

*Định nghĩa của Hội nghị quốc tế về Du lịch tại Hà Lan năm 1989:* “Khách du lịch quốc tế là những người đi thăm một đất nước khác, với mục đích tham quan, nghỉ ngơi, giải trí, thăm hỏi,... trong khoảng thời gian nhỏ hơn 3 tháng, những người khách này không được làm gì để được trả thù lao và sau thời gian lưu trú ở đó khách trở về nơi ở thường xuyên của mình”.

*Luật du lịch Việt Nam:* “Khách du lịch quốc tế là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào Việt Nam du lịch và công dân Việt Nam, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam ra nước ngoài du lịch”.

\* *Khách du lịch nội địa (Domestic tourist) :*

*Tiểu ban về các vấn đề kinh tế - xã hội trực thuộc Liên hợp quốc (United Nations Department of Economic and Social Affairs):* “Khách du lịch nội địa là công dân của một nước (không kể quốc tịch) hành trình đến một nơi trong đất nước đó, khác nơi cư trú thường xuyên của mình trong khoảng thời gian ít nhất là 24h,



hay một đêm với mọi mục đích trừ mục đích hoạt động để đi- ọc trả thù lao tại nơi đến”.

*Luật du lịch Việt Nam:* “Khách du lịch nội địa là công dân Việt Nam và người nước ngoài cư trú tại Việt Nam đi du lịch trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam”.

Nghiên cứu một số khái niệm khác nữa về khách du lịch cho thấy rằng, mặc dù còn rất nhiều khái niệm khác nhau về khách du lịch nói chung, khách du lịch quốc tế và khách du lịch nội địa nói riêng, song xét một cách tổng quát chúng đều có một số điểm chung nổi bật sau:

*\* Những ng- ời đi- ọc coi là khách du lịch:*

Những người khởi hành để giải trí, vì nguyên nhân gia đình, sức khỏe,...

Những ng- ời khởi hành để gặp gỡ, trao đổi các mối quan hệ về khoa học, ngoại giao, tôn giáo, thể thao...

Những ng- ời khởi hành vì các mục đích kinh doanh (Business reasons).

Những ng- ời cập bến từ các chuyến hành trình du ngoại trên biển (Sea cruise) thậm chí cả khi họ dừng lại trong khoảng thời gian ít hơn 24h.

*\* Những ng- ời không đi- ọc coi là khách du lịch:*

Những ng- ời lao động, kinh doanh có hoặc không có hợp đồng lao động.

Những ng- ời đến với mục đích định c- .

Sinh viên hay những ng- ời đến học tại các tr- ờng.

Những ng- ời ở biên giới sang làm việc.

Những ng- ời đi qua một n- ớc mà không dừng lại mặc dù hành trình kéo dài hơn 24h.

Những ng- ời tị nạn.

Các nhà ngoại giao.

Nh- vậy, các định nghĩa đã nêu ra ở trên về khách du lịch ít nhiều có những điểm khác nhau song nhìn chung chúng đều đề cập đến ba khía cạnh sau:

**Thứ nhất:** Đề cập đến động cơ khởi hành (có thể là đi tham quan, nghỉ d- ỡng, thăm ng- ời thân, kết hợp kinh doanh... trừ động cơ lao động kiếm tiền)

**Thứ hai:** Đề cập tới vấn đề thời gian (đặc biệt chú trọng tới khách tham quan trong ngày và khách du lịch nghỉ qua đêm).

**Thứ ba:** Đề cập tới những đối tượng được liệt kê là khách du lịch và không phải khách du lịch.

### **1.1.3 Khái niệm tài nguyên du lịch**

Tài nguyên du lịch là tổng thể tự nhiên và văn hoá - lịch sử cùng các thành phần của chúng góp phần khôi phục và phát triển thể lực và trí lực của con người, khả năng lao động và sức khoẻ của họ, những tài nguyên này được sử dụng cho nhu cầu trực tiếp và gián tiếp, cho việc sản xuất dịch vụ du lịch.

*Luật du lịch Việt Nam:* “Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, di tích cách mạng, giá trị nhân văn, công trình lao động sáng tạo của con người có thể được sử dụng nhằm thoả mãn nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các điểm du lịch, khu du lịch nhằm tạo sự hấp dẫn với du khách”.

Tài nguyên du lịch bao gồm tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn: “Tài nguyên du lịch tự nhiên là hiện tượng trong môi trường tự nhiên bao quanh chúng ta có khả năng làm thoả mãn các nhu cầu của khách du lịch như: nghỉ ngơi, tham quan, nghiên cứu khoa học, vui chơi, giải trí... được con người khai thác để sử dụng - phục vụ cho mục đích du lịch”. “Tài nguyên du lịch nhân văn là toàn bộ công trình nhân tạo do con người tạo ra và các giá trị văn hoá, lịch sử về nhận thức phục vụ cho các nhu cầu du lịch”.

### **1.1.4 Khái niệm về nghệ thuật dân gian truyền thống**

Văn hoá là tất cả những gì do con người sáng tạo nên và mang dấu ấn con người. Có rất nhiều những khái niệm khác nhau về “Văn hóa dân gian”. Theo tác giả Đinh Gia Khánh trong cuốn “Văn hóa dân gian Việt Nam trong bối cảnh văn hóa Đông Nam Á” cho rằng: Thuật ngữ “Văn hóa dân gian” được hiểu theo hai nghĩa : nếu hiểu theo nghĩa rộng thì thuật ngữ quốc tế “Folk Culture”, còn nếu như được hiểu theo nghĩa hẹp thì tương đương với thuật ngữ quốc tế “Folklore”.

Trước hết, hiểu theo nghĩa rộng: Văn hóa dân gian tức “Folk Culture” bao gồm toàn bộ văn hóa vật chất và tinh thần của dân chúng. Đó là phương thức sản xuất ra của cải vật chất, từ phương pháp, công cụ đến quy trình công nghệ (technologic) của mọi ngành sản xuất: nông nghiệp, thủ công nghiệp, công nghiệp, dịch vụ xã hội... Đó là sinh hoạt vật chất của dân chúng, từ cách thức cho đến

phương tiện trong việc ăn, mặc, ở, đi lại, chữa bệnh... Đó là mọi mặt của phong tục, tập quán gắn với các tổ chức của các cộng đồng người từ nhỏ tới lớn (gia đình, gia tộc, phe, giáp, thôn, xã, dân tộc). Đó là mọi mặt sinh hoạt như học tập, dạy nghề, giải trí, vui chơi, văn nghệ, hội hè, thị hiếu, tín ngưỡng, tôn giáo... Đó là tri thức về tự nhiên cũng như về xã hội của dân chúng, như các tri thức liên quan tới kĩ thuật, kỹ xảo, ngành nghề liên quan tới môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Đó là tình cảm, tư tưởng, quan niệm về đạo đức, nhận thức thế giới, về nhân sinh, về mối quan hệ giữa con người và thế giới.

Tìm hiểu Văn hóa dân gian theo nghĩa hẹp, tức là “Folklore”. Folklore chính là “Folk Culture” được tiếp cận dưới góc độ thẩm mỹ. Nói một cách khác, “Folklore” chính là những phần nào mang tính thẩm mỹ trong “Folk Culture”, bởi vì không phải tất cả các hiện tượng trong “Folk Culture” đều mang tính thẩm mỹ.

Khi nói đến “Folklore” (tức Văn hóa dân gian hiểu theo nghĩa hẹp), người ta thường nghĩ ngay đến các tác phẩm Văn học nghệ thuật dân gian: tục ngữ, ca dao, dân ca, dân nhạc, dân vũ, trò chơi dân gian, sân khấu dân gian, tác phẩm trang trí dân gian... Nhưng “Folklore” còn bao gồm các sinh hoạt văn hóa dân gian, tức các hoạt động liên quan tới việc tổ chức sáng tác hoặc biểu diễn các loại tác phẩm trên. Các sinh hoạt văn hóa dân gian thường gắn với những tập quán, phong tục nhất định (lễ hội, thờ cúng, tín ngưỡng...). Trong đó hội lễ dân gian quan trọng nhất, trong lễ hội có thể thấy tất cả các yếu tố của “Folklore”, từ tập quán, phong tục, thể lệ tổ chức, các sinh hoạt văn hóa và nghi lễ và vui chơi giải trí cho đến điều kiện môi trường cần thiết cho việc sáng tạo và biểu diễn các tác phẩm văn học, văn hóa nghệ thuật dân gian.

Ngoài ra, “Folklore” còn bao gồm các hiện tượng và các vật phẩm của đời sống xã hội ngày thường trong đó tính chất ích dụng lại kèm theo tính chất thẩm mỹ. Các hiện tượng và các vật phẩm ấy là các sinh hoạt văn hóa văn nghệ, các tác phẩm văn hóa – văn nghệ, chúng rất có ích ở chỗ đáp ứng cho nhu cầu tinh thần của con người, của xã hội. Nhưng với các tác phẩm văn học và nghệ thuật dân gian đã phát triển đến một trình độ cao thì tính thẩm mỹ thường nổi bật lên trên tính ích dụng.

Tóm lại, “Văn hóa dân gian theo nghĩa hẹp (tức “Folklore”) bao gồm tất cả các hiện tượng và các vật phẩm trong văn hóa dân gian theo nghĩa rộng (tức là Folk Culture) mà có tính thẩm mỹ. Tính thẩm mỹ này có thể còn gắn chặt với tính ích dụng trực tiếp đối với đời sống ngày thường hoặc là đã thể hiện một cách tương đối độc lập trong các tác phẩm văn hóa, văn học và nghệ thuật.

Trong bài “Folklore Việt Nam, trữ lượng và viễn cảnh”, giáo sư Trần Quốc Vượng cũng đã mở rộng quan niệm: “Nói Folklore là nói mọi tổng thể sáng tạo, mọi thành tựu của văn hóa dân gian ở mọi nơi, trong mọi thời và mọi thành phần dân tộc đang hiện tồn trên lãnh thổ Việt Nam... Sáng tạo dân gian bao trùm mọi lĩnh vực đời sống từ đời sống làm ăn thường ngày (ăn, mặc, ở, đi lại) đến đời sống ăn chơi, buông thả (thể thao dân gian, võ thuật, đánh cầu, đánh phết), hát hò, hò gi gao, hát đúm hát xoan...) đến đời sống tâm linh (giỗ, lễ tế, hội).

Do đó, những loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống có thể được hiểu theo nghĩa hẹp của văn hóa dân gian tức “Folklore”. Đặc biệt, nghệ thuật dân gian truyền thống có mối quan hệ gắn bó mật thiết với mọi mặt sinh hoạt vật chất và tinh thần của nhân dân trong toàn bộ lịch sử và là tiếng nói trực tiếp của họ. Nghệ thuật dân gian truyền thống cũng chính là bộ bách khoa toàn thư vĩ đại. Nơi kết tinh tri thức và tài năng, tư tưởng của nhân dân. Với chúng ta nghệ thuật dân gian truyền thống còn góp phần nhìn nhận đúng đắn, toàn diện về nhân dân và lịch sử đất nước mình. Nghệ thuật dân gian truyền thống còn là cội nguồn, nuôi dưỡng nền văn hoá dân tộc.

## **1.2 Vai trò của nghệ thuật dân gian truyền thống trong hoạt động du lịch**

### **1.2.1 Vai trò của nghệ thuật dân gian truyền thống trong đời sống Kinh tế - Văn hoá - Xã hội**

Việt Nam là một dân tộc đã có hàng nghìn năm lịch sử. Cũng như nhiều quốc gia khác trên thế giới, Việt Nam có một nền văn hoá mang bản sắc riêng. Chính những nét riêng đó đã làm nên cốt cách, hình hài và bản sắc của dân tộc Việt Nam. Cùng với nền văn hoá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, mỗi dân tộc đều có một nền văn hóa mang bản sắc riêng từ lâu đời, phản ánh truyền thống, lịch sử và niềm tự hào dân tộc. Bản sắc văn hoá dân tộc là tất cả những giá trị vật chất và

tin thần, bao gồm tiếng nói, chữ viết, văn học, nghệ thuật, kiến trúc, y phục, tâm lý, tình cảm, phong tục, tập quán, tín ngưỡng... được sáng tạo trong quá trình phát triển lâu dài của lịch sử. Sự phát triển rực rỡ bản sắc văn hoá mỗi dân tộc càng làm phong phú nền văn hoá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Thống nhất trong đa dạng là nét riêng, độc đáo của nền văn hoá các dân tộc Việt Nam. Sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hoá Việt Nam trong thời kỳ mới phải hướng vào việc củng cố và tăng cường sự thống nhất, nhân lên sức mạnh tinh thần chung của toàn dân tộc. Đồng thời phải khai thác và phát triển mọi sắc thái và giá trị văn hoá của các dân tộc, đáp ứng nhu cầu văn hoá tinh thần ngày càng cao và nhu cầu phát triển từng.

Nghệ thuật dân gian truyền thống đóng một vai trò quan trọng trong cả đời sống vật chất lẫn tinh thần của người dân Hải Phòng nói riêng và người dân Việt Nam nói chung. Đồng thời nghệ thuật dân gian truyền thống còn là một yếu tố tạo nên sự đa dạng, phong phú trong kho tàng văn hoá dân tộc và thúc đẩy hoạt động du lịch phát triển. Du lịch phát triển kích thích các ngành kinh tế khác phát triển, tạo công ăn việc làm cho nhiều lao động. Đặc biệt các ngành nghề khó có khả năng cạnh tranh thương mại như: các ngành nghề thủ công mỹ nghệ, các làng nghề truyền thống. Du lịch là con đường xuất khẩu tại chỗ hiệu quả nhất.

Nghệ thuật dân gian truyền thống là một bộ phận của văn hoá dân gian và góp phần hình thành tính dân tộc sâu đậm đã trở thành những giá trị cơ bản hình thành văn hoá của đất nước. Chính những giá trị văn hoá dân gian đó là tài nguyên du lịch nhân văn rất có giá trị, ngoài ra nghệ thuật dân gian truyền thống và hoạt động du lịch còn có mối quan hệ gắn bó và tương tác lẫn nhau. Khai thác các thế mạnh của nghệ thuật dân gian truyền thống để phát triển du lịch sẽ quay lại làm củng cố, phát triển bền vững nền văn hoá, thúc đẩy sự hiểu biết về văn hoá dân tộc. Sự phát triển du lịch cũng là sự thăng hoa văn hoá, giao lưu văn hoá giữa các tộc người góp phần tạo nên bản sắc riêng cho con người Việt Nam. Qua đó khách du lịch được tiếp xúc trực tiếp với các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống phong phú, lâu đời của các dân tộc từ đó nâng cao nhận thức, phẩm chất đạo đức, tình yêu quê hương - đồng bào... Thông qua việc phát triển du lịch văn hoá, thúc

đẩy sự giao lưu, hợp tác quốc tế, mở rộng sự hiểu biết, tình hữu nghị giữa các dân tộc, thông qua đó làm cho những con người sống ở các quốc gia, vùng lãnh thổ khác nhau hiểu biết và xích lại gần nhau hơn.

### ***1.2.2 Vai trò của nghệ thuật dân gian truyền thống trong hoạt động du lịch ở Hải Phòng***

Văn hoá - nghệ thuật Hải Phòng trong quá trình hình thành và phát triển cũng đã góp phần xây dựng lên bản lĩnh của người Việt. Đến khi đế quốc phong kiến phương Bắc xâm lược nước ta nó đã trở thành sức mạnh kết cố cộng đồng, duy trì và phát triển bản lĩnh dân tộc trong quá trình đấu tranh bảo vệ đất nước, đã nuôi dưỡng ngọn lửa đấu tranh của quân, dân Đại Việt. Ngày nay, những giá trị độc đáo ấy lại có những đóng góp to lớn vào kho tàng văn hoá nghệ thuật dân gian tạo nên sự phong phú và đặc sắc mang đậm bản sắc dân tộc. Trong các làng quê ở Hải Phòng hiện nay các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống vốn sống động, sinh sôi, nảy nở và trở thành tập tục bất biến trong sinh hoạt văn hoá tinh thần của người dân: lễ hội, các trò chơi dân gian,... thể hiện thế giới quan, tư tưởng, tình cảm của người dân lao động. Những di sản văn hoá này là thành quả của quá trình “khai sơn lấn biển” và truyền thống chống giặc ngoại xâm của vùng An Biên xưa, chúng còn tồn tại và phát triển đến nay cũng là kết quả của quá trình bảo vệ, giữ gìn và đấu tranh với các thế lực phong kiến của ông cha ta.

Việc nghiên cứu, bảo tồn và khôi phục các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống không còn là trách nhiệm của riêng ai mà nó thuộc về tất cả các ngành, các cấp, người dân địa phương và những người làm công tác tuyên truyền, quảng bá du lịch. Hiện nay, một số loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống tiêu biểu đã được khai thác phục vụ cho hoạt động du lịch và đang là đối tượng có sức thu hút rất lớn đối với du khách trong chương trình du lịch văn hoá.

Các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống đã làm phong phú thêm bản sắc văn hoá trong các tour du lịch thăm quan thành phố. Hiện nay, Sở Văn hoá Thể thao & Du lịch Hải Phòng đang triển khai củng cố các tour du lịch như tour: Du khảo đồng quê, tour du lịch nội thành, tour Hải Phòng - Thủy Nguyên,... giúp cho các chương trình du lịch Hải Phòng phong phú, hấp dẫn khách du lịch hơn. Góp

phần xây dựng du lịch Hải Phòng trở thành ngành kinh tế trọng điểm của thành phố.

## **Chương II: Thực trạng khai thác một số loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống của Hải Phòng cho hoạt động du lịch**

### **2.1 Khái quát về thành phố Hải Phòng**

Năm 1887, người Pháp tách vùng lân cận cảng Ninh Hải ra từ tỉnh Hải Dương để cho thành lập tỉnh Hải Phòng. Ngày 19 tháng 7 năm 1888, Tổng thống Pháp Sadi Carnot kí sắc lệnh thành lập thành phố Hải phòng - thành phố Hải Phòng chính thức có tên trên bản đồ Liên bang Đông Dương. Theo sắc lệnh thành phố Hải phòng được tách ra từ tỉnh Hải phòng, phần còn lại của tỉnh Hải phòng lập thành tỉnh Kiến An. Về mặt hành chính, thành phố Hải Phòng là một nhượng địa nên thuộc quyền trực trị của Pháp thay vì dưới thể chế bảo hộ của xứ Bắc Kỳ. Đến năm 1962 tỉnh Kiến An được sáp nhập với thành phố Hải Phòng.

#### **2.1.1 Vị trí địa lý và điều kiện kinh tế - xã hội**

##### **2.1.1.1 Vị trí địa lý**

Hải Phòng là thành phố ven biển, nằm phía Đông miền Duyên hải Bắc Bộ, cách thủ đô Hà Nội 102 km, có tổng diện tích tự nhiên là 152.318,49 ha (số liệu thống kê năm 2001) chiếm 0,45% diện tích tự nhiên cả nước. Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ninh. Phía Tây giáp tỉnh Hải Dương. Phía Nam giáp tỉnh Thái Bình. Phía Đông giáp biển Đông. Hải Phòng nằm ở vị trí giao lưu thuận lợi với các tỉnh trong nước và quốc tế thông qua hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường biển, đường sông và đường hàng không.

Ưu thế về vị trí địa lý là điều kiện quan trọng cho phát triển du lịch, với điều kiện thuận lợi này Hải Phòng đã khẳng định được vị trí của mình trên lĩnh vực kinh tế và cả trong hoạt động du lịch, thu hút được một lượng khách lớn đến với thành phố cảng.

##### **2.1.1.2 Điều kiện kinh tế - xã hội**

###### **\* Kinh tế**

Hải Phòng là một thành phố cảng biển và công nghiệp ở miền Bắc Việt Nam và là một thành phố biển nằm trong vùng duyên hải Bắc Bộ .



Hải Phòng là một trong năm thành phố trực thuộc Trung Ương, được xác định là đô thị loại một cấp quốc gia, và là thành phố lớn thứ ba của Việt Nam. Hải Phòng có vị trí quan trọng về kinh tế xã hội và an ninh, quốc phòng của vùng Bắc Bộ và cả nước. Là thành phố cảng, cửa chính ra biển quan trọng của nước ta, là đầu mối giao thông quan trọng vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Trong khu vực hợp tác trên hai hành lang - một vành đai hợp tác kinh tế Việt Nam - Trung Quốc. Hải Phòng là đầu mối giao thông đường biển phía Bắc. Với lợi thế cảng biển nước sâu ngành vận tải biển rất phát triển, đồng thời là một trong những động lực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Là Trung tâm kinh tế - khoa học - kỹ thuật tổng hợp của Vùng duyên hải Bắc Bộ và là một trong những trung tâm phát triển của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước.

Kế hoạch đề ra một số chỉ tiêu chủ yếu phát triển thành phố Hải Phòng, trong đó, phấn đấu đến năm 2015 tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt 13,5-14%/năm; giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 18-19%/năm; kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 4 tỷ USD; sản lượng hàng hóa thông qua các cảng khu vực đạt trên 50 triệu tấn; thu hút khoảng 9 triệu lượt khách du lịch; tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị giảm còn dưới 4%.

Hải Phòng là thành phố mang trong mình rất nhiều tiềm lực về kinh tế, mức sống ng-ời dân ổn định và khá cao so với các tỉnh thành trong cả n-ớc. Nếu kinh tế phát triển thu nhập và mức sống ng-ời dân sẽ cao hơn tiền d- thừa do đó cũng tăng lên và có thể có điều kiện để phát triển nhu cầu du lịch.

Nếu kinh tế phát triển cũng có điều kiện đầu t- xây dựng nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi giải trí, để phục vụ nhu cầu của khách. Xuất hiện các điểm du lịch gắn với hoạt động kinh tế đó là các khu công nghiệp, các trung tâm th-ơng mại, hội nghị hội chợ... Biến đổi cán cân thu chi, phân phối lại thu nhập quốc dân (thu đ-ợc ngoại tệ ngay trên lãnh thổ của mình nhờ du lịch). Đồng tiến chuyển dịch từ các quốc gia giàu sang các quốc gia nghèo và các vùng miền.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đó đạt được thành phố vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập trong việc thực hiện chỉ tiêu kinh tế những kết quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng lợi thế và vai trò là vựa kinh tế trọng điểm của cả nước,

chất lượng hiệu quả xã hội và đô thị còn nhiều yếu kém, công tác quản lý chậm chạp và chưa chặt chẽ.

**\* Xã hội**

Hải Phòng là thành phố cảng hiện đại ở Việt Nam. Tuy nhiên, dân cư sinh sống ở đây từ rất sớm, theo kết quả nghiên cứu khảo cổ tại di chỉ Cái Bèo, khu vực Tràng Kênh và một số thư tịch cổ thì cư dân sinh sống ở mảnh đất này cách đây khoảng 6000 - 7000 năm. Hải Phòng còn có những đặc điểm mang dấu ấn của nền văn hóa Đông Sơn một nền văn hoá của thời đại kim khí đồng thau, nền văn hoá đặc sắc trong lịch sử dân tộc qua hàng nghìn năm hình thành và phát triển, cộng đồng dân cư ở Hải Phòng không ngừng lớn mạnh và phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng. Theo kết quả điều tra dân số ngày 01/04/2009, dân số Hải Phòng là 1.837.302 người, trong đó dân cư thành thị 847.058 người chiếm 46,1% dân cư nông thôn 990.244 người chiếm 53,9%.

Với số dân đông sẽ là điều kiện thuận lợi cho thành phố Hải Phòng thu hút nguồn lao động đến với ngành du lịch.

**2.1.2 Tài nguyên du lịch Hải Phòng**

Tài nguyên du lịch Hải Phòng rất đa dạng và phong phú bao gồm cả tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn.

Tới thăm Hải Phòng vào mùa xuân, du khách có thể tham dự nhiều lễ hội thăm các di tích văn hoá lịch sử. Vào mùa hè, tham gia các chuyến du lịch và vui chơi giải trí trên bãi biển Đồ Sơn, quần đảo Cát Bà hay Vịnh Hạ Long. Vào mùa thu, tham dự hội chợ trầu hay thăm những làng nghề truyền thống. Vào mùa đông, đến với thú vui leo núi, thăm các hang động tại Cát Bà, lên núi voi. Người Hải Phòng còn làm hài lòng du khách với những món ăn đặc sản của biển và nhiều cuộc khám phá đầy ấn tượng trên vùng đất đã được tạo hoá và con người của nhiều thế hệ vun đắp.

Chính sự đa dạng về tài nguyên du lịch đã thu hút số lượng khách đến thăm quan, nghỉ dưỡng tại Hải Phòng ngày càng tăng. Sự phát triển của du lịch Hải Phòng đã kéo theo sự phát triển của nhiều ngành nghề khác trong đó có ngành kinh doanh khách sạn.

### **2.1.2.1 Tài nguyên du lịch tự nhiên**

Do đặc điểm địa hình cùng với những sự biến đổi phức tạp về địa chất trong quá trình hình thành đã tạo nên những thắng cảnh tuyệt đẹp cho Hải Phòng.

Nói tới Hải Phòng không thể không nhắc đến Đồ Sơn và đảo Cát Bà với Vườn Quốc gia Cát Bà – hai thắng cảnh nổi tiếng, có phong cảnh sơn thủy hữu tình với nhiều giá trị có thể khai thác phát triển nhiều loại hình du lịch.

#### ***Khu du lịch Đồ Sơn***

Bãi biển Đồ Sơn cách trung tâm thành phố 20km về phía đông nam, nằm giữa hai cửa sông Lạch Tray và Văn Úc. Đây là một bán đảo với đồi núi, rừng cây nối tiếp nhau vươn ra biển tới 5km, giống như cái đầu rồng hướng ra vì n ngọc hòn Dấu. Dưới thời Pháp thuộc, Đồ Sơn đã được phát hiện và trở thành khu nghỉ mát lý tưởng của các quan chức Pháp và giới thượng lưu người Việt.

Bãi biển Đồ Sơn được chia làm ba khu, mỗi khu đều có bãi tắm, đồi núi, rừng thông yên tĩnh. Hiện nay Đồ Sơn vẫn còn lưu giữ nhiều công trình kiến trúc được xây dựng từ thời Pháp thuộc như: khu biệt thự Bảo Đại trên đồi Vung – ông vua cuối cùng của triều Nguyễn ở khu 2. Một công trình kiến trúc nhỏ có dáng dấp như một ngôi chùa nên có tên gọi là pagodon ở khu 3. Đặc biệt ở cuối bán đảo có Hotel de la pionte nay là khách sạn Vạn Hoa, tọa lạc trên một ngọn đồi khá cao, nơi này có khu giải trí Casio – một cơ sở liên doanh giữa Việt Nam và HongKong năm 1994. Đây là khu giải trí giành cho khách du lịch quốc tế, đã thu hút rất nhiều khách du lịch quốc tế, có thể nói đây là khu giải trí sầm uất nhất Đồ Sơn.

#### ***Khu du lịch quần đảo Cát Bà***

Từ Bến Bính hoặc Đình Vũ hay từ Đồ Sơn, du khách có thể đi bằng tàu hoặc tàu cao tốc tới thăm đảo và vườn quốc gia Cát Bà, vịnh Hạ Long hay Bái Tử Long. Cát Bà là đảo lớn nhất và độc đáo nhất trong tổng số 1996 hòn đảo của quần thể di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long. Cát Bà là một quần đảo có 366 đảo lớn, nhỏ. Đảo chính là Cát Bà với diện tích hơn 200km<sup>2</sup>. Cát Bà nằm về phía tây nam vịnh Hạ Long và vịnh Bái Tử Long, cách cảng Hải Phòng 60km. Thiên nhiên ưu đãi cho Cát Bà nhiều cảnh quan đẹp, tài nguyên biển và rừng phong phú, một quần thể đảo và hang động trên biển làm mê hồn du khách. Năm 2004, Cát Bà

được Unesco công nhận là khu dự trữ sinh quyển thế giới. Với sự kiện này cũng đã làm tăng sự hấp dẫn, thu hút khách du lịch đến với Cát Bà.

Vườn Quốc gia Cát Bà nằm trên đảo Cát Bà, có diện tích quy hoạch bảo vệ là 15.200ha rừng và 5.400ha biển. Địa hình rất đa dạng chủ yếu là núi đá vôi, nhiều hang động kì thú, vũng, vịnh hấp dẫn du khách như: động Trang Trung, động Hùng Sơn, vịnh Lan Hạ, vụng Tùng... Cát Bà có tới 139 bãi tắm mini nằm xen kẽ giữa những dãy núi đá vôi trùng điệp với cấu trúc địa hình Karst ngập nước, hệ sinh thái san hô của Cát Bà là tài nguyên đặc hữu trong quần thể di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long.

Trên đảo còn lưu giữ được khu rừng nguyên sinh nhiệt đới, có hệ thống động thực vật quý hiếm còn tồn tại ở đây như Voọc đầu trắng được ghi trong sách đỏ của thế giới, có tới 745 loài thực vật bậc cao điều kiện khí hậu chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa lại mang tính chất hải dương nên mùa hè mát mẻ kết hợp với địa hình đa dạng, xem kẽ giữa các hang động kì thú là hững bãi cát trắng mịn: Cát Cò 1, 2, 3; Cát Dứa;... du khách tới đây có thể tham gia vào nhiều loại hình du lịch: du lịch mạo hiểm, du lịch tắm biển. Du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng,... Cát Bà thực sự là “hòn đảo Ngọc” của thành phố và là tiềm năng lớn cho khai thác phục vụ cho ngành du lịch.

### ***Thắng cảnh Tràng Kênh***

Tràng Kênh nằm ở thôn Tràng Kênh, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên cách trung tâm thành phố 20km về phía đông bắc, thuộc khu di tích và danh thắng đã xếp hạng. Đây là một quần thể núi đá vôi hang động, sông, nước với cảnh trí thiên nhiên nên thơ. Quanh Tràng Kênh có nhiều động kỳ thú. Hang Vua thuộc xã Minh Tân, cao 18m, rộng 10m. Trong hang có nhiều ngách, có suối nước quanh năm trong mát. Gọi là hang Vua vì tương truyền rằng vua Hùng thứ 18 đã lập li cung ở đây. Đền thờ vua Hùng được đặt ở chính giữa hang, tượng vua được tạc bằng đá, trông rất sinh động.

Tràng Kênh còn là một di chỉ xưởng chế tác đồ trang sức bằng đá lớn nhất Đông bắc Tổ quốc, phản ánh sự tiến bộ kĩ thuật của người Việt cổ ở giai đoạn chuyển tiếp từ hậu kì đá mới sang sơ kì thời đại đồng thau có niên đại cách ngày

nay trên 3.400 năm. Di chỉ Tràng Kênh có diện tích hàng vạn m<sup>2</sup>. Được chia thành 2 khu vực: khu A và khu B. Khu A là thung lũng của 3 ngọn núi đá vôi: Hoàng Tôn, Ao Non, áng Rong, trong đó tầng văn hoá tập trung ở phía đông chân núi Hoàng Tôn. Khu B nằm ở phía Đông bắc chân núi Ao Non. Khu vực này có nhà ở của dân cư thôn Tràng Kênh và một con đường giao thông nằm dọc trên di chỉ.

Sông Bạch Đằng như một dải lụa đào vắt ngang núi U Bò sừng sững, cách trung tâm thành phố 20 km, tiếp giáp với biển, cảnh sắc vô cùng mênh mông, hùng vĩ. Sông có địa thế hiểm, nhiều vị tướng tài trong lịch sử như Ngô Quyền (938), Lê Hoàn (981), Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn (1288) đã đánh tan các đạo thủy binh lớn của giặc ngoại xâm ở nơi đây. Đây là dòng sông đóng vai trò to lớn trong sự phát triển của lịch sử dân tộc, đánh dấu sự thắng lợi và những chiến công vẻ vang của dân tộc Việt. Hàng năm trên dòng sông lịch sử này thường tổ chức hội thi bơi truyền thống vượt sông Bạch Đằng và thu huta hàng trăm lượt khách đến tham quan.

### ***Núi Voi***

Núi Voi – ngọn núi cao nhất ở phía bắc Kiến An, bên bờ sông Lạch Tray. Dưới chân núi là động Long Tiên – nơi thờ nữ tướng Lê Chân. Núi Voi có nhiều hang động đẹp: hang Voi, hang Chiêng, hang Bể, động Chùa, động Bàn cờ tiên. Trong các hang động có nhũ đá muôn hình kì lạ, du khách có thể đứng trên đài Thiên Văn ở núi Voi quan sát được toàn thành phố Hải Phòng.

#### **2.1.2.2 Tài nguyên du lịch nhân văn**

Là vùng đất có lịch sử hình thành từ rất sớm, vì vậy thành phố hải Phòng còn bảo tồn nhiều di sản văn hóa của dân tộc, bao gồm các di tích lịch sử văn hóa, các lễ hội truyền thống, phong tục tập quán, cách thức sinh hoạt, các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống, công trình kiến trúc,... mang đậm nét truyền thống.

Hiện nay, ở Hải Phòng còn lưu giữ nhiều lịch sử - văn hóa, các công trình kiến trúc và phân tán ở hầu khắp các địa phương trên địa bàn thành phố. Theo thống kê của Sở văn hóa thông tin thì hiện tại toàn địa bàn thành phố Hải Phòng có 96 di tích được công nhận là di tích cấp quốc gia, 126 di tích cấp thành phố và nhiều di tích chưa được xếp hạng. Kho tàng di sản quý báu này là những giá trị to lớn mà

thế hệ trước đã dày công tạo lập và giữ gìn, phản ánh đời sống tinh thần, quan niệm về tâm linh, đời sống tín ngưỡng của người dân Việt Nam nói chung và người dân Hải Phòng nói riêng. Trong đó có nhiều di tích có giá trị về mặt kiến trúc, tư tưởng, nghệ thuật và được đưa vào khai thác phục vụ cho hoạt động du lịch:

**\* Hệ thống di tích lịch sử - văn hoá**

***Chùa Dư Hàng (Phúc Lâm Tự)***

Chùa thuộc phường Hồ Nam, quận Lê Chân, cách trung tâm Hải Phòng 2km về phía tây nam. Chùa được xây dựng vào thời Tiền Lê (980 - 1009). Vua Trần Nhân Tông (1258 - 1308) vị vua mộ đạo Phật đã từng đến giảng đạo tại Phúc Lâm Tự. Chùa được trùng tu nhiều lần. Ngày nay chùa Dư Hàng được xếp hạng là một di tích lịch sử. Chùa còn lưu giữ nhiều hiện vật quý: tượng Phật, đỉnh đồng, chuông, khánh, đặc biệt là bộ sách kinh Trạng A Hàm là tài liệu cổ về giáo lý đạo Phật.

Đến với chùa Dư Hàng du khách không chỉ được thắp hương cúng lễ Phật, tịnh tâm,... mà còn được chiêm ngưỡng một kiến trúc độc đáo với quy mô bề thế và nghệ thuật điêu khắc, mỹ thuật hết sức đặc biệt. Đây là một danh lam thắng cảnh nằm giữa lòng thành phố, là một cảnh đẹp không chỉ của Hải Phòng mà còn là của cả nước.

***Đình Hàng Kênh***

Đình được xây dựng năm mậu Tuất (1717) đến 1841 chuyển tới vị trí hiện tại. Năm 1905 được mở rộng như ngày nay. Đình còn có tên là đình Nhân Thọ. Đình Hàng Kênh là công trình có giá trị lớn về điêu khắc gỗ. Trong đình có 156 mảng trạm khắc, con rồng là đề tài chính. Toàn bộ công trình chạm khắc có tới 308 hình rồng to, nhỏ khác nhau. Trong đình có tượng vua Ngô Quyền và kiệu bát công là hiện vật có giá trị về mỹ thuật. Hàng năm từ ngày 16 đến 18/2 âm lịch, đình mở hội có tế lễ, diễn chèo, tuồng, ca trù, chầu văn và các trò chơi cờ tướng, đấu vật, chọi gà,... thu hút đông đảo nhân dân tham dự.

***Đình Nhân Mục***

Đình làng Nhân Mục, xã Nhân Hoà, huyện Vĩnh Bảo, được xây dựng vào thế kỉ XVII. Đình được trùng tu nhiều lần. Lần trùng tu cuối cùng vào năm 1941.

Đình gồm 5 gian tiền đường, dài 15m, rộng 5m. Hậu cung dài 9m, rộng 1m. Đình lợp ngói mũi hài. Ngôi đình hiện nay còn giữ được những nét kiến trúc tiêu biểu của thế kỉ XVII. đặc biệt đình có bộ khung sườn bằng gỗ tứ thiết được liên kết bằng vì kèo xà với kĩ thuật sâm mọng. Đình Nhân mục có nhiều cổ vật quý được cất giữ như kiệu bát cống thế kỉ XVII, bia đá cao 1,8m, dài 0,26m là tác phẩm điêu khắc tuyệt vời vào năm 1694, bình pha trà gồm men ngọc thế kỉ XIV. Đình Nhân Mục còn là nơi bảo lưu những sinh hoạt văn hoá cổ truyền của dân tộc. Hàng năm tại đây trong ngày hội làng có nghệ thuật múa rối nước rất độc đáo.

### ***Đền Nghè***

Đền nằm ở trung tâm thành phố Hải Phòng, cách Nhà hát lớn chừng 600m về phía tây nam. Đền thờ bà Lê Chân, một nữ tướng của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng thế kỉ thứ nhất (40 - 43), người lập ra làng An Biên, tiền thân của thành phố Hải Phòng sau này. Lúc đầu, đền là một miếu nhỏ. Năm 1919, toà hậu cung của đền được xây dựng, năm 1926 toà tiền bái được xây dựng. Đây là một di tích kiến trúc văn hoá quý với voi đá, ngựa đá, sập đá, bia đá...

### ***Khu di tích Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm***

Khu di tích thuộc thôn Trung Am, xã Lý Học, Vĩnh Bảo, gồm 9 hạng mục: tháp bút Kinh Thiên, đền thờ được dựng sau khi cụ mất (1585) với ba gian tiền đường, hai gian hậu cung, phía trước có hai hồ nước tượng trưng cho trời và đất, bức hoành phi trong đền có khắc bốn chữ An Nam Lý Học, nhà trung bày thân thế và sự nghiệp của Nguyễn Bình Khiêm, phần mộ của cụ thân sinh ở phía sau đền, tượng Nguyễn Bình Khiêm bằng đá cao 5,7m, nặng 8,5 tấn, hồ bán nguyệt rộng khoảng 1000m<sup>2</sup>, chùa Song Mai, Nhà Tổ có tượng thờ bà Minh Nguyệt vợ của Nguyễn Bình Khiêm và Quán Trung Ân, nơi lưu giữ quan niệm mới về chữ Trung hướng lòng theo chí trung chí thiện. Ngày nay, khu di tích đã được xây dựng khang trang, trở thành điểm du lịch văn hoá lớn của Hải Phòng. Hàng năm tổ chức các lễ hội lớn kỷ niệm danh nhân văn hoá Nguyễn Bình Khiêm.

### ***Quán hoa***

Quán hoa được xây dựng vào cuối năm 1944 dùng để bán hoa. Đây là một dãy gồm năm quán hoa nhỏ xinh xinh, ngói cong mái vẩy với bốn cột tròn như

mang đậm nét kiến trúc phương Đông. Quán hoa ẩn mình dưới tán lá xanh, hoa đỏ của hàng phượng vĩ mang vẻ đẹp dịu dàng như chính vẻ đẹp truyền thống của Hải Phòng. Từ khi được xây dựng đến nay quán hoa luôn là biểu tượng kiến trúc của thành phố, cuốn hút và hấp dẫn khách du lịch tới tham quan.

### ***Nhà hát lớn***

Nhà hát lớn nằm ở khu trung tâm - quảng trường thành phố, xây dựng từ năm 1904, bản vẽ thiết kế, nguyên vật liệu mang từ Pháp sang, do kiến trúc sư người Pháp mô phỏng theo các nhà hát của Pháp thời Trung cổ. Nhà hát lớn cao hai tầng, có hành lang, tiền sảnh, phòng gương, phòng gửi quần áo, căng tin... và sân khấu chính với khán trường 400 ghế. Trần khán trường hình vòm có trang trí hoa văn và ghi tên các nghệ sĩ nổi tiếng

Quảng trường Nhà hát lớn là nơi hội họp, tổ chức các cuộc mít tinh chào mừng những sự kiện lớn của thành phố hay dân tộc. Ngày nay, Nhà hát lớn được đầu tư tôn tạo và đưa vào phục vụ hoạt động du lịch, đang là một điểm đến không thể thiếu khi khách du lịch đến tham quan trung tâm thành phố.

### **\* Một số lễ hội**

#### ***Lễ hội chọi trâu***

Đây là lễ hội độc đáo và nổi tiếng của Đồ Sơn (Hải Phòng). Lễ hội diễn ra ngày 9/8 âm lịch. Phần nghi lễ rất trang trọng với lễ rước thần trên kiệu ròn có tán và lọng che, phường bát âm... rất nhiều đối tượng tham gia.

Mở đầu trận đấu là màn múa cờ tung bừng của mấy chục thanh niên khoẻ mạnh. Sau hiệu lệnh, từng cặp trâu đấu được dẫn vào sới chọi trong các trâu được chọn vào tháng 6 âm lịch trước đó để tham dự vòng trung kết này. cuộc đấu diễn ra rất quyết liệt giữa các đấu thủ bằng các miếng nhà nghề... Theo quy định con nào bỏ chạy là thua. Trâu thắng trận vòng chung kết này được rước trang trọng về đình trong tiếng reo hò, hân hoan của cộng đồng. Lệ cũng quy định trâu thắng hay thua đều làm thịt để cúng thần và chia cho các gia đình cùng hưởng lộc.

Lễ hội chọi trâu là một trong 15 lễ hội lớn của cả nước. Hiện nay, hội chọi trâu từ lâu đã vượt qua khuôn khổ một hội làng, hội vùng trở thành một lễ hội dân gian đặc sắc nhất ở nước ta. Đây là nét đặc sắc trong kho tàng văn hoá truyền thống



của người dân Hải Phòng vẫn được quan tâm, nghiên cứu, bảo tồn và giới thiệu với du khách.

### ***Lễ hội Đền Trạng***

Lễ hội tưởng niệm Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm thường được chức nhân ngày sinh (10/4 âm lịch) và ngày mất cụ (28/11 âm lịch). Trong đó lễ hội kỉ niệm ngày mất 28/11 thường tổ chức với quy mô lớn hơn. Địa điểm lễ hội là khu di tích Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm tại thôn Trung Am, xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo. Lễ hội đền Trạng là một sự kiện văn hoá trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Cư dân nhiều địa phương trong vùng, rất nhiều du khách trong và ngoài nước cũng đến dâng hương tưởng niệm cụ Trạng Trình vào dịp này.

### ***Lễ hội xuống biển***

Lễ hội được tổ chức tại nhiều làng chài ở các huyện Cát Bà, An Dương, Kiến Thụy từ ngày 4 đến ngày mùng 6 tháng giêng (âm lịch) hàng năm. Sau khi làm lễ tế Thủy Thần, Long Vương, một hồi trống lệnh vang lên, hàng trăm trai tráng tay cầm chèo và vật dụng đánh cá hò reo chạy tới thuyền của mình chèo tới nơi quy định nhanh nhất. Cuộc đánh cá rất sôi nổi.

Đến khi nghe thấy tiếng pháo lệnh thu quân. Họ đưa cá đến đình làng để các bô lão chấm thi. Con cá ngon nhất được chế biến ngay trên sân đình để tế thần, số cá còn lại chia cho mọi người. Ai đánh được ca to nhất hoặc nhiều cá nhất sẽ được trao giải. Đây là lễ hội đặc sắc, tiêu biểu của người dân vùng biển Cát Bà. Hiện nay, lễ hội vẫn được duy trì nhằm tôn vinh nghề đi biển.

### **\* Một số loại hình nghệ thuật dân gian**

#### ***Múa rối cạn - múa rối nước***

Múa rối là một môn nghệ thuật dân gian lâu đời của Hải Phòng. Tương truyền, phường múa rối cạn có tới 7 đời ở Bảo Hà, xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo cách trung tâm Hải Phòng hơn 30km. Ngày nay, biểu diễn múa rối cạn đã mang tính chất sân khấu kịch hát.

Múa rối nước Nhân Hoà là loại hình sân khấu rối kết hợp với thiên nhiên lửa pháo. Con rối nước Nhân Hoà làm bằng gỗ sơn then, không mặc quần áo. Nơi

biểu diễn rỗi nước thường là ao, hồ. Ngày nay người ta tạo bể nước để có thể diễn rỗi nước trong rạp hát.

Nghệ thuật múa rỗi là loại hình nghệ thuật quý của Hải Phòng, một tài nguyên du lịch nhân văn rất đặc sắc. Đã và đang nhận được rất nhiều sự quan tâm của khách du lịch đặc biệt là đối tượng khách du lịch quốc tế.

### ***Ca trù Đông Môn***

Ca trù còn gọi là hát ả đào, là một môn nghệ thuật có từ lâu đời ở nước ta. Ở Hải Phòng có nguồn gốc ở thôn: Đông Môn, xã Hoà Bình, huyện Thuỷ Nguyên. Hàng năm ngày 23 tháng 4 âm lịch là ngày giỗ tổ làng nghề và là ngày hội của đền Đông Môn, mọi người nô nức về đây dâng hương, tổ chức hát ca trù để tưởng nhớ người có công lập ra loại hình nghệ thuật này.

Thói quen thưởng thức ca trù trong ngày vui, ngày hội trở thành một nét đẹp văn hoá của người dân Hải Phòng. Cần có sự quan tâm, đầu tư phát triển để nghệ thuật ca trù không bị mai một và trở thành một nghệ thuật quan trọng trong nghệ thuật dân gian ở Hải Phòng, góp phần khai thác cho phát triển du lịch văn hoá.

## **2.2 Hệ thống các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống ở Hải Phòng**

Từ xa xưa, mảnh đất Hải Phòng lịch sử này đã có quá trình hình thành và phát triển gắn liền với quá trình khai hoang lấn biển tiến xuống đồng bằng ven biển của dân Lạc Việt. Một trong những người có công khai phá ra vùng đất này là bà Lê Chân, một nữ tướng của hai Bà Trưng (40- 43) về đây lập nên làng An Biên - một trang trại do bà quản lý vừa triệu tập dân chúng khai hoang sinh sống, vừa là địa điểm cơ yếu về quốc phòng với cái tên Hải tần phòng thủ mà sau này gọi tắt là Hải Phòng. Từ buổi khai hoang lập ấp đấy, cư dân tập trung đến đây khá đông đúc, họ là những người dân làm nghề chài lưới quanh năm lênh đênh trên sông, biển hoặc đến từ các tỉnh lân cận: Thái Bình, Hải Dương,... Chính sự pha tạp giữa cư dân bản địa và dân ngụ cư đã tạo cho vùng này một nét văn hoá riêng biệt, đời sống văn hoá tinh thần ở đây đã có sự giao lưu, tiếp xúc giữa các vùng, miền, các tộc người tạo sự phong phú độc đáo mang đậm tính sông nước.

Cộng đồng dân c- sinh sống trên địa bàn Hải Phòng đã bảo l- u những giá trị sinh hoạt văn hoá vật chất và tinh thần của ng- ời Việt. Những nếp sinh hoạt hàng ngày, thói quen làm nhà, bố trí nội thất, chế biến món ăn, phong tục c- ới hỏi,... Vừa mang những sắc thái chung của cộng đồng ng- ời Việt, vừa mang nét riêng của vùng biển.

Đặc điểm nổi bật của văn hoá dân gian Hải Phòng là sự độc đáo và đa dạng của các loại hình văn hoá nghệ thuật dân gian truyền thống tiêu biểu .

***Thứ nhất: Xét về loại hình dân ca - dân gian***

Hải Phòng là địa ph- ơng hiện còn l- u giữ nhiều đoạn hát đ- ợc phổ biến rộng rãi và trở nên quen thuộc trong đời sống lao động sản xuất, sinh hoạt, hội hè, các làn điệu hát ru, hò vè, hát ví, ca dao, tục ngữ, hát Đúm...

Hát ru vốn bắt nguồn từ đời sống sinh hoạt của con ng- ời, là hình thức thuộc loại dân ca sinh hoạt dân gian quen thuộc, phổ biến rộng rãi trong cộng đồng dân c- . Lời của bài hát ru là có thể là một bài thơ, một bài ca dao, một bài đồng dao, tục ngữ... kết hợp, khéo léo với âm thanh trầm bổng từ tiếng hát của người mẹ làm cho lời ru trở nên tha thiết, nhẹ nhàng. Trong cuộc đời mỗi con ng- ời, ai cũng ít nhất một lần trong đời đ- ợc nghe hát ru bằng chính lời hát ru của mẹ, đó là cội nguồn, là dòng sữa theo đưa con trong suốt quá trình khôn lớn và tr- ởng thành. Hát ru có ở các vùng, miền trên cả n- ớc và ở mỗi nơi đều có đặc tr- ơng riêng: hát ru Nam bộ, hát ru của vùng Thanh - Nghệ Tĩnh, hát ru của các đồng bào dân tộc thiểu số... Hát ru Hải Phòng cũng có những nét riêng mang đặc điểm và âm h- ởng mạnh, có vị “mặn mòi” của muối biển trong ca từ: mạnh mẽ và táo bạo là đặc trưng dễ nhận thấy đ- ợc.

Hát ca trù, hát ví là các loại hình nghệ thuật dân gian tiêu biểu. Hát ca trù là loại hình nghệ thuật thanh tao, nghệ thuật Cung đình x- a, cũng là nghệ thuật dân gian mang bản sắc dân tộc độc đáo của Việt Nam có từ rất sớm, đã phát triển dần về phía cửa đình, từ thế kỉ XIX lan về nhà riêng và ca quán. Quanh Hải Phòng hầu hết các huyện đều có ph- ờng hát với đền thờ Tổ ca công ở Đông Môn (Thuy Nguyễn). Có thể đây cũng là một trong những nơi là gốc nghề ở miền Bắc. Hát ca trù là một lối hát rất khó, ng- ời hát cũng phải hiểu thơ, Đào N- ơng cũng phải học từng tiếng đàn, phổ phách, phải có giọng hát tốt, học nhả chữ, buông chữ nắn nót

từng tiếng nhấn nhá từng chữ, mang sắc thái tinh tế, h- thực với âm luật rất chặt chẽ kết hợp với các nhạc cụ truyền thống: sáo, tiêu, đàn đáy, phách,...

Bên cạnh đó Hải Phòng còn ẩn chứa một kho tàng tục ngữ, ca dao, cổ tích, huyền thoại dân dã ch- a đ- ợc s- u tâm, nghiên cứu đầy đủ. Do đó, ngày nay các thể loại phần lớn đã bị thất lạc hoặc phân tán rải rác. Riêng về lĩnh vực hát dân gian còn có hò hái củi ở Kiến An, hò gọi ghé ở Đồ Sơn, hò chèo vịnh ở Kiến Thụy... nh- ng hầu hết là l- u truyền trong dân gian.

Một trong những hình thức dân ca phổ biến của Hải Phòng là hình thức hát đối đáp mà tiêu biểu là hát Đúm có hầu khắp các địa ph- ơng ven biển, thành phố hiện còn đ- ợc bảo l- u khá hoàn chỉnh ở Thủy Nguyên. Trong thể loại dân ca này th- ờng mang hình thức các thể thơ truyền thống của dân tộc nói chung. Đi kèm với các hình thức dân ca nói trên là các nhạc cụ dân tộc với nhiều thể loại phong phú: nhạc cụ dây thì có: đàn nguyệt, đàn tì bà, đàn tranh, đàn bầu, nhị. Nhạc cụ hơi có: sáo, tiêu, nhạc cụ gõ thì có các loại trống,...

### ***Thứ hai: Xét về nghệ thuật sân khấu truyền thống***

Loại hình ca kịch có truyền thống lâu đời ở Việt Nam nói chung và Hải Phòng nói riêng là nghệ thuật chèo. Chèo là môn nghệ thuật dân tộc truyền thống của ông cha ta để lại, nó ra đời từ hàng trăm năm nay, trải qua nhiều thăng trầm biến thiên của lịch sử chèo vẫn son sắt thủy chung kế thừa, phát huy, giữ gìn đậm đà bản sắc dân tộc. Có thể nói chèo là loại hình sân khấu ca kịch của nông thôn vùng đồng bằng Bắc Bộ ngày x- a nên không hoạt động chuyên nghiệp. Diễn viên chèo là những trai gái trong làng hàng ngày họ vẫn làm việc đồng áng khi có hội hè, đình đám họ mới tập hợp thành ph- ờng chèo đi diễn l- u động phục vụ nhân dân. Sân khấu chèo không tách biệt với quần chúng, nó chỉ là một chiếc chiếu trải tr- ớc sân Đình mà dân gian th- ờng gọi là “chiếu chèo” hay “chèo và đình”. Hầu hết các Quận, Huyện, Thị xã, các cơ quan xí nghiệp ở Hải Phòng đâu cũng có những đội chèo vang bóng một thời nh- : Tam C- ờng, Trấn D- ơng, Vĩnh Am, Giang Biên (Vĩnh Bảo), Kiến Quốc, Ngũ Phúc, Tú Sơn (Kiến Thụy), Đoàn Lập, Mỹ Đức (Tiên Lãng).

Bên cạnh nghệ thuật chèo là nghệ thuật múa rối cũng thuộc loại hình sân khấu dân gian bao gồm: múa rối n- ớc, múa rối cạn, sân khấu múa rối do con rối

biểu diễn, nh- ng những làn điệu trong múa rối thì th- ờng là những làn điệu của chèo hay dân ca. Một nhân vật nổi tiếng trên sân khấu múa rối đó là nhân vật Tễu, một hình ảnh đậm nét của ng- ời dân Việt Nam luôn lạc quan, yêu đời và nhân hậu.

***Thứ ba: Xét về loại hình nghệ thuật điêu khắc, trang trí dân gian***

Bao gồm các tác phẩm điêu khắc, tác phẩm kiến trúc, tác phẩm trang trí dân gian gắn liền với những ngành nghề truyền thống. Các làng nghề thủ công truyền thống với các tác phẩm nghệ thuật đặc sắc đã hình thành nhiều thế kỉ đến nay vẫn đ- ợc l- u truyền và phát triển trên diện rộng ở hầu khắp các địa ph- ơng trên địa bàn thành phố: nghề dệt thảm len D- Hàng Kênh, nghề đúc kim loại ở Mĩ Đồng (Thủy Nguyên), nghề tạc tượng sơn mài Bảo Hà... Cùng với các thế mạnh về cảnh quan thiên nhiên nền văn hoá đặc sắc thì làng nghề truyền thống đang là một tiềm năng du lịch quan trọng của thành phố Hải Phòng để phát triển du lịch. Sự kết hợp giữa làng nghề thủ công truyền thống và du lịch ở Việt Nam hầu nh- không có ở một số quốc gia Đông Nam Á khác. Đây chính là điều kiện để du lịch Hải Phòng tạo ra lợi thế cạnh tranh với các vùng khác, đồng thời du lịch phát triển đã góp phần thúc đẩy công tác xây dựng và khôi phục các làng nghề truyền thống. Đây là cơ hội tốt để các làng nghề truyền thống Hải Phòng giới thiệu sản phẩm và tiếp cận thị tr- ờng tiêu thụ.

Văn hoá - văn nghệ dân gian truyền thống Hải Phòng đ- ợc nảy sinh từ đời sống lao động của con ng- ời, những ng- ời lao động có tín ng- ỡng trong làng xã thế hệ này qua thế hệ khác đã sáng tạo nên toàn bộ những tác phẩm văn hoá - nghệ thuật dân gian của quê h- ơng mình. Chính những ng- ời nông dân lao động lại là ng- ời sáng tạo, thể hiện và h- ớng thụ say s- a các tác phẩm ấy và l- u truyền theo lối nhập tâm từ đời này sang đời khác, cứ thế những vốn cũ đ- ợc bảo tồn, bồi d- ỡng những cái mới đ- ợc bổ sung cho phù hợp với từng giai đoạn lịch sử. Những loại hình nghệ thuật... có vị trí quan trọng trong nền văn hoá.

## **2.3 Một số loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống tiêu biểu của Hải Phòng**

### **2.3.1 Nghệ thuật múa rối**

Trong kho tàng nghệ thuật dân gian Việt Nam, múa rối nước là một trong những loại hình độc đáo nhất. Nghệ thuật múa rối cổ truyền Việt Nam nghiên cứu

gồm: múa rối n-ớc và múa rối cạn. Dù là rối nước hay rối cạn, múa rối chung một khoảng không gian trình diễn, âm nhạc phù trợ chấp cánh cho con rối biểu cảm nội tâm, tình huống sân khấu. Âm nhạc rối nước thường sử dụng các làn điệu chèo hoặc dân ca đồng bằng Bắc Bộ. Âm nhạc rối cạn do nghệ nhân ghép nhạc có trích đoạn nhạc tuồng theo các trò diễn tuồng, nhạc dân ca các dân tộc theo trò diễn dân gian. Hiện nay, các đoàn, nhà hát trình diễn những vở rối cạn, sáng tác nhạc mới kết hợp với dân ca vào vở diễn. Nghệ thuật múa rối đang sống dậy mạnh mẽ dưới hai hình thức rối nước, rối cạn, phát triển hài hoà đặc tính dân gian hiện đại. Mỗi hình thức thể hiện nhiều hướng nghệ thuật khác lạ, đổi mới phương thức sân khấu đáp ứng công chúng thời đại.

Múa rối là loại hình nghệ thuật sân khấu có khả năng truyền cảm một cách cao độ, là sự phối hợp tài tình giữa kĩ thuật, nghệ thuật tạo hình và kĩ thuật điều khiển. Lấy con rối làm ph-ơng tiện chủ yếu để hoàn thành nhiệm vụ thể hiện mọi mặt phong phú của trí t-ởng t-ợng loài ng-ời, của hiện thực khách quan. Nó có khả năng tập trung hoà hợp nhiều loại hình thức nghệ thuật, không gian và thời gian kể cả các loại hình sân khấu khác. Nó phục vụ mọi tầng lớp nhân dân đặc biệt là thiếu nhi. Múa rối có nhiều loại nhân vật và con rối là trung tâm, ng-ời điều khiển đ-ợc che kín, sân khấu của nó và bản thân nó cần phải hợp với hình thức, tính chất của cá nhân của rối. Múa rối chủ yếu dùng tài năng của của ng-ời diễn viên để điều khiển con rối chứ không phải do hoá trang ng-ời thật hoặc do máy móc quyết định.

Trước hết để hiểu về khái niệm “múa rối” chúng ta cần tìm hiểu về danh từ “rối”. Theo nhà nghiên cứu Tô Sanh trong cuốn: “Nghệ thuật múa rối nước” cho rằng: từ “rối” của Việt Nam xuất phát từ chữ “ôi lỗi” hay “thôi lỗi”. Ngày xưa, ở Việt Nam không gọi là phường rối mà gọi là phường “ôi lỗi”. Tài liệu ghi chép cổ gọi múa rối là trò “ôi lỗi” hay “thôi lỗi” hoặc “ông lỗi”. Vậy “ôi lỗi” là gì? “ôi lỗi” xuất phát từ chữ “ôi lỗi” tức là quỷ quái. Tại sao biểu diễn trò múa rối lại đ-ợc gọi là biểu diễn trò “ôi lỗi” (quỷ quái)? Các cụ cho rằng: diễn trò “ôi lỗi” là diễn trò không thật, những hình ảnh trên sân khấu không phải người thật, chỉ có “phép ma” mới làm cho gỗ có thể động đậy, di chuyển và đó là trò quỷ quái. Lâu ngày, ng-ời ta gọi “đi xem phường ôi lỗi” thành “xem múa rối”.

Một khái niệm khác về múa rối nước: “Múa rối nước (Water puppet) hay còn gọi là rối n-ớc là một loại hình nghệ thuật sân khấu truyền thống lâu đời của Việt Nam, dùng mặt n-ớc làm sân khấu (gọi là nhà rối hay thuỷ đình) phía sau có phong che, xung quanh trang trí cờ quạt và lộng, cổng hàng mã...Trên sân khấu này, là những con rối (đ-ợc làm bằng gỗ) biểu diễn nhờ sự điều khiển của những người đứng phía sau thông qua hệ thống sào, dây,...biểu diễn rối không thể thiếu những tiếng trống, tiếng pháo phụ trợ”.

Múa rối Hải Phòng nói riêng đã có lịch sử hoạt động lâu đời, vẻ vang nh- ng cũng gặp không ít khó khăn và trở ngại. Trải qua bao cuộc xâm lăng, tàn phá ông cha ta đã để lại hàng trăm cơ sở múa rối cổ truyền và hàng trăm con rối cổ quý giá. Đã chứng tỏ vị trí quan trọng của nghệ thuật múa rối cổ truyền trong đời sống văn hoá - nghệ thuật của nhân dân ta.

**\* Nghệ thuật múa rối n- ớc:**

Nghệ thuật múa rối có hầu khắp ở các tỉnh thành thuộc đồng bằng Bắc Bộ: Thái Bình, Phú Thọ, Hà Tĩnh, Ninh Bình,...Hiện nay, ở khu vực này chỉ còn 14 ph- ờng rối cổ truyền và Hải Phòng cũng là một trong những địa ph- ơng có nghệ thuật múa rối phát triển. Đồng thời Hải Phòng còn là Hội viên của Liên chi hội múa rối (UNIMA - Việt Nam). Nghệ thuật múa rối n- ớc là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo của c- dân nông nghiệp trồng lúa n- ớc đ- ợc bảo tồn và phát triển cho đến ngày nay.

Múa rối n- ớc là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo, là một loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống của nhân dân ta. Từ bao đời nay nghệ thuật múa rối n- ớc đã là nguồn vui chơi giải trí, hoạt động không thể thiếu của đông đảo quần chúng và ng- ời dân gần xa. Từ xa x- a, con ng- ời và thiên nhiên luôn gắn liền với nhau. Con ng- ời đã biết dựa vào thiên nhiên để phục vụ sản xuất và đồng thời cũng là để sáng tạo ra những loại hình nghệ thuật dân gian độc đáo. Mà đồng bằng châu thổ sông Hồng là cái nôi sinh ra nghệ thuật múa rối, con ng- ời nơi đây hay lam hay làm, giàu có sáng tạo, ngoài công việc đồng áng họ đã biết dựa vào sông n- ớc tạo ra nhiều trò giải trí vào các dịp lễ hội lớn, ngày vui, ngày tết mà nổi bật lên là trò múa rối n- ớc. Nghệ thuật biểu diễn múa rối n- ớc là một loại hình sân khấu văn hoá truyền thống lâu đời, nó đã đ- ợc có từ thời xa x- a trong lịch sử văn hoá dân tộc,

xuất phát từ công việc chế ngự thiên nhiên, cải tạo n-ớc từng yếu tố có trong sản xuất nông nghiệp.

Nói đến nghệ thuật múa rối dân gian truyền thống không phải cứ có là làm đ-ợc mà phải xuất phát từ cái gốc, cái nôi cổ truyền, ngoài tiếp thu và nâng cao cùng với sự sáng tạo của ng-ời làm rối. Hải Phòng là một trong những địa ph-ơng làm đ-ợc điều ấy với đại diện là Đoàn nghệ thuật múa rối chuyên nghiệp.

Nói đến biểu diễn múa rối dân gian cổ truyền ở Hải Phòng thì tiêu biểu nhất là ph-òng múa rối Nhân Hoà - Vĩnh Bảo, theo các nghệ nhân kể lại ph-òng múa rối đã có khoảng trên 70 năm nay.

Múa rối nước Nhân Hoà thuộc huyện Vĩnh Bảo, là một loại hình sân khấu kết hợp với thiên nhiên và lửa pháo. Con rối nước Nhân Hoà làm bằng gỗ sơn then, không mặc quần áo. Nơi biểu diễn rối nước thường là hồ ao. Ngày nay người ta tạo ra bể nước để có thể diễn rối nước trong rạp hát.

Sân khấu cổ truyền có hàng trăm nhân vật. Các nhân vật th-ờng không có tên riêng và cũng không có lai lịch rõ ràng mà chỉ xuất hiện trong một giai đoạn nhất định, một công việc cụ thể. Đến với sân khấu rối n-ớc ta bắt gặp nhiều nhân vật, từ những nhân vật trong đời sống đến những nhân vật hay con vật chỉ có trong tưởng tượng như: cô tiên, con Rồng, con Phượng,... Nhưng có lẽ sân khấu múa rối n-ớc chịu sự chi phối lớn nhất của những ng-ời dân lao động. Họ luôn xuất hiện với công việc làm đồng của mình tay cấy, tay cuốc hay tham gia các trò chơi dân gian trong những ngày hội làng. Thú vị hơn các nhân vật trong rối n-ớc cũng đ-ợc xây dựng thành hai tuyến nhân vật trái ng-ợc nhau. Bên cạnh những nhân vật lịch sử, anh hùng dân tộc có công dựng n-ớc và giữ n-ớc: Lê Lợi, bà Tr-ng và bà Triệu,... lại xuất hiện những tên giặc cướp nước và bè lũ bán nước. Ngoài ra sân khấu rối n-ớc còn không thể thiếu những con vật rất đỗi giản dị quen thuộc với nhân dân: con trâu, đàn vịt, con cá,...

Thông qua các trò của rối nước, người xem đã cảm nhận được sắc thái của hội làng, lại phảng phất những mơ ước bình dị cho cuộc sống. Họ mơ ước có được cuộc sống may mắn, hạnh phúc và bình yên. Nghệ thuật múa rối cổ truyền từ thời xa xưa đã mang đậm bản sắc dân tộc từ vẻ dịu dàng, man mác đồng quê, sự chịu thương chịu khó tần tảo sớm hôm lo cho cuộc sống, tới sự quật cường anh dũng



bảo vệ nơi chôn rau cắt rốn khi kẻ thù xâm chiếm bờ cõi giang sơn. Ở đây vừa trần tục gần gũi lại vừa linh thiêng, nó cũng chính là biểu tượng cho mơ ước của cộng đồng người Việt, một nghệ thuật quen thuộc và gần gũi với người nông dân từ bao thế kỷ qua.

Các con rối ph- ờng Nhân Hoà đ- ợc làm từ những loại gỗ nhẹ: vông, sung, vàng tâm,... những loại gỗ rất thanh mảnh, dẻo dai phù hợp với n- ớc. Ng- ời tạo hình con rối đục, đẽo, chặt, cưa,... lúc gỗ còn t- ươi cho dễ dàng tạo hình sau đó đem phơi khô cho tự nhiên. Khi co rối co ngót khoảng 80%, ng- ời nghệ nhân mới đi vào đục đẽo chi tiết. Con rối n- ớc Nhân Hoà không mang quần áo để đảm bảo độ bền chắc bên trong và có dáng vẻ bên ngoài cho quân rối. Đây là loại sơn thảo mộc ng- ời ta gọi là sơn ta. Động tác của con n- ớc rất hạn chế, chỉ có thể dơ hai tay, quay trái, quay phải vậy mà khi đ- a xuống n- ớc, d- ới ánh sáng của lửa, sự linh hoạt của các loại pháo sáng các con rối bỗng trở thành trung tâm của sự náo động, bản thân nó chỉ cần nhúc nhích một chút cũng có sự minh hoạ đầy đủ. Việc tạo hình con rối cũng rất đặc sắc, ng- ời thợ thông qua truyền nghề trực tiếp, bằng cách quan sát vì trí t- ưởng t- ượng tinh tế họ đã nảy sinh những ý t- ưởng về trò diễn, vở diễn mới và họ tự đục đẽo theo hình mẫu lý t- ưởng để tạo ra con rối vừa đẹp, vừa mới lạ và đáp ứng đ- ợc yêu cầu của vở diễn. Tuy nhiên, do phong cách chung của bộ môn nghệ thuật này, cho nên yêu cầu nhất thiết trong khi tạo hình con rối là phải giữ gìn hình dạng màu sắc tranh dân gian. Khi tạo hình, các nghệ nhân luôn chú ý tới việc diễn tả tính cách nhân vật thông qua hình t- ượng bên ngoài.

Đoàn nghệ thuật múa rối Hải Phòng đã biểu diễn thành công tại một số nơi ở Mỹ năm 1992 được người xem hoan nghênh nhiệt liệt. Khách du lịch có nhu cầu xem múa rối, Đoàn luôn sẵn sàng tổ chức phục vụ.

#### **\* *Múa rối cạn***

Múa rối là một môn nghệ thuật dân gian lâu đời của Hải Phòng. Tương truyền, phường múa rối cạn ở Bảo Hà, xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo cách trung tâm Hải Phòng hơn 30km đã có 7 đời. Con rối Bảo Hà làm bằng gỗ, tay rối làm bằng vải bông. Toàn thân con rối cao chừng 30cm, trông đơn sơ nhưng xinh xắn.

Nghệ thuật múa rối Bảo Hà ngày một phát triển. Ngày nay, khi biểu diễn đều kèm theo âm nhạc, lời nói và ca hát. Múa rối cạn đã mang tính chất sân khấu kịch hát.

Hiện nay, Bảo Hà còn hai ph- ờng rối. Một ph- ờng rối cổ truyền hoạt động từ năm 1921, trải qua nhiều biến động thăng trầm ph- ờng rối đã v- ợt qua những khó khăn để đứng vững và l- u truyền và cho đến ngày hôm nay. Một ph- ờng rối khác do những ng- ời có tâm huyết và yêu nghề muốn l- u giữ nghề rối, đứng đầu là ông tr- ởng Ban văn hoá xã. Những giá trị văn hoá truyền thống đó đã, đang và sẽ đ- ợc bảo l- u sâu đậm trong đời sống của nhân dân, đây là một yếu tố tích cực cần đ- ợc trân trọng và khích lệ.

Sự hấp dẫn và độc đáo khi xem múa rối cạn Bảo Hà là ng- ời xem ng- ời xem không thể thấy đ- ợc que rối điều khiển bởi nó đ- ợc giấu kín trong tay áo của con rối, các nghệ nhân điều khiển khéo léo che dấu bí mật riêng của mình vừa tạo ra sự tò mò, thích thú cho ng- ời xem vừa bảo vệ đ- ợc bí quyết điều khiển của ph- ờng rối.

Để diễn được tuồng bằng con rối cạn (rối que) của phường rối Bảo Hà cần phải có nhiều khâu, trong đó khâu đầu tiên phải tạo hình con rối phù hợp với vũ đạo tuồng (khâu quan trọng, tạo sự khác biệt với các loại hình múa rối trên các nền nhạc khác). Có nghĩa là ngoài việc vẽ mặt, chọn trang phục, binh khí cho con rối giống như các diễn viên tuồng thật, thì việc tạo hình tay, chân con rối độ dài phải đúng kích cỡ, các khớp nối phải linh hoạt nhưng chắc khỏe, các que điều khiển phải được giấu kín. Có như vậy khi điều khiển con rối mới theo được các làn điệu tuồng, tạo nên sức hấp dẫn đối với người xem. Khâu thứ hai là buồng diễn rối. Buồng diễn rối phải có phong tiền (phông che người diễn) và phong hậu (phông cảnh diễn). Hình vẽ trên phong tiền phải thể hiện được tư tưởng của vở diễn (đoạn diễn), phong hậu thể hiện được không gian, thời gian của từng màn diễn.

### **2.3.2 Nghệ thuật múa Lân - Sư - Rồng**

Múa Lân - Sư - Rồng là một môn nghệ thuật dân gian có nguồn gốc từ Trung Hoa. Từ khi ra đời và phát triển nó đã nhận được nhiều sự yêu mến trong lòng nhân dân Trung Hoa và các nước trong khu vực. Hải Phòng cũng là nơi có môn nghệ thuật múa Lân - Sư - Rồng rất phát triển với nhiều đoàn biểu diễn

chuyên nghiệp và nghiệp dư của các Quận, Huyện: như Quận Kiến An, Quận Lê Chân, Huyện Kiến Thụy, Vĩnh Bảo, Tiên Lãng... Nghệ thuật biểu diễn múa Lân - Sư - Rồng thường xuất hiện trong những dịp lễ hội, đặc biệt là tết Nguyên Tiêu, tết Trung Thu và tết Nguyên Đán hàng năm. Vì theo quan niệm chung của người Á Đông, ba con vật này tượng trưng cho sự thịnh vượng, phát đạt, hạnh phúc. Trong tứ linh: Long, lân, quy, phụng, chỉ có quy (rùa) là có thật còn long, lân, phụng là những con vật trù tượng chỉ mang tính thần thoại. Nhân ngày đầu năm dân tộc ta có truyền thống múa lân, múa rồng. Theo quan niệm của người xưa, lân có thể xua đuổi tà ma, còn ông Địa là thể hiện sự thịnh vượng, no ấm, sung túc nhân đầu năm mới. Lân là một con vật thần thoại, sản phẩm của trí tưởng tượng của con người.

Loại hình múa này vừa thể hiện nét đẹp của nghệ thuật dân gian vừa thể hiện tính mỹ thuật và văn hóa đặc trưng của vùng. Tùy theo không gian rộng hẹp và tính chất của từng lễ hội, múa Lân - Sư - Rồng sẽ có những bài bản khác nhau. Đôi khi ba loại hình múa được thể hiện riêng rẽ, đôi khi cũng có sự phối hợp với nhau tạo thành bộ ba hoàn hảo, thu hút sự quan tâm đặc biệt của người xem bởi điệu bộ và cử chỉ, sự uy dũng và cái thần riêng của từng nhóm múa khác nhau.

**Lân có hai loại:** loại có sừng và không sừng.

*Lân không sừng:* giống hổ, mới là biểu tượng của tháng giêng. Đầu Lân không sừng dùng để múa, thường dính vào sau gáy một miếng vải đỏ, viết chữ Vương lớn và đậm nét, mình Lân có vòng đen.

*Lân có sừng:* chỉ có một sừng chính giữa nên còn gọi là Kỳ Lân, đầu tròn lớn, màu thân giống màu đầu Lân, được sử dụng để múa nhiều nhất. Lân chỉ chế tạo cái đầu thật công phu, còn mình là vải thô, viền rất khéo. Còn Sư thì phải chế tạo cả con. Có loại Lân đặc biệt, nửa giống Lân, nửa giống Rồng, nhưng ít xuất hiện trong các buổi trình diễn.

**Rồng được chia thành ba loại:** Rồng tơ, Rồng cứng, Rồng tròn.

*Rồng tơ:* được chế tạo bằng vải gắn chặt vào cây cứng để múa.

*Rồng tròn:* được làm bằng giấy cứng, có bụng tròn và dài.

*Rồng cứng:* chỉ dùng để rước, khiêng, chứ không để biểu diễn.

Múa Lân hoặc Sư chỉ cần hai người, nhưng múa Rồng thì phải có nhiều người tập rất công phu để thể hiện được các động tác đồng bộ khi Rồng uốn khúc, Rồng phóng tới, Rồng đảo lại. Ít nhất cũng có 6 người múa Rồng, nhiều cũng độ 20 chục người, thậm chí 30 chục người, cùng điều khiển con Rồng phô diễn thần oai.

Dù có cách tân, cách điệu, Sư và Rồng vẫn không có màu sắc phong phú bằng Lân. Lân mang nhiều sắc mặt: trắng, vàng, đỏ, xanh, đen. Ba đầu Lân được ưa chuộng nhất là trắng, đỏ và đen. Ba đầu Lân thường múa chung với nhau, tượng trưng cho “Đào viên kết nghĩa” là Lân mặt vàng, râu trắng (Luu Bị), Lân mặt đỏ râu đen (Quan Vân Trường) và Lân mặt đen, râu đen (Trương Phi).

Một con Lân biểu diễn gọi là Độc Chiêm Ngao Đầu, thể hiện tài tử xung hữu đột, tiến thoái nhịp nhàng, bộ pháp hùng dũng, nhảy cao, trèo giỏi, tượng trưng cho cái uy, cái dũng của một mãnh tướng, một hảo hán, một vị anh hùng. Hai con Lân cùng biểu diễn gọi là Song Hỷ, thể hiện niềm hân hoan khoan khoái, tâm đầu ý hợp như loan với phụng, như vợ với chồng, như đất trời và âm dương tương hợp. Ba con Lân hợp múa phải có ba màu vàng, đỏ, đen, gọi là Tam Tinh, thể hiện những điều cầu nguyện của mọi người đạt được điều lành, ba điều tốt là Phúc, Lộc, Thọ. Ba con Lân cùng múa còn diễn tả “Tam Anh” là Lưu Bị, Quan Vũ và Trương Phi vừa hùng dũng, vừa có chí lớn, vừa thương yêu, gắn bó với nhau hơn cả anh em ruột thịt, cho đến chết. Cảnh biểu diễn múa của ba con Lân này thật hùng tráng, thật nổi bật, với nhiều ý nghĩa, luôn được người múa trau chuốt ngón nghề và luôn được người xem trầm trồ khen ngợi.

Bốn con Lân cùng múa gọi là Tứ Quý hưng long, gồm bốn đầu Lân trắng vàng, đỏ, đen (hoặc xanh), tượng trưng cho bốn mùa, bốn phương, bốn hiện tượng trong trời đất, diễn tả tự sung mãn, trường thọ, mạnh khỏe và hạnh phúc.

Không phải ai cũng được múa đầu Lân mà phải là người múa giỏi nhất trong đội. Nếu là múa tranh giải thì phải là người đấu giỏi nhất mới được quyền múa đầu Lân, vì tính quyết liệt của trận đấu tranh giải và tính sôi nổi của những pha bút phá, tranh giành từng bước trên các độ cao khác nhau.

Có thể phối hợp múa Lân với Sư, múa Lân với Rồng hoặc cả ba với nhau. Nếu Sư tử hí cầu (sư tử đùa giỡn với quả cầu) đã là một nghệ thuật múa cao độ thì Long Lân tương hội (Rồng và Lân gặp nhau) lại là một nghệ thuật độc đáo vừa nhuần nhuyễn, vừa mạnh mẽ, vừa mang ý nghĩa hạnh phúc giao hòa, vừa bao hàm sức sống mãnh liệt của sự đoàn kết, hợp quần.

Múa Lân - Sư - Rồng thì phải có Ông Địa, hiện thân của Đức Di Lặc, một vị Phật lúc nào cũng tươi vui hiền lành. Một truyền thuyết cho rằng Đức Di Lặc đã hóa thân thành một người chế ngự được một quái vật từ dưới biển lên bờ, tìm các sinh vật ăn sống, nuốt tươi gây kinh hoàng cho mọi người. Đức Di Lặc hóa thân thành người, gọi là ông Địa, lấy linh chi thảo trên núi cho quái thú ăn và hàng phục được nó, biến nó từ quái thú ăn thịt sống thành con thú ăn bắp cải và hoa quả. Từ đó, mỗi năm ông Địa lại dẫn nó xuống núi chúc Tết mọi người, chứng tỏ quái thú đã thành thú lành, cái ác trở thành cái thiện.

Ông Địa và con Lân đi đến đâu là giáng phúc tới đó nên nhà nào cũng hoan hỉ treo rau xanh và giấy đỏ đón chào. Sau này, người có tiền thường treo giải bằng tiền buộc trong một miếng vải đỏ, treo cùng bắp cải hoặc rau xanh. Lân phải trèo lên cao lấy bằng được “thức ăn” này. Tất nhiên, ông Địa không cùng trèo với Lân mà chỉ cùng Lân múa, phe phẩy chiếc quạt to, ru Lân ngủ hoặc đánh thức lân dậy. Cảnh ông Địa vuốt ve Lân thật chan hòa tình yêu thương giữa người và vật, thể hiện được tình cảm thông sâu sắc giữa loài vật và loài người trong một bầu không khí thanh bình, hoan lạc.

Múa Lân - Sư - Rồng mà không có tiếng trống, tiếng thanh la, chập chõe thì toàn cảnh không khác hơn bức tranh tĩnh vật. “Tùng cheng, cắc cắc, tùng cheng...”, là âm điệu giao hòa của trống, thanh la và chập chĩa. Trống đánh trong các cuộc múa Lân - Sư - Rồng gọi là Thất Tinh Cổ (trống bảy sao). Người đánh trống phải là người trưởng phái, hoặc phụ tá thứ nhất của trưởng phái. Trống đánh phải có bài bản, phù hợp với các bộ pháp như chào, lạy, nằm, leo lên, tuột xuống, lúc khoan lúc nhặt, lúc dồn dập liên hồi như trống trận, mới diễn tả hết hùng khí của Lân, oai phong của Sư và oanh liệt như Rồng.

Trong số nhiều loại hình nghệ thuật truyền thống đang dần được khôi phục thì loại hình múa Lân - Sư - Rồng lại phát triển mạnh. Trong ngày thường, ở đâu có tổ chức một cuộc khởi công, khánh thành, mừng công..., ở đó có múa Lân - Sư - Rồng vì ba con thú này đều tượng trưng cho thịnh vượng, phát đạt, hạnh phúc. Múa Lân - Sư - Rồng không những là nghệ thuật trong dân gian mà còn là múa tranh tài với nhau giữa các đội và giữa các quốc gia có nhiều đội Lân - Sư - Rồng. Hơn nữa, trong mỗi dịp xuân về, đó đây tổ chức những cuộc vui truyền thống như đánh đu đánh vật, chọi trâu, đua thuyền, hát bộ, hát dân ca, nhưng hình như ai cũng thích xem múa Lân - Sư - Rồng hơn cả, bởi nó mang đậm nét dân tộc, nét văn hóa và nét nghệ thuật, rất truyền thống và rất đặc trưng của Châu Á, rất hợp với sở thích người trẻ lẫn người già. Xuân của đất trời ngàn năm vẫn vậy. Múa Lân - Sư - Rồng vẫn nguyên nét nghệ thuật từ ngàn năm xưa.

### **2.3.3 Nghệ thuật hát Chèo**

Nếu sân khấu truyền thống Trung Quốc có đại diện tiêu biểu là Kinh kịch của Bắc Kinh và sân khấu Nhật Bản là kịch nô thì đại diện tiêu biểu nhất của sân khấu truyền thống Việt Nam là chèo. Kinh đô Hoa Lư (Ninh Bình) là đất tổ của sân khấu chèo, người sáng lập là bà Phạm Thị Trân, một vũ ca tài ba trong hoàng cung nhà Đinh vào thế kỷ X, sau phát triển rộng ra đồng bằng Bắc Bộ. Đã được những người nông dân đồng bằng Bắc Bộ - Việt Nam rất yêu thích. Nghệ thuật chèo đối với người nông dân Việt Nam vừa là sân khấu, vừa là thơ ca và âm nhạc và là nguồn duy nhất trong đời sống tinh thần của mình. Các vở diễn, người nông dân thấy được sự phản ánh đời sống của mình với những mặt tích cực và phản diện, những ước mơ và ý niệm của mình về cái thiện và cái ác. Mọi người đã yêu và càng yêu nghệ thuật chèo bởi tính nhân đạo và sự tươi mát của nó, và bởi nó mang màu sắc dân tộc độc đáo. Chèo mang tính quần chúng và được coi là một loại hình sân khấu của hội hè với đặc điểm sử dụng ngôn ngữ đa thanh, đa nghĩa kết hợp với cách nói ví von giàu tính tự sự, trữ tình.

Thành phố Hải Phòng cũng là một trong những nơi có nghệ thuật chèo rất phát triển, tại đây nghệ thuật chèo đã được sân khấu hoá và đánh dấu bằng sự ra đời của đoàn chèo Hải Phòng. Đoàn Chèo Hải Phòng, nguyên là Đoàn Chèo Tả

Ngạn, thành lập 1955. Năm 1960, chuyển về Hải Phòng, đổi tên thành Đoàn Chèo Hải Phòng. Nòng cốt của đoàn là một số nghệ sĩ đã từng hoạt động trong các đội tuyên truyền xung phong ở vùng địch hậu tỉnh Hải Dương (cũ) trong Kháng chiến chống Pháp (1948 - 1954). Nghệ thuật biểu diễn theo dòng Chiềng Đông, với các nghệ nhân: Trùm Bông, Trùm Thịnh. Những vở chủ yếu: “Quan Âm Thị Kính”, “Cô gái Sông Cấm”, “Tám vóc đại hồng”, “Trăng lên hoa nở”, “Cây tre trăm đốt”.

Du khách khi đi tour nội thành Hải Phòng đến thăm đình Hàng Kênh còn có dịp được thưởng thức một loại hình nghệ thuật truyền thống của người Việt Nam đó là những trích đoạn Chèo, ca cảnh, ca trù cổ xưa mượt mà sâu lắng... Không chỉ có khách du lịch thập phương mà chính người dân Hải Phòng vào những dịp lễ tết vẫn muốn được đến đây để nghe hát chèo và ca trù đặc trưng truyền thống, bởi cũng chỉ nơi này mới còn chiếu chèo được duy trì đến ngày nay:

“Bữa ấy mưa xuân phơi phơi bay  
Hoa xoan lớp lớp rụng rơi đầy  
Hội chèo làng Đặng đi qua ngõ  
Mẹ bảo thôn Đoài hát tới nay ”

Từ bao đời nay hát chèo đã trở thành một loại hình sinh hoạt văn hóa nghệ thuật quen thuộc của người dân Việt Nam, nuôi dưỡng đời sống tinh thần dân tộc bởi cái chất trữ tình đậm thấm sâu sắc. Trong kho tàng văn hóa nghệ thuật dân gian dân tộc chèo là một loại hình sân khấu kịch hát đậm đà tính dân tộc, với sự kết hợp nhuần nhuyễn của hàng loạt yếu tố: hát, múa, nhạc, kịch mang tính nguyên hợp vô cùng độc đáo. Vùng trung châu và đồng bằng Bắc bộ là cái nôi của chèo, từ cái nôi ấy sau bao nhiêu thăng trầm của lịch sử nghệ thuật chèo ngày càng phát triển và khẳng định được tầm quan trọng trong nền văn hóa dân gian dân tộc.

Có thể nói nghệ thuật chèo mang đậm bản sắc dân tộc Việt Nam, chèo sử dụng ngôn ngữ đa thanh, đa nghĩa kết hợp với cách nói ví von giàu tính tự sự trữ tình. Đặc biệt hơn là tính tổng hợp của sân khấu chèo từ bản trò, đến đề tài nhân vật với sự “pha âm cách điệu” giữa âm nhạc, hát và múa. Sân khấu chèo xưa ra đời từ các làng chèo với các múa hội hát. Cứ mỗi độ xuân sang người muôn nơi lại bồi hồi bởi sự thúc giục của trống chèo và những lời ca tiếng hát của nghệ nhân làng

chèo. Người xưa có câu “nhất cử động giai điểm vũ” điều đó biểu hiện nét đặc trưng của nghệ thuật chèo là “tính múa”, những diễn xuất tinh tế của nghệ nhân chèo đều ở điểm này mà ra. Với đôi bàn tay khéo léo từng cử chỉ, động tác đã toát lên cái “thần” của nhân vật, qua đó thấy được thành công của người diễn. Từ mùa xuân rồi tới mùa thu trong các hội hè đình đám ở khắp vùng đồng bằng Bắc bộ không khi nào thiếu vắng tiếng hát chèo. Cũng chính vì thế mà chèo mang tính quần chúng và được gọi là loại hình sân khấu của hội hè. Công chúng đam mê chèo bởi khi đến với sân khấu chèo có thể tận hưởng niềm vui từ những tiếng cười châm biếm đả kích sắc và tinh tế. Trong mỗi vở diễn, mỗi tình tiết, mỗi lớp nhân vật của chèo đều có cái hài xen kẽ với cái bi, người xem bao giờ cũng coi trọng những yếu tố đó. Người xưa thường nói “có tích mới nên trò” điều đó khẳng định tích chuyện là linh hồn của vở diễn. Cũng chính vì vậy mà chèo được đánh giá là loại hình sân khấu kịch hát kể chuyện dân tộc. Điều này đã làm nên đặc điểm cơ bản của nghệ thuật chèo cổ. Không những thế chèo còn thuộc loại sân khấu ước lệ cách điệu, sự khoa trương- tô phóng có tính chọn lọc đã làm nổi bật hơn những góc cạnh đặc trưng của nghệ thuật chèo - những mảng chèo đặc sắc được ra đời từ nhân tố đó.

Ở thời nào nghệ thuật đều chứng tỏ những nét tương đồng với lối sống của xã hội thời đó. Thời xưa chèo mang đậm dấu vết của những điệu múa dân gian, hàng loạt lễ tiết của phần cúng tế trong các hội làng ở miền bắc Việt Nam. Trong con đường phát triển của nghệ thuật chèo có hình thức tương hợp song song với sự phát triển và sáng tạo. Cá nhân các nghệ sĩ, những nhà nghiên cứu... đã đóng góp một phần vô cùng quan trọng trong bước đường hoàn thiện thể loại kịch hát dân tộc có tính bác học. Chèo hiện đại (chèo cải biên) đã khẳng định được vị thế của mình với những vở diễn và hình tượng con người mới nhờ sự bảo tồn và phát huy truyền thống của nghệ thuật chèo cổ, xứng đáng tiêu biểu cho nghệ thuật sân khấu dân tộc.

Trải qua biết bao thế hệ, đến hôm nay những người con đất Việt - cả những người đang sống trên đất nước Việt Nam và những kiều bào ở xa tổ quốc, luôn coi nghệ thuật chèo là một “Viên ngọc long lanh sắc màu” trong kho tàng văn hoá nghệ thuật dân gian dân tộc. Bắt nguồn từ đó, Câu lạc bộ Văn hoá xin trân trọng giới thiệu về nghệ thuật chèo với những nét độc đáo, tiêu biểu: quá trình hình thành



và phát triển, đặc điểm cơ bản của chèo cổ - chèo hiện đại, trong đó không thể thiếu một số gương mặt của các nghệ sĩ “làng chèo”. Đây sẽ là một tư liệu cần thiết và bổ ích cho những ai yêu mến tiếng hát chèo và nền văn hoá nghệ thuật dân tộc Việt Nam.

#### **2.3.4 Nghệ thuật hát Đúm**

Có rất nhiều cách giải thích về ngữ nghĩa, về hình thức diễn xướng, đặc tính thể loại của hát Đúm... Trên phương diện ngữ nghĩa, Đại từ điển Tiếng Việt giải nghĩa: “Đúm là sự tập trung nhiều người một chỗ để vui chơi, hát hò”.

Một số nhà nghiên cứu văn hóa - xã hội lại cho rằng “Đúm” đồng nghĩa với cụm từ: đàn đúm, chỉ sự tập trung tập hợp nhiều người để vui chơi.

Cuốn từ điển “Văn hóa cổ truyền Việt Nam” có giải nghĩa: “Hát Đúm là lối hát dân gian có nhiều người tham gia”.

Trong cuốn “Non nước Đồ Sơn” tác giả Trịnh Cao Tường đã viết: “Đúm như nguyên nghĩa của nó, là một tập hợp không có số lượng chính xác, ví như đúm mạ, đàn đúm,... Đúm có liên hệ gần gũi với những từ như: tùm, tùm, cúm, đám. Như vậy, hát Đúm có nghĩa là “tùng đám, tùng cụm trai gái tập hợp nhau lại để hát giao duyên”.

Trong cuốn “Hát Xoan - dân ca Nghi lễ - Phong tục” PGS.TS Tú Ngọc có đề cập tới hát Đúm, ông cho rằng: “Hát Đúm là một lối chơi riêng không gắn liền với tín ngưỡng cửa Đình, nó là trò chơi dân gian trong lễ hội làng xã”. Người ta gọi lối hát này là chơi Đúm. Chơi Đúm có thể tách ra trình diễn vào ban ngày hoặc ban đêm. Trò chơi dân gian này được PGS.TS Tú Ngọc mô tả như sau: một cô đào phường Xoan đứng giữa không gian Đình rộng, trước mặt và xung quanh cô là các bô lão, quan viên và dân làng.

#### **Nguồn gốc và quá trình phát triển hát Đúm Hải Phòng**

Ra đời trên mảnh đất có truyền thống văn hoá lâu đời nên hát Đúm Hải Phòng đã có từ lâu đời, ngay từ khi tổ tiên họ Đình xuống vùng bãi bồi ven sông Bạch Đằng để khai khẩn đất đai. Tương truyền rằng: khi người dân đổ về đây khai hoang lập ấp, trên bến dưới thuyền rất đông. Ban ngày họ lao động vất vả cực nhọc, tối đến trai gái tùm nãm tùm ba thành từng nhóm để hò hát giao duyên cho khuây

khỏa thế là thành lệ. Trước đây, thường là sau các vụ gặt hái xong, vào những đêm trăng thanh gió mát, trai gái lại rủ nhau đi hát Đúm. Nhưng sau này, chỉ có những ngày tết mới tổ chức. Vì trai làng phải đi làm ăn xa, tết mới về. Còn óai làng thì lam lũ, làm lụng vất vả quanh năm, để bảo vệ sắc đẹp họ phải bịt khăn, nên ngày thường trai gái gặp nhau khó nhận biết, chỉ có ngày hội đi hát người con gái mới mở khăn để bạn hát nhìn thấy dung nhan. Do vậy tập quán hát Đúm cũng là tục lệ mở khăn của các cô gái.

Hải phòng là miền biển, có phần đất do phù sa bồi đắp tạo nên sau này. Nhưng phần lớn là vùng đất lâu đời, con người phát triển sớm. “Hát Đúm” sinh ra từ chính nhu cầu của người dân lao động, được bao thế hệ nghệ nhân sáng tạo không ngừng qua năm tháng, và đến hôm nay vẫn là hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian được nhiều người yêu thích nhất ở miền quê này. Do đặc điểm ấy mà hát Đúm cũng như nhiều loại hình nghệ thuật dân gian khác ở đây phát triển không đồng đều ở những vùng khác nhau. Ở những vùng khác nhau, có nơi hoàn chỉnh, phong phú về mặt nội dung, đề tài đa dạng về mặt tiết tấu nhưng lại nghèo về lời ca. Có nơi phong phú về lời ca, làn điệu nhưng lại nghèo nàn về nội dung, tiết tấu. Hát Đúm Hải Phòng được chia làm ba vùng nhỏ có mức độ khác nhau:

**\* Vùng một:**

Gồm địa bàn đảo cát hải, Cát bà và một số làng ven biển là nơi phát triển thấp nhất. Ở vùng này đại đa số dân cư làm nghề chài lưới, cuộc sống chính của họ là trên biển. Trong cuộc sống lao động cực nhọc, người lao động đã sáng tạo ra những câu hò kéo lưới, những bài hát chèo đò, bài ca nghề nghiệp và từ đó hình thành các cuộc hát đối đáp giữa các phường trong cùng một làng, một đảo. Ban đầu là lời đối đáp về nghề nghiệp, cuộc sống sau đó do nội dung trữ tình của lời ca phát triển nên dần dần chuyển sang hát đối đáp giữa nam và nữ của các phường khác nhau. Đó là hình thức đầu tiên của hát Đúm ở khu vực này.

Tuy nhiên, hát Đúm ở đây về thời gian, không gian và lời ca đều không cố định. Cuộc hát Đúm thường diễn ra trên sông, trên biển, trong những giờ chờ con nước hoặc kéo lưới. Mặt khác, người dân ở đây có sự pha tạp ngày càng nhiều, họ là những người dân tứ xứ phiêu bạt đến đây (nhất là người Hoa) nên có nhiều

người không thạo tiếng Việt, việc tiếp thu và duy trì các làn điệu gặp nhiều khó khăn. Hơn nữa, do làn điệu trên thuyền người hát có khi ở cách xa nhau không nhìn rõ mặt, tiếng hát lẫn vào tiếng sóng, tiếng gió cho nên làn điệu của vùng dần bị mai một, đơn giản hóa và phát triển cho đến ngày nay không có làn điệu.

**\* Vùng hai:**

Bao gồm địa bàn huyện Kiến Thụy và khu vực Đồ Sơn. Phần lớn cư dân khu vực này làm nghề đánh cá, làm muối, trong cuộc sống lao động vất vả nhưng mọi người vẫn có niềm tin bởi những thành quả lao động của mình. Họ vừa làm vừa cất lên tiếng hát để xua đi nỗi nhọc nhằn. Đầu tiên chỉ là các anh chị, các bà do vui mồm mà hát những bài ca dao cổ, những bài dân ca đầu đó từ ngàn xưa nhưng rồi dần dần tiếng hát đã ăn sâu vào tâm hồn những người dân lao động và họ có thể tự sáng tác những bài hát. Ngày nay nhiều bài hát đúm tiêu biểu của vùng này vẫn còn được ghi tên, “Bài ca xuất quân ra biển”, “Bát vịnh Đồ Sơn”... Bước đầu từ những bài ca dao cổ những bài ca nghề nghiệp, ca ngợi quê hương sau dần tiến lên hát đối đáp giữa nam và nữ và hoàn chỉnh thành hát Đúm như ngày nay. So với vùng một thì hát Đúm ở đây phát triển cao hơn, nhưng thời gian, không gian của một cuộc hát Đúm cũng không cố định.

**\* Vùng ba:**

Bao gồm địa bàn huyện Thủy Nguyên và An Hải, nhưng chủ yếu là ở Thủy Nguyên. So với các vùng khác vùng này đất đai và con người phát triển hơn, đại đa số dân chuyên nghề làm ruộng. Do đó hát đúm ở vùng này được sản sinh và tập chung chủ yếu ở vùng nông nghiệp. Có thể nói quê hương hát Đúm của hải Phòng là ở hai xã Phục Lễ và Phả Lễ, vào hội làng mùa xuân của Phục – Phả là nơi nuôi dưỡng loại hình nghệ thuật dân gian đặc sắc này. Đương nhiên đây là nơi phát triển cao nhất, không những giàu về số lượng bài ca mà đề tài, nội dung tư tưởng cũng rất phong phú và đa dạng.

Ở mỗi vùng hát Đúm lại có những đặc điểm, đặc trưng riêng phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên - văn hóa - xã hội của vùng ấy. Song có lẽ hát Đúm ở Thủy Nguyên mà cụ thể là hát Đúm ở Tổng Phục Lễ xưa nay là các xã ( Phục Lễ, Phả Lập, Lập Lễ) có nét đặc trưng độc đáo hơn cả. Đây không chỉ là quê hương, là cái

nôi của hát Đúm mà Thủy Nguyên với tục “ Bịt mắt” (của phụ nữ Tổng Phục) và “ hội mở mắt” trong hát Đúm khiến cho hội làng mang một nét văn hóa riêng không dễ bị trộn lẫn. Do đó, ngày nay khi nhắc đến hát Đúm Hải Phòng người ta nghĩ ngay đến hát Đúm Thủy Nguyên, cùng với hội làng hát Đúm nơi đây đang trở thành một đối tượng tham quan du lịch có sức hấp dẫn trong các chương trình du lịch văn hóa.

### **Hát Đúm Thủy Nguyên**

Giống như Hát quan họ Bắc Ninh, hát Dặm ở Nghệ An, hát Đúm ở Thủy Nguyên là thể loại hát đối đáp giữa một người nam và một người nữ, còn mọi người ở hội đứng vây xem. Đã từ lâu hàng năm cứ vào ngày mùng 4 đến ngày mùng 10 tháng giêng âm lịch, tổng Phục lại mở Hội làng. Hội làng đầu xuân có rất nhiều cuộc thi: Thi cỗ bánh, thi dệt cửi, thi đánh đu, đánh vật, đánh cờ...nhưng cuốn hút nhất vẫn là thi hát Đúm. Đây là lễ hội có truyền thống từ xa xưa và được duy trì đến tận hôm nay trong niềm đam mê không chỉ của các nghệ nhân có tuổi, mà cả ở các cháu thanh, thiếu niên. Không khí sinh hoạt của hình thức văn hóa dân gian “hát Đúm” ngày xuân trong tổng thể các sinh hoạt văn hóa nông thôn Việt Nam ngày Tết Nguyên Đán.

Ngày Hội trên sân chùa nhiều cặp hát, cặp hát nào giọng hát trong và cao, lời hát phong phú hấp dẫn đông ng- ời xem vây quanh nghe hát. Trên sân chùa rộng có kê nhiều bàn hát, khách phương xa muốn thưởng thức nghệ thuật hát Đúm thì ngồi vào hai tràng kỷ của bàn hát, sẽ có người tới hát cho nghe. Hát Đúm còn diễn ra trên bãi, trên đ- ờng. Đâu đâu từ mờ sáng cho đến tận khuya vẫn còn nghe tiếng hát véo von của các cặp trai gái đang say hát. Ngày Hội làng, có cặp hát với nhau từ mờ sáng tới lúc trăng lên, cá biệt còn có cặp hát với nhau được hai ngày liền.

Hát Đúm gắn liền với hội mở mắt, ở Tổng Phục (Thủy Nguyên) các cô gái bắt đầu vào tuổi dậy thì, tục lệ là phải bịt mắt bằng khăn vuông đen, chỉ để hở đôi mắt. Họ mong đợi ngày hội mở mắt, trai gái hy vọng tìm hiểu nhau để sau đó nên vợ, nên chồng. Do đó, hát Đúm Thủy Nguyên không đặt ra chuyện thắng thua. Nếu như cuối buổi hát, bên nam thua phải trao ô, bên nữ thua phải trao khăn thì cũng chỉ là vật kỷ niệm của tình yêu. Hát Đúm tổng Phục Thủy Nguyên là loại hình nghệ

thuật đặc sắc, góp phần làm phong phú văn hóa dân gian Hải Phòng. Di sản văn hóa ấy cần được kế thừa và phát huy.

Cái đặc biệt của Thủy Nguyên là lời ca thường tùy hứng vận dụng sự thông minh và hoàn cảnh thực tế của các nhân vật tham gia hát mà sáng tác, ứng khẩu thành lời ca theo thể thơ lục bát, song lời ca phải theo một trình tự là: hát chào, hát mừng, hát hỏi, hát đố, hát huê tình, hát thách cưới và cuối cùng là hát tiễn, hát ra về. Ngày xưa “miếng trầu là đầu câu chuyện” trai gái đến hội gặp nhau mời hát phải mời trầu. Nếu không có trầu mời hát, các cụ già sẽ hát hỏi trầu.

#### **\* Hình thức tổ chức một cuộc hát Đúm**

Trước khi bước vào lời ca mở đầu có câu “Rằng người thương ơi”, khi kết mỗi lời ca có đệm tiếp: “Duyên khách bạn tình ơi”. Hội hát được chia làm 9 bước: hát chào hỏi (hát giao hẹn), hát giao duyên (huê tình), hát đố - giảng, hát họa, hát mời, hát lính, hát thư, hát cưới và sau cưới, hát ra về.

#### ***Bước thứ nhất: Hát chào hỏi (Hát giao hẹn)***

Kể cả ở hội thi hay hát vui giáo dục thuần túy, khi vào hội thoát đầu nam nữ gặp nhau, các chàng trai thường chủ động hát chào bên gái trước. Sau khi hát chào lẽ ra sẽ bước sang phần hát tiếp theo nhưng trong quá trình hát có nhiều chàng trai “xấu chơi” rất hay “hát tục”, “hát chua” nên các cô gái bao giờ cũng phải “hát răn” để xác định thái độ trước khi vào hát.

Hoặc các cô gái thường “giao hẹn” trước với các chàng trai có ý nhắc khéo rằng nếu không có tài đối đáp thì đừng nên vào hát.

#### ***Bước thứ hai: Hát giao duyên (Huê tình)***

Đây được xem như nội dung chính của buổi hát giao duyên trao tình sôi nổi, cảm xúc say sưa nhất, vui nhất. Qua nhiều đợt sưu tầm, được nghe các cụ già kể lại, lời ca trong hát “Huê tình” rất phong phú, liên tục được bổ xung và biến đổi, nâng cao cảm xúc thiết tha yêu thương, nhớ nhung, mong ước, cả gửi gắm tâm tư bằng thơ như hát nói của ca trù. Mỗi khi đối diện nam hay nữ hát trước, ứng vận mượn hình ảnh nào gợi cảm thì bên kia buộc phải ứng tác lại cho đối xứng khớp với văn cảnh ấy. Hát “Huê tình” là phần chính còn các phần khác có thể coi như thủ tục và thử tài nhau trước khi vào hát “Huê tình” trai gái thổ lộ tình cảm yêu

thương, tình cảm gia đình,... Các loại hình khác cũng chỉ nhằm phục vụ cho hát “huê tình” mà thôi.

### ***Bước thứ ba: Hát đố - giảng***

Đây là lúc đôi nam, nữ chính thức bộc lộ tài năng của mình: sự hiểu biết rộng, biết nhiều, sự từng trải, con mắt tinh đời cái tài suy đoán và tài ứng đối. Sự ứng đối nhạy bén trong qua trình hát còn là yếu tố, góp phần khuyến khích cộng đồng đề cao học vấn. Họ không chỉ sử dụng lời ca đố và giảng có sẵn trong sinh hoạt văn hoá dân gian. Từ lâu truyền lại mà còn sử dụng câu hát họ mới sáng tạo, buộc đối tác phải suy đoán nhạy cảm để đối đáp lại.

### ***Bước thứ tư: Hát hoạ***

Đây là bước tiếp của hát đố giảng, với lời ca vừa là thi thố về trình độ hiểu biết, tư duy liên tưởng, quan hệ mật thiết giữa vũ trụ và nhân sinh... Vừa góp vui vào lễ hội cộng đồng, khuyến khích tuổi trẻ tìm tòi vào thế giới thiên nhiên bao la qua hoạ hoè, hoạ đất, hoạ mây, hoạ cây cỏ... hay những sinh vật xung quanh cuộc sống hàng ngày và người hát đối phải hát hoạ lại theo đúng đề tài đó, hát hoạ được viết theo thể lục bát biểu thể.

### ***Bước thứ năm: hát mời***

Nhằm mục đích chuyển từ đề tài này sang đề tài sang so trí bằng đố -giảng, bằng hoạ cảnh, hoạ vật và thi tứ ví von, với vần điệu uyển chuyển trong nhân dân lời ca sang hát mời nhau uống rượu, uống chè, ăn trầu, hút thuốc, cùng mời hẹn đến chơi nhà. Hay đó cũng là biểu tượng cho tính dân tộc ta là dân tộc hào phóng, hiếu bạn mà trong văn hoá dân gian về ứng xử luôn lấy “Miếng trầu là đầu câu chuyện”. Đó cũng là thể hiện đạo lý truyền thống bằng nội dung lời hát mời.

### ***Bước thứ sáu: Hát lính***

Là đặc trưng riêng của sinh hoạt văn hoá dân gian ở hội xuân trong vùng hội chùa, đình ở khu vực này. Những người tham gia hát Đúm không chỉ có thành phần sĩ - nông - công, thương mà có cả binh lính đang tại ngũ. Đặc điểm này ít khi thấy ở các hội dân ca đối đáp khác sinh hoạt văn hoá dân gian nay đã có từ hàng nghìn năm, chỉ riêng nội dung lời ca là thường xuyên có biến đổi, từ ca từ khí tiết truyền thống với cảnh các chàng trai trí dũng theo lệnh quân vương chống giặc

ngoại xâm. từ nội dung thể hiện lời ca cổ, dần dần biến đổi câu, đôi từ hay thêm cảnh cho thích ứng với từng giai đoạn lịch sử từng hoàn cảnh xã hội đương thời.

***Bước thứ bảy: Hát thư***

Với nội dung lời ca ở đây, không phân biệt chỉ dùng cho đôi trai gái đã gặp nhau rồi xa nhau, trong những đôi bạn trẻ đã dùng cảnh chia ly... Nhân dịp vào hội hát, họ thường tranh thủ bộc lộ tâm tư, gửi gắm vào lời ca hát trong thư này những nhớ nhung da diết, những lạnh lẽo hắt hiu... Cũng là để cho hội hát thêm phong phú hơn, dài hơn, vui hơn, nhiều màu sắc, nhiều cảnh, nhiều tình hơn.

***Bước thứ tám: Hát cưới và sau cưới***

Đây là bước hát với nội dung lời ca, sau những câu giao duyên thoả lòng mong ước về hạnh phúc lứa đôi, như đã tìm thấy và gặp được người tài sắc xứng đôi, một số đôi bạn trẻ đã nên duyên vợ chồng. Theo phong tục truyền thống, mỗi cuộc hôn nhân đều trải qua lễ dạm hỏi, xin cưới, dẫn lễ nên nội dung hát ở đây có cả các bước trên. Tuy nhiên, với ý nghĩa là hội hát cho cuộc sống thêm phong phú, góp vui cho cộng đồng, bởi thế lễ vật thách cưới trong hội hát không phải là những vật phẩm thông thường mà nó là khoa trương, phóng đại đến vua chúa cũng không ai có được.

***Bước thứ chín: Hát ra về***

Một buổi hát chào thì đến lúc kết thúc phải có hát ra về thể hiện thêm tình cảm đậm đà quyến luyến không muốn rời xa. Nội dung bước hát ra về bao gồm: hát trao nón, trao ô, khăn hoặc hát xin lại nón, ô đã trao gửi cho nhau khi bước vào hội hát cùng lời ca nên tâm trạng khi ra về và hứa hẹn gặp lại vào ngày mai hay hội hát mùa sau.

***\* Tục “bịt mắt”, “mở mắt” nét đặc trưng của hát Đúm Thuỷ Nguyên***

Cho đến những năm 50- 60 của thế kỷ này (XX), dân Hải Phòng và dân quanh vùng vẫn có thể phân biệt được đâu là những cô gái Phả Lễ, bởi nếu thấy ngoài đường có phụ nữ nào che mặt, bất kể trời mưa hay nắng, ban ngày hay đêm tối, người ta đều nhận ra đây là phụ nữ Phả Lễ (cả Phục Lễ, Lập Lễ). Những chiếc khăn che chỉ được bỏ ra trong những ngày hội hát đúm.

Tục che mặt không biết có từ bao giờ, người dân Phả Lễ nói rằng có từ thời “xa xưa”. Khi tìm hiểu sâu hơn về phong tục tập quán, chúng tôi được biết một truyền thuyết (truyền miệng) ở địa phương liên quan tới tục này. Truyền thuyết kể rằng: khi xưa giặc Nguyên bị đánh bại trên bờ sông Bạch Đằng của vùng đất này, xác giặc chết trôi đầy dòng sông trông thật thê thảm... Sau chiến thắng, với lòng khoan dung nhân hậu, dân trong vùng đã nhờ pháp sư lập đàn bên sông cúng cho các vong hồn lưu lạc đó. Khi “tiếp giao” với các vong hồn, thầy pháp sư có hỏi “thế các vong hồn có cần gì không?”, các vong hồn lính bại trận mãi không trả lời được, cuối cùng chỉ xin “gì cũng được”, một cụ già trong làng tức mà nói rằng: “thế thì cho chúng mày ăn máu... (của đàn bà)!”. Lời nói lỡ đó đã trở thành như một lời nguyền mà từ đó, sợ các vong hồn giặc hút máu, những phụ nữ Phả Lễ và phụ nữ cả vùng sông này rất sợ ra khỏi nhà, đặc biệt là những phụ nữ mới sinh nở... Tất cả đàn bà, con gái mỗi khi đi đâu, vào bất cứ lúc nào, ban ngày hay ban tối đều che mặt, chỉ còn để hở đôi mắt. Cũng từ đó, gia đình nào có sản phụ cũng đều phải làm phép là hoà một chậu nước màu đỏ đem ra sông đổ...

Đối diện bên kia sông có xã Hà Nam (Yên Hưng, Quảng Ninh), trước đây, cũng có những kiêng kị như vậy nhưng điều đó được thể hiện qua tục vá đũng quần dù quần mới may xong. Tục này được phản ánh qua câu tục ngữ:

“Phục - Phả bịt má, Hà Nam vá tròn”

(Phục Lễ, Phả Lễ bịt khăn che kín mặt, Hà Nam vá đũng quần)

Dù đến nay tục này đã mất ở Phả Lễ, các bà các cô chỉ còn sử dụng chiếc khăn như một vật bảo hộ lao động để chống nắng, gió làm hồng da mặt mỗi khi đi làm ruộng nhưng dân làng vẫn còn nhắc “quần khăn che mặt chỉ có ở quê chúng tôi thôi!...”

**Lễ Mở mặt:** tiến hành từ Mùng 2 Tết cho đến khoảng Mùng 10 tháng Giêng bằng một nghi thức giản dị, nhưng trang trọng để khẳng định cô gái được phép tìm người yêu. Còn chủ yếu của lễ Mở mặt là trai gái hát Đúm để đôi bên dò tìm ý trung nhân. Các cô gái sau khi được cởi bỏ khăn, cô nào cũng trắng, cũng xinh đẹp “chim sa cá lặn” khiến các chàng trai nhiều vùng quê kéo đến, hát thì ít mà xem



mặt các cô là chính. Nhưng nếu muốn lọt mắt xanh các cô, các chàng phải học cách hát, phải hát giỏi may chăng mới được các cô để ý.

### **2.3.5 Nghệ thuật hát Ca trù**

Ca trù còn gọi là hát ả đào, là một môn nghệ thuật có từ lâu đời ở nước ta. Ở Hải Phòng có nguồn gốc ở thôn: Đông Môn, xã Hoà Bình, huyện Thuỷ Nguyên. Hàng năm ngày 23 tháng 4 âm lịch là ngày giỗ tổ làng nghề và là ngày hội của đền Đông Môn, mọi người nô nức về đây dâng hương, tổ chức hát ca trù để tưởng nhớ người có công lập ra loại hình nghệ thuật này.

Kể từ thuở manh nha cho tới ngày nay, môn nghệ thuật này đã trải qua nhiều thế kỷ và đã có nhiều thay đổi. Bắt nguồn từ dân ca, dân nhạc cộng với một số trò diễn và múa dân gian, ca trù lúc khởi thủy cũng như trong một thời gian khá dài là một bộ môn nghệ thuật tổng hợp, bao gồm nhạc, thơ, múa và trò diễn. Do vậy, nhiều tiết mục của nghệ thuật ca trù đã từng được biểu diễn bởi một số đông các diễn viên. Trong giáo phường cũng đã từng tổ chức những dàn nhạc để đệm cho hát, múa ả đào. Ca trù là một trong những loại hình âm nhạc truyền thống của Việt Nam. Xuất hiện vào đầu thế kỷ XVI, trải qua những biến cố thăng trầm lịch sử, có lúc tưởng chừng như không thể tồn tại được, nhưng với những đặc trưng về loại hình nghệ thuật độc đáo, sự phối hợp tuyệt vời giữa ca từ và giọng hát hoà cùng các nhạc khí: phách, đàn đáy, trống châu... cho tới ngày nay, ca trù đã khẳng định được vị trí quan trọng không chỉ của Việt Nam mà của cả nhân loại.

Ngày 1 tháng 10 năm 2009, tại kỳ họp lần thứ 4 của Ủy ban liên chính phủ Công ước Unesco Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể (từ ngày 28 tháng 9 tới ngày 2 tháng 10 năm 2009), ca trù đã được công nhận là di sản phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp. Đây là di sản văn hóa thế giới có vùng ảnh hưởng lớn nhất Việt Nam, thuộc phạm vi 15 tỉnh, thành phố phía Bắc gồm: Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình.

#### ***Ca trù được thế giới biết đến***

Ca trù đã được cơ quan, tổ chức quốc tế tôn vinh và xuất bản dưới dạng đĩa hát. Tổng thư ký Hội đồng quốc tế Âm nhạc thuộc Unesco Jack Bornoff, Giám đốc

Viện quốc tế nghiên cứu Âm nhạc với phương pháp đối chiếu tại Tây Bá Linh (Đức), GS Alain Danielou đã tặng Bản danh dự cho NSND Quách Thị Hồ, người đã tham gia vào việc thực hiện đĩa hát Ca trù và Quan họ do Unesco phát hành. Đĩa hát này được Unesco gửi tặng trên 400 trường Đại học và Nhà Văn hoá của nhiều nước Âu, Á, Mỹ, Úc, Phi.

Năm 1994 tại Paris, đĩa Ca trù do Nhà Văn hoá Thế giới phát hành với sự tham gia của nhóm Ca trù Thái Hà được Laurent Aubert, nhà phê bình báo Thế giới Âm nhạc (Le Monde de la Musique) xếp hạng “Choc” (chấn động), hạng cao nhất.

Năm 1985, Ca trù là 1 trong 9 tiết mục được tuyển lựa vào Diễn đàn âm nhạc châu Á do Unesco tổ chức tại Bình Nhưỡng (Cộng Hoà Dân Chủ Nhân Dân Triều Tiên). Ngoài ra, ca trù còn được nhiều nhạc sĩ, nhạc học gia nước ngoài theo học, tìm hiểu, nghiên cứu: Tiến sĩ Barley Norton (Anh) Thạc sĩ Alienor Anisensel (Pháp) GS Stephen Addiss (Mỹ)... Ca trù được giới thiệu tại Đại học Sorbonne Paris, Đại học Hawaii at Manoa Honolulu (GS Trần Văn Khê thuyết giảng).

Nghệ thuật ca trù của Việt Nam đã bộc lộ được sự quyền rũ, thanh tao và độc đáo. Những đặc trưng riêng biệt của nó đã tạo nên sự độc nhất vô nhị không có ở bất kỳ loại hình nghệ thuật nào. Hơn nữa, ca trù còn có bề dày lịch sử, chiều sâu nghệ thuật, được sự đón nhận nồng hậu của người trong nước và nước ngoài, sự tôn vinh và tài trợ của các tổ chức quốc tế, rất xứng đáng được Unesco công nhận là di sản văn hoá phi vật thể của nhân loại trong tương lai.

### **2.3.6 Nghệ thuật tạc tượng - sơn mài**

Thôn Bảo Hà, xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo nổi tiếng cả nước với nghề tạc tượng. Các tác phẩm điêu khắc ở đây mang sắc thái riêng, rất sinh động và gần gũi với đời sống thực. Đó là những pho tượng tổ nữ mang dáng dấp cô gái quê, môi chúm chím trái đào, tóc buông dài, vạt áo cài lệch, cổ ý lộ ra khoảng cổ cao. Tượng quan văn, quan võ trầm tư, toan tính việc đời, việc nước. Nghệ nhân của làng chia sẻ: “Tạc tượng không thể làm ẩu được mà phải bỏ ra nhiều công sức. Từ khúc gỗ mít, sau khi đã vạt đi phần vỏ để lấy lõi, người thợ phải đục đi đục lại, chỉnh sửa mất rất nhiều thời gian mới tạc thành tượng”. Ở cái nôi của nghề tạc

tượng, những nét đặc trưng của các pho tượng ở đình Bảo Hà là dấu ấn rõ nét nhất về tài hoa của các nghệ nhân nơi đây. Các pho tượng được phủ màu và vẽ trang trí đạt tới trình độ hoàn hảo trong nghệ thuật tạo hình, tính hiện thực ở mỗi pho tượng đều thể hiện trình độ rất điêu luyện, xứng danh là quê hương của vị tổ sư có tài về tạc tượng.

Các vị cao niên trong làng kể lại, nghề điêu khắc gỗ và sơn mài ở Bảo Hà có từ lâu đời và được coi là cái nôi của nghề tạc tượng cả nước. Khoảng thế kỷ XV, cụ Nguyễn Công Huệ đã khai sinh ra nghề tạc tượng nơi đây và tên tuổi của cụ cũng gắn liền với lịch sử phát triển của nghề. Hiện nay, tại miếu Cả ở làng Bảo Hà vẫn lưu giữ tượng chân dung cụ Nguyễn Công Huệ mà tương truyền là do chính tay cụ tạc. Tiếp thu, duy trì và phát huy những tinh hoa cụ tổ nghề Nguyễn Công Huệ để lại, hậu duệ của cụ tiếp tục làm rạng danh tên tuổi làng nghề Bảo Hà. Kế tục sự nghiệp của cụ tổ nghề, những người thợ ở Bảo Hà đã làm ra nhiều sản phẩm điêu khắc, chạm trổ cho mọi miền đất nước và xuất khẩu. Theo ông Bùi Văn Nhâm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đồng Minh, giai đoạn 1976 - 1980 là thời kỳ thịnh vượng của sản phẩm tranh, tượng Bảo Hà. Chỉ 40 thợ chạm khắc trong số 100 người ở Hợp tác xã thủ công - mỹ nghệ Đồng Tiên (xã Đồng Minh) đã có thu nhập bằng cả đội sản xuất nông nghiệp với 70 mẫu ruộng. Tuy nhiên, khi điều kiện kinh tế khó khăn, những người thợ điêu khắc, sơn mài thường bôn ba khắp nơi kiếm sống. Năm 2000, thực hiện chủ trương khôi phục và phát triển làng nghề, Hợp tác xã Thủ công nghiệp Đồng Minh được thành lập với sự hỗ trợ kinh phí của UBND TP. Hải Phòng để xây dựng nhà xưởng, mua sắm máy móc, thiết bị sản xuất... Hiện, Bảo Hà có 973 hộ thì có tới 184 hộ chuyên nghề, gần 20 cơ sở sản xuất tập trung, doanh thu chiếm hơn 30% tổng thu nhập của xã Đồng Minh. Không những vậy, từ năm 2005, làng nghề tạc tượng Bảo Hà đã trở thành một trong những điểm đến của Chương trình du khảo đồng quê.

Nguyễn Công Huệ cũng là người Bảo Hà đầu tiên tạc con rối và phát triển nghệ thuật múa rối ở vùng này. Tượng thần Linh Lang đặt thờ ở miếu Ba Xã, là pho tượng nổi tiếng nhất, biểu hiện tài nghệ kiệt tác của ông về điêu khắc. Tượng tạc cao bằng người thực, nét mặt vẽ đẹp, khôi ngô, đầu đội vương miện, mình

mang quần lụa, áo đào. Chân và tay pho tượng có nhiều khớp chốt đinh gỗ, nên có thể đứng lên ngồi xuống được. Nguyễn Công Huệ còn được suy tôn là tổ sư nghề ngải cứu, ông am hiểu về y lý, và còn để lại 3 pho tượng đồng làm giáo cụ trực quan, trên tượng có chỉ dẫn cụ thể từng huyết trên cơ thể, cùng 3 bộ sách hướng dẫn cách chữa bệnh. Tiếc rằng những pho tượng quý này bị thất lạc, dưới thời Tự Đức (1848 - 1883). Hiện chỉ còn bộ sách “Ngải cứu” do dòng họ Bùi ở Bảo Hà truyền đời lưu giữ và hành nghề chữa bệnh cho nhân dân quanh vùng.

Trong quá trình biểu diễn, sự điều khiển tài tình của diễn viên và sự độc đáo của nghệ thuật tạc t-ợng - tạo hình con rối thôi vẫn ch- a đủ sức thu hút với ng- òi xem mà còn phải kết hợp với âm thanh, ánh sáng, tiếng nhạc, giọng hát tình cảm của các nghệ sĩ thì sự độc đáo, hấp dẫn mới hội tụ đầy đủ. Du khách có nhu cầu xem múa rối cạn Bảo Hà, xin mời đến xã Đông Minh, huyện Vĩnh Bảo vừa thăm thú cảnh sắc thiên nhiên mang đậm nét làng quê Việt Nam và đ- ợc xem múa rối cạn ở miếu Bảo Hà - một di tích lịch sử đ- ợc cấp hạng di tích cấp quốc gia.

## **2.4 Tình hình khai thác các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống ở Hải phòng cho hoạt động du lịch**

### **2.4.1 Tình hình hoạt động du lịch Hải Phòng**

Tiền thân của Sở du lịch Hải Phòng là Phòng Giao Tế trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, đ- ợc thành lập năm 1955 với nhiệm vụ ban đầu là đón tiếp và phục vụ các chuyên gia, thủy thủ đến làm việc và tham quan tại Hải Phòng. Trong thời gian này hoạt động du lịch của thành phố Hải Phòng còn rất mờ nhạt, do hậu quả tàn đ- của thời Pháp thuộc để lại. Điểm du lịch tham quan lúc này chủ yếu là Cát Bà và Đồ Sơn.

Mặc dù ra đời muộn nh- ng đ- ợc sự quan tâm chỉ đạo của thành phố, Tổng cục Du lịch, sự ủng hộ, phối hợp chặt chẽ có hiệu quả giữa các Sở, ban, ngành và địa ph- ơng cùng sự nỗ lực phấn đấu trong suốt chặng đ- ờng hơn 10 năm hình thành và phát triển du lịch Hải Phòng đã từng b- ớc v- ợt qua những khó khăn, thử thách để khẳng định vị trí, vai trò của ngành trong sự phát triển kinh tế xã hội của toàn thành phố. Nghị quyết 20/Nghị Quyết - Thường Vụ ngày 25/1/1995 của Ban

th- ờng vụ thành uỷ đã xác định “Du lịch là ngành kinh tế quan trọng trong cơ cấu kinh tế của thành phố”.

Tháng 5 năm 2008 Sở Du lịch Hải Phòng được sáp nhập với Sở Văn hoá Thông tin thành Sở Văn hoá Thể thao & Du lịch Hải Phòng. Qua hơn 10 năm hình thành và phát triển, Du lịch Hải Phòng đã có những kết quả rất khả quan.

**\* Kết quả của hoạt động kinh doanh:**

Qua 4 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 09 - Nghị quyết /Trung ương, du lịch Hải Phòng đã chủ động phối hợp với các cấp, các ngành và các tỉnh thành phố bạn, tăng c- ờng hợp tác với các tổ chức quốc tế và đã đạt đ- ợc những kết quả khả quan, là tiền đề để phấn đấu đến năm 2020 Hải Phòng trở thành trung tâm du lịch vùng Duyên Hải Bắc Bộ.

Một số chỉ tiêu cụ thể:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>2006</i>	<i>2007</i>	<i>2008</i>	<i>TH 2009</i>	<i>Tốc độ tăng b. quân (%)</i>
<b>1. Tổng l- ợt khách du lịch</b>	1.000LK	2.963,0	3.620	3.900,5	4.000	10,84
- Khách quốc tế	1.000LK	606,5	719	668,5	635	1,6
- Khách nội địa	1.000LK	2.356,5	2.901	3.230,0	3.365	12,66
<b>2. Cơ sở l- u trú</b>	Cơ sở	198	201	212	214	2,7
- Số phòng	Phòng	5.357	5.570	5.913	5.933	3,5
<b>3. Tổng doanh thu</b>	Tỷ đồng	722	986	1.160	1.200	18,09

(Nguồn: Sở du lịch Hải Phòng)

Giai đoạn 2006 - 2009, tốc độ tăng bình quân chung của khách du lịch chỉ đạt 10,84% năm, trong đó khách du lịch quốc tế chỉ đạt 1,6% năm, các chỉ tiêu đều thấp hơn nhiều so với Nghị Quyết đề ra là đến năm 2010, khách du lịch tăng bình quân trên 18,5% năm, trong đó khách quốc tế tăng 20,5% năm. Tốc độ tăng tr- ờng khách du lịch trong những năm qua có xu h- ớng chững lại do ảnh h- ớng khủng hoảng kinh tế toàn cầu, thiên tai, dịch bệnh, an ninh chính trị,... đã làm cho khả năng chỉ tiêu và nhu cầu đi tham quan du lịch, đặc biệt là du lịch quốc tế giảm hẳn.

**\* Công tác quy hoạch, đầu t- :**

Việc đầu tư - phát triển cơ sở hạ tầng du lịch từ nguồn vốn ngân sách trong những năm qua là động lực thu hút nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia đầu tư - kinh doanh du lịch. Từ năm 2006 đến nay, có 04 dự án đầu tư - thuộc nguồn vốn ngân sách với số vốn đầu tư - là 57,787 tỷ đồng, 03 dự án đầu tư - du lịch thuộc nguồn vốn ngoài ngân sách, với tổng mức vốn đầu tư - lên tới 344,955 tỷ đồng, 06 dự án do nước ngoài đầu tư - với tổng vốn là 730,25 triệu USD.

Thành phố chỉ đạo ngành du lịch phối hợp với Viện nghiên cứu phát triển du lịch điều tra tổng tài nguyên du lịch trên địa bàn thành phố và xây dựng Đề cương - đề án phát triển du lịch huyện Kiến Thụy giai đoạn 2009 - 2015. Chỉ đạo các ngành liên quan kịp thời trả lời các doanh nghiệp về các dự án liên quan tới quy hoạch du lịch.

**\* Quản lý cơ sở lưu trú, lữ hành và vận chuyển:**

*Về hoạt động lưu trú:* Đến nay, trên địa bàn thành phố có 214 cơ sở lưu trú dịch vụ với 5.933 phòng, trong đó có 106 khách sạn được xếp hạng. Qua thẩm định lại các cơ sở lưu trú du lịch cho thấy, nhiều khách sạn đã tích cực đầu tư - nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật nên đã giữ được hạng đã xếp, đặc biệt có khách sạn được nâng hạng sao. Bên cạnh đó cũng có những khách sạn xuống hạng do chuyển đổi chủ quản lý kinh doanh, không kịp thời đầu tư - nâng cấp để phục vụ tốt các đoàn khách đến tham quan thành phố.

*Về hoạt động lữ hành:* Trong 4 năm qua, du lịch Hải Phòng đón được 18 chuyến tàu khách đến bằng đường biển với 3.535 du khách: từ 01/01 - 31/5/2007 đón được 314 lượt chuyến bay tuyến HongKong/MaCao - Hải Phòng với 24.409 lượt khách, bổ sung thêm 05 doanh nghiệp lữ hành quốc tế nâng tổng số đơn vị hoạt động lữ hành quốc tế trên địa bàn thành phố lên 13 doanh nghiệp, cấp và đổi 33 thẻ hướng dẫn viên du lịch, nâng tổng số hướng dẫn viên được cấp thẻ là 150 hướng dẫn viên và đào tạo được trên 30 thuyết minh viên điểm. Nhìn chung, do năng lực kinh doanh của các công ty lữ hành hải Phòng còn yếu nên mới khai thác mạnh được khách du lịch nội địa và việc chủ động đón khách inbound, outbound còn nhiều hạn chế.

*Về hoạt động vận chuyển khách:* Trên địa bàn thành phố hiện nay có trên 500 ô tô 9 từ 4 - 47 chỗ) phục vụ khách du lịch và 09 tàu vận chuyển khách tuyến

Hải Phòng - Cát Bà - Hải Phòng. Ngoài ra, 79 chiếc (Cát Bà 71 chiếc, Đồ Sơn 8 chiếc) tàu vỏ gỗ phục vụ khách tham quan vịnh. Trên địa bàn thành phố cũng có 28 hãng taxi và 3 hãng xe buýt nối trung tâm thành phố với khu du lịch Đồ Sơn và nhiều điểm khác của thành phố, đáp ứng khá tốt nhu cầu đi lại của du khách đến tham quan thành phố.

#### **2.4.2 Hiện trạng khai thác các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống ở Hải Phòng cho hoạt động du lịch**

Tại Việt Nam, kinh doanh du lịch nói chung và kinh doanh lễ hành nói riêng còn non trẻ so với nhiều quốc gia. Ngành du lịch Việt Nam thực sự có cơ hội phát triển trong những năm cuối thập kỉ 90 của thế kỉ XX. Cùng với sự đổi mới của đất nước, ngành du lịch đã có những thành công bước đầu để chứng tỏ nó là một ngành kinh tế tổng hợp quan trọng. So với một số quốc gia trong khu vực và trên thế giới, Việt Nam có đầy đủ các điều kiện chung và riêng, có lợi thế so sánh để phát triển du lịch. Song kết quả kinh doanh và sự phát triển của ngành du lịch Việt Nam chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế so sánh của Du lịch Việt Nam. Một trong những nguyên nhân chính là bộ phận kinh doanh lễ hành chưa được đánh giá đúng mức, chưa thể hiện được vai trò của nó trong ngành. Các doanh nghiệp kinh doanh lễ hành ở Việt Nam phần nhiều có quy mô hết sức nhỏ bé, manh mún, năng lực kinh doanh yếu trong ngành kinh doanh có tính toàn cầu cao, môi trường kinh doanh thường xuyên biến động.

Trong xu thế mở cửa của nền kinh tế đất nước và hội nhập quốc tế về kinh tế còn có các sự giao lưu tiếp xúc, tìm hiểu về nền văn hoá, con người, phong tục tập quán,... giữa các quốc gia, dân tộc. Trong mắt bạn bè quốc tế, Việt Nam luôn là điểm đến an toàn và hấp dẫn. Sự hấp dẫn đó không chỉ bởi những cảnh quan ngoạn mục, những di tích lịch sử giàu truyền thống, bởi tính cách thân thiện và nồng hậu của con người nơi đây mà sự hấp dẫn còn thể hiện qua những giá trị: chân, thiện, mỹ của đời sống văn hoá tinh thần mang đậm chất dân gian - dân tộc, đó là sự hội tụ tinh hoa văn hoá nghìn năm kết tinh trong đó. Những đặc trưng văn hoá riêng biệt của mỗi vùng miền tạo nên sự đa dạng, phong phú trong kho tàng văn hoá nghệ thuật dân gian Việt Nam và đó cũng chính là yếu tố thu hút một lượng lớn khách du lịch từ mọi miền quốc gia trên thế giới.

Hải Phòng là thành phố có lịch sử hình thành từ rất sớm nên chứa đựng một nguồn di sản văn hoá phi vật thể vô cùng phong phú và độc đáo. Bên cạnh công tác bảo tồn, thành phố cũng đã cho phép các công ty du lịch khai thác các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống tiêu biểu của địa phương phục vụ cho du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu của khách du lịch, bên cạnh đó là đưa nghệ thuật múa rối và các làng nghề truyền thống vào trong chương trình du lịch văn hoá.

Đối với nghệ thuật múa rối: Hiện nay, có Đoàn nghệ thuật múa rối chuyên nghiệp và hai phường múa rối cổ truyền: phường múa rối nước Nhân Hoà, phường múa rối cạn Bảo Hà (Vĩnh Bảo) đều được huy động để phục vụ cho du lịch. Đoàn biểu diễn nghệ thuật múa rối chuyên nghiệp là đại diện tiêu biểu cho cái nôi cổ truyền, có sự tiếp thu, nâng cao của phường múa rối dân gian.

Năm 2002 là mốc quan trọng đối với các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống trên địa bàn thành phố Hải Phòng, khi mà lần đầu tiên múa rối nước Hải Phòng đã có mặt và gây ấn tượng mạnh mẽ với nhân dân thành phố Huế nói riêng, nhân dân cả nước và khách du lịch quốc tế nói chung. Đoàn nghệ thuật múa rối nước Hải Phòng mang đến Festival Huế 2002 những tinh hoa văn hoá chất lượng của nghệ thuật múa rối thành phố cảng. Tại “Liên hoan nghệ thuật múa rối nước của 14 phường rối dân gian tại Festival Huế” năm 2004, múa rối nước Hải Phòng lại có dịp tái ngộ với nhân dân đất cố đô tham dự lần này là các nghệ sĩ, nghệ nhân múa rối nước của phường múa rối nước Nhân Hoà - một phường rối cổ truyền nhất còn tồn tại ở Hải Phòng. Việc đưa nghệ thuật múa rối nước truyền thống và các lễ hội lớn vào khai thác cho hoạt động du lịch là dịp để giới thiệu, quảng bá nghệ thuật múa rối nói riêng và cho các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống nói chung đến với công chúng cả nước và khách du lịch quốc tế. Đồng thời, việc làm này đã trở thành hậu thuẫn cho những người làm công tác văn hoá, bảo tồn di sản văn hoá phi vật thể của thành phố và phục vụ đắc lực cho việc khai thác các giá trị của chúng cho hoạt động du lịch.

Đối với nghệ thuật hát Đúm: các cuộc hát Đúm thường được tổ chức tại các lễ hội đầu xuân ở chùa làng, ngày tết,... Các lễ hội thường diễn ra theo mùa và mang tính tự phát nên các công ty du lịch cũng chưa có biện pháp nào cụ thể để khai thác hát Đúm một cách hợp lý, định hướng vào các thời điểm ngày lễ hội và có



quy mô phục vụ cho khách du lịch. Do đó, hát Đúm chỉ đ- ợc biết đến trong lễ hội làng. Hiện nay, hát Đúm chỉ còn đ- ợc bảo l- u hoàn chỉnh ở huyện Thuỷ Nguyên và hát Đúm ở đây cũng đ- ợc khai thác cho hoạt động du lịch. Để phục vụ cho công tác bảo tồn, l- u giữ và khai thác phục vụ cho hoạt động du lịch phòng văn hoá huyện Thuỷ Nguyên đã phối hợp với các nhà nghiên cứu tái dựng lại các cuộc hát Đúm theo hình thức diễn xướng cổ, nhất là tục “bịt mắt”, “mở mắt” trên các ấn phẩm: đĩa CD, VCD,... phát hành trên toàn quốc nh- một hình thức quảng bá đến với ng- ời dân cả n- ớc và du khách quốc tế. Mặt khác các công ty du lịch nên đ- a hát Đúm vào điểm du lịch văn hoá vùng ven biển kết hợp với các điểm tham quan khác ở Thuỷ Nguyên, các di tích nổi tiếng như: Miếu Thành Hoàng, Chùa Kiến Ninh,...di chỉ Tràng Kênh, suối khoáng nóng Tiên Lãng và khu du lịch sinh thái hồ suối Giá...Trong đó, có thể đi du thuyền giống như khi nghe ca Huế trên sông H- ơng ở thành phố Huế, trên dòng sông Giá thơ mộng và trữ tình ấy có thể tổ chức các đội thuyền phục vụ du lịch, để du khách ngắm cảnh núi non, sông n- ớc vừa đ- ợc th- ờng thức các làn điệu của hát Đúm qua giọng ca của những liền anh, liền chị.

Đối với ca trù thì việc phát triển phục vụ du lịch còn quá nhiều khó khăn và hạn chế. Từ năm 1962 đến nay suýt soát 50 năm vắng bóng trên sân diễn, hiếm có người còn được nghe hoặc xem thể loại này. Nghệ nhân cũ trên địa bàn thành phố còn lại 2, 3 người đều trên dưới 80 tuổi lại bỏ quên lâu nay nên ít nhiều đã bị mai một. Muốn bảo tồn và phát triển với lớp trẻ có giọng hát và ngón đàn, để tập hợp và đào tạo không phải là dễ, trước quan điểm sùng ngoại và tâm lý thực dụng đang lấn át. Thực tế việc khai thác hai loại hình nghệ thuật này hiện nay chỉ còn là sự tồn tại của các câu lạc bộ ở tại làng như ca trù Đông Môn, hát Đúm thì có câu lạc bộ Tổng Phục và Phả Lễ. Ngoài việc biểu diễn trong nhiều lễ hội đầu xuân thì các câu lạc bộ còn đi lưu diễn khi được các cơ quan ban ngành cấp trên mời. Việc bảo tồn hiện nay trong nghệ thuật ca trù còn nghệ nhân Tô Thị Chè năm nay gần 80 tuổi, mỗi tuần một lần bà tập hợp các bạn trẻ trong câu lạc bộ khoảng 15 - 20 người học hát và học đàn, trống.

Đối với nghệ thuật múa Lân - Sư - Rồng thường xuất hiện trong các dịp lễ tết, khai trương... Chưa được khai thác đưa vào phát triển du lịch nhiều như một số

loại hình nghệ thuật khác như: hát Đúm, múa rối... Nghệ thuật chèo cũng chưa thực sự được khai thác và phát triển xứng đáng với tiềm năng nó vốn có. Do chưa được đầu tư thoả đáng, không tự thay đổi làm mới những vở diễn của mình để phù hợp hơn với nhịp sống hiện đại. Đã góp phần làm mất đi sức hấp dẫn của chèo và mất một lượng khách lớn có niềm đam mê với môn nghệ thuật này.

Tuy nhiên, một thực tế dễ nhận thấy là tham gia vào các chương trình du lịch chủ yếu là khách du lịch quốc tế, khách nội địa rất ít. Điều này chứng tỏ các công ty du lịch mới chỉ chú trọng hướng tới việc là kéo và thu hút khách nước ngoài mà chưa tính tới thu hút khách du lịch trong nước, một thị trường vừa là truyền thống vừa là tiềm năng và dễ khai thác. Đây là hạn chế lớn của các công ty du lịch nhất là những công ty mới thành lập hoặc quy mô nhỏ chưa chiếm nhiều thị phần và khả năng cạnh tranh kém, bởi thị trường khách nội địa chính là yếu tố giúp công ty duy trì được nguồn khách truyền thống.

Nhiều công ty du lịch đã không đưa một số loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống như nghệ thuật múa rối nước vào các chương trình tham quan, du lịch cho khách ở những trung tâm du lịch: Cát Bà, Đồ Sơn,... Việc biểu diễn của các Đoàn nghệ thuật tại các khách sạn lớn, lễ hội chợ trâu, các cuộc hội thảo, hội nghị... phục vụ khách còn thiếu vắng. Như tại Đồ Sơn sau khi khách tham quan, tắm biển thì dường như không có điểm vui chơi, giải trí nào để khách tham gia và vào buổi tối họ không có hoạt động văn nghệ gì để xem nên chẳng các công ty du lịch nên đưa nghệ thuật dân gian truyền thống như: múa rối nước, múa rối cạn, hát Đúm... phục vụ khách vào buổi tối để khách có nơi thư giãn, thưởng thức những giá trị độc đáo của các loại hình nghệ thuật truyền thống này.

Các đoàn khách quốc tế tham gia vào các chương trình tham quan du lịch phần lớn là khách đi lẻ: 2 - 3 người/đoàn, rất ít khách đi theo đoàn. Do đó, đã hạn chế công tác chuẩn bị biểu diễn phục vụ khách tạo ra sự mệt mỏi, giảm cảm hứng biểu diễn của các nghệ nhân.

Hải Phòng là một trong những Trung tâm du lịch lớn của cả nước hiện nay, những năm gần đây Hải Phòng luôn là một điểm đến lý tưởng để du khách trong và ngoài nước có cơ hội khám phá những nét độc đáo về du lịch sinh thái. Sản phẩm tour du lịch của Hải Phòng ngày càng đa dạng và hấp dẫn, kết hợp với sự đa dạng

của các loại hình du lịch trong các tour sinh thái, tắm biển, thể thao (đạp xe), văn hoá (thăm các đình, đền, chùa và tham gia các lễ hội, xem các buổi biểu diễn nghệ thuật dân gian truyền thống: múa rối nước, múa rối cạn, hát Đúm, ca trù...) điều đó đã góp phần làm phong phú các tour du lịch trên địa bàn.

### ***Thứ nhất: tour nội thành***

Trong quá trình phát triển du lịch của thành phố Hải Phòng hiện nay, các chương trình du lịch trong thành phố luôn được quan tâm đầu tư về cơ sở hạ tầng và các dịch vụ gia tăng liên quan. Nổi bật nhất trong tuyến du lịch nội thành này là chương trình dạo bộ nơi dải vườn hoa trung tâm thành phố với hồ Tam Bạc thơ mộng, đài phun nước, Nhà Hát lớn cổ kính với những họa tiết, hoa văn trang trí tinh xảo vẫn còn nguyên giá trị... Quán hoa được đưa vào tour du lịch nội thành Hải Phòng như một điểm dừng chân để du khách tìm hiểu thêm nhiều điều thú vị về lịch sử văn hoá của thành phố cảng Hải Phòng. Những người cao tuổi sống gần khu vực trung tâm vẫn còn nhớ, thời gian đầu sau khi quán hoa được xây dựng, tại mỗi quán đều có 2 phụ nữ mặc áo dài đứng bán hoa tươi phục vụ khách hàng. Nét đẹp ấy vẫn còn đọng mãi trong lòng người dân thành phố cảng và du khách.

Du khách khi đi tour nội thành Hải Phòng đến thăm đình Hàng Kênh còn có dịp được thưởng thức một loại hình nghệ thuật truyền thống của người Việt Nam đó là những trích đoạn chèo, ca cảnh, ca trù cổ xưa mượt mà sâu lắng... Không chỉ có khách du lịch thập phương mà chính người dân Hải Phòng vào những dịp lễ tết vẫn muốn được đến đây để nghe hát chèo và ca trù đặc trưng truyền thống, bởi cũng chỉ nơi này mới còn chiều chèo được duy trì đến ngày nay.

Tham gia vào tour du lịch này còn có một số công ty du lịch trên địa bàn thành phố, sau khi đưa khách tham quan các điểm du lịch trong chương trình City tour thì du khách có thể đưa về Vĩnh Bảo trực tiếp tham quan các làng nghề, chiêm ngưỡng các tác phẩm nghệ thuật, xem tạo hình con rối và biểu diễn nghệ thuật múa rối.

### ***Thứ hai: tour Du khảo đồng quê***

Năm 1999, Sở Du lịch Hải Phòng đã kết hợp với một số công ty du lịch của thành phố xây dựng sản phẩm mới đó là tuyến du lịch: “Du khảo đồng quê” nối liền

năm Quận, huyện phía Nam thành phố để mở rộng tuyến du lịch về đến làng quê nông thôn. Một trong những doanh nghiệp đã và đang khai thác có hiệu quả tour “Du khảo đồng quê” là công ty du lịch Hải Phòng. Trong những năm qua công ty đã đẩy mạnh việc quảng bá, giới thiệu về tour du lịch này với một số doanh nghiệp lữ hành, các hãng lữ hành lớn của cả nước. Đặc biệt phối hợp chặt chẽ với công ty du lịch Tân Hồng của thành phố Hồ Chí Minh - một trong những công ty hàng đầu của Việt Nam chuyên đón khách du lịch tàu biển. Công ty đã tổ chức đón khách tàu biển từ Trung Quốc, Singapo,... đến Hải Phòng tham gia các tour: “Du khảo đồng quê”, Hải Phòng - Thủy Nguyên, Hải Phòng - Hà Nội. Khách đi tour du lịch Hải Phòng - Vĩnh Bảo khá đông, có đoàn lên tới 70 - 80 khách, thậm chí có đoàn lên tới hơn 100 khách. Tuy nhiên với tour này khách không tham gia toàn bộ tour du khảo đồng quê mà chỉ tham quan làng nghề tạc tượng Đồng Minh, miếu Bảo Hà và một sản phẩm không thể thiếu của tour du lịch này là xem biểu diễn múa rối của phường rối Bảo Hà. Bên cạnh đó công ty cũng trực tiếp thực hiện việc bồi dưỡng và nâng cao kiến thức cho đội ngũ hướng dẫn viên, cộng tác viên về tour du lịch để tham gia vào công tác tuyên truyền và hướng dẫn phục vụ khách, giúp họ hoàn thiện về chuyên môn, giỏi nghiệp vụ, am hiểu về lịch sử truyền thống - văn hoá nghệ thuật thành phố, sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu của khách du lịch...

Ngoài ra, thông qua công tác tuyên truyền, quảng bá nhiều công ty du lịch ở Hà Nội đã khai thác và đưa một số loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống ở Hải Phòng vào các chương trình du lịch của các công ty như: công ty Du lịch Trách Nhiệm Hữu Hạn Hải Vệ Nữ, công ty Liên doanh Du lịch Exotismo. Vì vậy từ năm 2006 đến nay hầu như ngày nào các phường múa rối ở Vĩnh Bảo cũng có buổi biểu diễn cho các đoàn khách tham quan chủ yếu là khách quốc tế. Nhìn chung, tuyến du lịch “Du khảo đồng quê” đã khởi động và đã gặt hái được thành công, nhất định khách du lịch tham gia nhiều nhất là khách du lịch quốc tế. Tới đây họ được thăm thú tại các cánh đồng quê, cảm nhận được sự bình yên và thơ mộng của cảnh quan thiên nhiên làng quê Việt nam với “cây đa, bến nước, sân đình” được thưởng thức hương vị đậm đà dân dã của các món ăn địa phương. Đặc biệt khi xem các tiết mục biểu diễn nghệ thuật múa rối du khách như được sống trong không khí của ngày hội

làng, cảm nhận những - óc mơ giản dị chân thật và những nét sinh hoạt văn hoá đời thường của con người nơi đây. Nghệ thuật múa rối dân gian thực sự trở thành điểm nhấn trong tuyến du lịch và là nhu cầu không thể thiếu đối với du khách khi về thăm quê hương thành phố Hải Phòng.

### ***Thứ ba: tour Thủy Nguyên - Hải Phòng***

Ngoài ra, một tour du lịch mới nhất của thành phố Hải Phòng vừa được đưa vào khai thác cũng bổ ích và lý thú không kém đó là chương trình *Du lịch Bắc sông Cẩm Thủy Nguyên – Hải Phòng*. Xuất phát từ nội thành đi Thủy Nguyên địa điểm đầu tiên đoàn tham quan là chùa Lâm Động nơi đây thờ Triệu Quang Phục, một vị tướng tài của Lý Nam Đế, tiếp nối công cuộc chống nhà Lương đô hộ. Sau đó du khách sẽ được đi thăm Đình Kiền Bái, có tuổi thọ trên 300 năm; rồi Kiền Bái đi xã chính Mỹ, thăm chùa Mỹ Cự một ngôi chùa lớn đẹp, tọa lạc trên sườn đồi nhìn ra những cánh đồng bao la bát ngát, thăm hợp tác xã đan song mây xuất khẩu xã Chính Mỹ, dâng hương tại Đền thờ Trạng nguyên Lê Ích Mộc... và địa điểm cuối cùng trong hành trình là xuống thuyền xuôi dòng sông Giá thơ mộng với hai bên bờ sông ngút ngàn màu xanh của chuối, cau, nhãn trong các trang trại hoặc gia đình, và được nghe ca trù Đông Môn trên thuyền.

### ***Thứ tư: tour Hải Phòng - Đồ Sơn***

Một tuyến du lịch sinh thái hấp dẫn khác thu hút thường xuyên một lượng lớn khách du lịch tham gia đó là “*Tour du lịch Hải Phòng - Đồ Sơn*”. Từ Bến Nghiêng lịch sử - nơi tên lính Pháp cuối cùng rút khỏi Hải Phòng, tàu sẽ đưa du khách ra tham quan đảo Dấu. Khi tàu ra khỏi Bến Nghiêng, sương sớm tan dần, bóng dáng của hòn đảo nhỏ hiện ra phía trước. Đó là hòn đảo nhỏ phủ trên mình màu xanh của một cánh rừng nguyên sinh nhiệt đới, trên đỉnh là ngọn hải đăng sừng sững như thách thức với thời gian và thiên nhiên vốn khắc nghiệt ở đây. Đảo Dấu tĩnh lặng đến không ngờ, chỉ nghe tiếng lao xao của lá cây xen lẫn tiếng chim hót, Đền Dấu tĩnh lặng nép vào vách núi, đó là một ngôi đền cổ soi bóng xuống mặt biển. Theo lời của một số ngư dân thường đánh cá chung quanh khu vực này thì đây là một trong những nơi linh thiêng, sùng kính của người dân Đồ Sơn. Người dân Đồ Sơn chủ yếu sống bằng nghề đi biển, nên mỗi lần đi qua đây họ đều ghé

thuyền vào đảo lên đèn dâng hương, và từ đó trở thành nét văn hóa ứng xử của người dân vùng đất này. Ngôi đền cổ ở đảo Dấu có tự bao giờ chưa rõ nhưng ở đây thờ một vị thần đó là Lão đảo thần vương và ngôi đền thờ nằm ở phía Nam bán đảo Đồ Sơn nên đền thờ có tên là Nam Hải Đại vương. Truyền thuyết thì có nhiều nhưng người Đồ Sơn và cư dân làm nghề biển trong vùng cho rằng, vị thần trên đảo Dấu đã phù trợ cho họ được thuận buồm xuôi gió, tôm cá đánh bắt được nhiều. Việc mở tuyến du lịch Hải Phòng - Đồ Sơn góp phần làm phong phú thêm các hoạt động du lịch của Đồ Sơn, Bạn hãy một lần tham dự chương trình du lịch này để thêm hiểu thêm yêu miền đất cổ Đồ Sơn lung linh những huyền thoại.

### ***Thứ năm: tour Hải Phòng - Kiến Thụy - Đồ Sơn***

Thành phố Hải Phòng không chỉ hấp dẫn khách du lịch bởi những quần thể danh thắng nổi tiếng như: Quần đảo Cát Bà, Bán đảo Đồ Sơn, các Di tích lịch sử nổi tiếng Tràng Kênh – Minh Đức, Đền Nghè, Đình Hàng Kênh... Hải Phòng còn mang đến cho du khách những hơi thở mang hương vị đồng quê, những cánh đồng lúa vàng, rặng tre làng rì rào và những triền đê xanh mướt... Du khách đến Hải Phòng hãy thử khám phá vùng đồng quê mặn mòi nơi cửa biển này bằng chương trình “Du lịch xe đạp thể thao” khỏe khoắn đang rất được yêu thích tại thành phố Cảng. Du khách sẽ bắt đầu hành trình trên những tuyến phố nội thành nhận nhiệm vụ người qua lại, qua khỏi cầu Rào đến trục đường lớn nối Hải Phòng với bãi biển Đồ Sơn du khách đang ở trên địa phận của khu đô thị mới quận Dương Kinh. Từ đây, rẽ khỏi con đường lớn, bắt đầu thông thả đạp xe về miền quê Kiến Thụy. Qua những con đường nhỏ sạch sẽ, bình yên êm ả, rợp bóng cây men theo bờ kênh nước xanh trong mát, ở đây du khách có thể ngắm những giọt sương mai trong vắt đọng trên lá cỏ non hay tia nắng chiều ánh lên trên những bông lúa vàng nặng trĩu. Cảnh tượng thường bắt gặp trong một buổi chiều hè của chuyến khám phá này là hình ảnh những đứa trẻ hồn nhiên vui đùa bên dòng kênh, với những con trâu nhàn nhã thân thơ gặm cỏ... Đi dọc bờ sông Đa Độ hiền hòa, nguồn nước ngọt nuôi dưỡng màu xanh cả vùng đồng bằng, du khách sẽ tiến về thị trấn núi Đồi, về Dương Kinh một thửa. Từ đây du khách cũng có thể dừng chân ghé thăm những làng nghề tráng bánh đa, đan lát mây tre hoặc viếng những ngôi chùa cổ kính bên đường. Hành

trình khám phá miền thôn dã sau hơn 3 giờ đồng hồ sẽ dẫn du khách đến với khu du lịch Đồ Sơn, nơi khơi nguồn những cảm hứng về biển cả và sự trở về với những náo nhiệt nơi đô thị... thông thả đạp xe dọc bờ biển, ghé thăm ngôi biệt thự của vị vua cuối cùng triều Nguyễn vua Bảo Đại, thăm khu du lịch Vạn Hoa Đồ Sơn Casino trước khi trở về Hải Phòng bằng xe ô tô để kết thúc một hành trình dã ngoại đáng nhớ.

***Thứ sáu: Tuyến Đồ Sơn – Kiến Thụy – Tiên Lãng***

Đến Hải Phòng có lẽ du khách không nên bỏ lỡ cơ hội được tham gia vào tour du lịch bằng đường bộ “*Tuyến Đồ Sơn – Kiến Thụy – Tiên Lãng*”, đây là tour du lịch sinh thái văn hóa vô cùng độc đáo. Tour du lịch này chính là bước kế thừa hoàn hảo của tuyến “*Du khảo đồng quê*” đã được hình thành từ nhiều năm trước, tuy nhiên đã được nâng cấp lên với nhiều điểm du lịch mới kết hợp cùng du lịch sinh thái, văn hóa tín ngưỡng và nghỉ dưỡng. Tại những điểm di tích lịch sử mà tour du lịch này đi qua đều là những điểm di tích nổi tiếng có từ lâu đời thu hút rất nhiều sự quan tâm của người dân như: Đền Bà Đế có từ thế kỷ 18 nơi đây thờ Trịnh chúa phu nhân; Đền Gấm một cổ miếu trong Ngũ linh từ của huyện Tiên Lãng thờ thượng tướng quân Ngô Lý Tín đời Lý; đình Cựu Đồi thờ danh tướng Đào Quang dưới thời Hai Bà Trưng; Từ Đường họ Mạc ở huyện Kiến Thụy – đây là quê hương của Mạc Đăng Dung vị vua đầu tiên của nhà Mạc; chùa Trà Phương với những vết tích còn sót lại từ thời Lý... Và điểm đến cuối cùng mang hơi hướng của cuộc sống hiện đại chính là khu du lịch sinh thái Suối nước khoáng nóng Tiên Lãng với nguồn nước khoáng lấy từ độ sâu 850m luôn ở mức 54 độ C, kèm theo nhiều dịch vụ chăm sóc sức khỏe hoàn hảo.

Các tour du lịch ở Hải Phòng được xây dựng rất phong phú và đa dạng song các công ty lữ hành chưa đưa nghệ thuật dân gian truyền thống có trên địa bàn vào tour du lịch của mình. Nên chăng thời gian tới các công ty lữ hành chú trọng hơn việc phát triển các tour du lịch kết hợp với các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống của Hải Phòng. Với việc kết hợp giữa du lịch và các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống không chỉ góp phần thu hút khách du lịch đến với hải

Phòng mà còn có giá trị bảo tồn các loại hình nghệ thuật này. Đồng thời phát triển tour du lịch Du khảo đồng quê thành tour du lịch cộng đồng.

**\* Thuận Lợi**

Hiện nay, Hải Phòng là điểm du lịch nổi tiếng thu hút một lượng khách rất lớn mỗi năm. Cho nên việc phát triển biểu diễn các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống tại đây vừa là một phương thức quảng bá, giới thiệu về những loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống mang đậm bản sắc dân tộc với bạn bè quốc tế. Đồng thời, giúp du khách khám phá và tìm hiểu về đất nước và con người Hải Phòng. Nó còn mang nhiều vẻ đẹp tiềm ẩn và còn tạo ra một nguồn doanh thu lớn.

**\* Khó khăn**

Sự quan tâm đầu tư chưa kịp thời, đồng bộ đã và đang hạn chế việc khai thác các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống cho sự phát triển du lịch.

Chưa có sự đầu tư, hỗ trợ thoả đáng cho những người hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật.

Nhiều loại hình nghệ thuật đã bị quên lãng, mai một, không còn giữ được giá trị nguyên bản và những nét đẹp nghệ thuật như xưa nữa.

Tuyến đường 10 vào Bảo Hà đã bị xuống cấp trầm trọng 4 - 5 năm nay, các phương tiện vận chuyển đi lại rất khó khăn gây cản trở cho hoạt động du lịch trên địa bàn.

**\* Những thành công**

Nằm trong cái nôi của đồng bằng châu thổ sông Hồng, tài nguyên du lịch nhân văn của Hải Phòng vừa hội tụ được những tinh hoa của dân tộc, lại vừa thể hiện được nét độc đáo của cư dân vùng biển “ăn sóng, nói gió”, đây là điều kiện thuận lợi để du lịch văn hoá Hải Phòng phát triển.

Trong những năm gần đây, du lịch văn hoá Hải Phòng đã có những bước phát triển mạnh, có đóng góp quan trọng vào sự phát triển chung của ngành du lịch thành phố. Nhiều loại hình nghệ thuật dân gian đã được đưa vào khai thác phục vụ một số tour du lịch và trở thành sản phẩm du lịch văn hoá độc đáo, hấp dẫn thu hút được lượng khách lớn đến tham quan trong đó chiếm số đông là lượng khách du lịch quốc tế.



Sở du lịch Hải Phòng đã xây dựng được một số tour du lịch văn hoá - nghệ thuật, bước đầu đưa vào khai thác phục vụ nhu cầu khách du lịch như tour “Du khảo đồng quê”. Sở tiếp tục xây dựng các tour du lịch mới như “Tuyến Đồ Sơn - Kiến Thụy - Tiên Lãng”, “Tour du lịch Bến Ngãng - Đảo Dấu”, Du lịch Bắc sông Cấm Thủy Nguyên - Hải Phòng,... Ngoài ra, thành phố còn rất chú trọng công tác bảo tồn, tôn tạo nguồn tài nguyên du lịch nhân văn với du lịch biển, du lịch sinh thái để giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc và góp phần phát triển du lịch.

**\* Hạn chế**

Tiềm năng tài nguyên du lịch nhân văn nói chung và nghệ thuật dân gian truyền thống của Hải Phòng nói riêng phần lớn chưa được quan tâm, đầu tư, bảo vệ và khai thác hợp lý. Nên nhiều tài nguyên và một số loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống đã bị mai một, giảm đáng kể giá trị vốn có của chúng đặc biệt là các tài nguyên du lịch nhân văn như các di tích lịch sử - văn hoá, lễ hội, làng nghề,... Ngoài ra còn nhiều nguồn tài nguyên đang ở dưới dạng tiềm năng.

Sản phẩm du lịch đặc thù đặc biệt là các sản phẩm du lịch văn hoá mang tính đặc trưng của Hải Phòng cũng như các dịch vụ vui chơi giải trí nghèo nàn, nhiều điểm tham quan du lịch bị xuống cấp, chưa được tu bổ thường xuyên, kết cấu hạ tầng không đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch.

Tại các phường biểu diễn nghệ thuật dân gian truyền thống chưa có các sản phẩm đặc trưng như: tượng hình các con rối nhỏ, sách giới thiệu về vùng đất và quá trình phát triển nghệ thuật dân gian của địa phương,... nên chưa có được nguồn doanh thu khác từ khách du lịch.

Đội ngũ hướng dẫn viên còn thiếu về số lượng và yếu về nghiệp vụ. Thuyết minh viên điểm mới bắt đầu đào tạo, chưa phát huy tốt tác dụng trong thực tế, tuyến bay quốc tế Hồng Kông/Ma Cao - Hải Phòng là tuyến du lịch hàng không đầu tiên trực tiếp đón khách quốc tế của thành phố, nhưng cũng chỉ duy trì được hơn 01 năm.

Hoạt động quảng bá - xúc tiến du lịch chưa sâu rộng, chất lượng thấp, hình thức quảng bá chưa hấp dẫn - phong phú.

Lao động quản lý, lao động nghề tại cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, hướng dẫn viên và nhất là thuyết minh viên tại điểm chưa đáp ứng được yêu cầu về số lượng và chất lượng.

Hải Phòng là thành phố giàu tiềm năng du lịch, sự phong phú và đa dạng về các loại hình du lịch, nhất là du lịch văn hoá đã chứng minh điều đó. Tuy nhiên, việc khai thác các tiềm năng này phục vụ cho hoạt động du lịch còn tồn tại nhiều hạn chế, chưa xứng với những giá trị to lớn mà các loại hình mang lại.

**\* Nguyên nhân chủ yếu của hạn chế, yếu kém**

Nguyên nhân có nhiều, song nguyên nhân chủ yếu là: Sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của các cấp uỷ Đảng, chính quyền chưa thực sự quyết tâm ưu tiên, khuyến khích đầu tư phát triển du lịch, thành phố chưa có giải pháp hỗ trợ thiết thực mang tính đột phá để du lịch phát triển, các cấp, các ngành và phần lớn nhân dân nhận thức chưa đầy đủ về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của du lịch. Nhiều hộ kinh doanh và người dân ở các trung tâm du lịch chưa ý thức đầy đủ trách nhiệm của mình với môi trường cũng như văn hoá du lịch.

Một số hoạt động quảng bá - xúc tiến du lịch đã được triển khai nhưng chưa hoàn thành, chất lượng chưa cao, hình thức quảng bá chưa phong phú nguyên nhân là do thiếu và bị động về kinh phí cho hoạt động này nên không thể thực hiện được các chương trình dài hạn, sâu rộng ra nước ngoài.

### **Chương III: Phương hướng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả khai thác các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống cho hoạt động du lịch Hải Phòng**

#### **3.1 Phương hướng phát triển du lịch Hải Phòng trong thời gian tới**

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế diễn ra ngày càng sâu rộng cùng áp lực việc thực hiện lộ trình AFTA, Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ và việc đã tham gia tổ chức WTO, tr-ớc yêu cầu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, mục tiêu và phát triển kinh tế 10 năm (2010 - 2020) góp phần thực hiện thành công Nghị Quyết Đại Hội VIII Đảng bộ thành phố. Hải Phòng đặc biệt chú trọng định hướng phát triển du lịch với các nguồn tài nguyên du lịch văn hoá. Ủy ban nhân dân đã đưa ra những chính sách khuyến khích phát triển du lịch và thu hút đầu tư vào xây dựng khu du lịch, hướng tới đưa du lịch trở thành ngành kinh tế chủ chốt của hải Phòng. Khai thác các điều kiện sẵn có để phát triển du lịch cũng như phát triển các ngành kinh tế khác của thành phố để tạo ra các sản phẩm du lịch phong phú. Sở Du lịch đã xây dựng các chỉ tiêu trong 10 năm tới.

Chỉ tiêu phát triển du lịch Hải Phòng giai đoạn 2010 - 2020

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Năm</i>		
		<i>2010</i>	<i>2015</i>	<i>2020</i>
1. Tổng lượng khách	1000LK	4250	4.600	6.000
- Khách quốc tế	1000LK	1.120	1.700	2.400
- Khách nội địa	1000LK	3.130	2.900	3.600
2. Tổng doanh thu	triệu USD	527,5	1.186,5	2.364,0
3. Lao động trực tiếp	người	21,76	33,60	52,90
4. Vốn đầu tư du lịch	triệu USD	976,5	1.552,9	2.801,6

(Nguồn: Viện nghiên cứu phát triển du lịch)

Qua bảng số liệu dự báo trên ta có thể thấy mức độ hấp dẫn, tần xuất cũng nh- số l- ợt khách tham quan đến Hải Phòng hàng năm là con số rất lớn. Chỉ tiêu cơ bản năm 2010 đón và phục vụ hơn 4,3 triệu lượt khách, tăng bình quân trên 17,5%. Trong đó khách du lịch quốc tế trên 1,1 lượt chiếm 23% tăng bình quân

19,5%. Tỷ trọng GDP du lịch đạt 4,5% trong tổng GDP của thành phố, tốc độ tăng về doanh thu du lịch bình quân 19%/năm.

Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch, quảng bá du lịch Việt Nam với bạn bè quốc tế. Song một thực tế đau lòng đó là sự lãng phí tài nguyên, khi chúng ta không biết tận dụng chúng một cách hiệu quả

Hải Phòng có nguồn tài nguyên phong phú cho việc phát triển du lịch, các tour du lịch của Hải Phòng đã mang bóng dáng của tour du lịch văn hoá. mặc dù với thế mạnh là du lịch biển, du lịch sinh thái nhưng du lịch Hải Phòng cần khai thác tối đa nguồn tài nguyên du lịch của thành phố trên cả hai lĩnh vực là tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn nhất là các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống là một trong những yếu tố văn hoá nhằm thu hút ngày càng nhiều khách du đến với Hải Phòng đặc biệt là khách du lịch quốc tế để đạt được mục tiêu, phương hướng đã đề ra đưa Hải Phòng trở thành trung tâm du lịch lớn của phía Bắc, góp phần xây dựng thành phố Hải Phòng thành một cực tăng trưởng mạnh trong tam giác kinh tế phía bắc Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

### **3.2 Một số giải pháp nhằm khai thác có hiệu quả các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống cho hoạt động du lịch**

#### ***3.2.1 Đầu tư, bảo tồn, khai thác các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống một cách bền vững và kết hợp với nhiều loại hình du lịch khác phục vụ phát triển du lịch***

Theo hội đồng du lịch và liên hiệp quốc tế (WTTC), Năm 1996 “Du lịch bền vững là đáp ứng các nhu cầu hiện tại của du khách và vùng du lịch mà vẫn đảm bảo khả năng đáp ứng nhu cầu cho các thế hệ du lịch trong tương lai”. Do đó, việc khai thác nghệ thuật dân gian truyền thống phục vụ cho hoạt động du lịch cần đáp ứng các nhu cầu:

*Thứ nhất:* Khai thác phải đi đôi với việc bảo tồn, giữ nguyên bản sắc vốn có, không làm méo mó, biến dạng nét đẹp của tài nguyên du lịch nhân văn đã tồn tại. Có chính sách phù hợp, lôi kéo thu hút cộng đồng dân cư tham gia nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của họ.

*Thứ hai:* Quảng bá du lịch văn hoá phải đảm bảo đầy đủ thông tin, tránh sự nhầm lẫn về các tài nguyên du lịch. Ngoài ra, việc khai thác phát triển văn hoá phải góp phần bảo tồn giữ gìn văn hoá dân tộc. Do đó, hoạt động khai thác các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống gắn liền với hoạt động bảo tồn, gìn giữ và phát triển. Trước hết cần có sự quan tâm của thành phố, phối hợp các ban ngành liên quan đến hoạt động du lịch văn hoá từ thành phố đến cơ sở. Đồng thời tuyên truyền giáo dục người dân có ý thức, trách nhiệm trong việc giữ gìn, kế thừa và phát huy những giá trị đặc sắc của di sản trong môi trường văn hóa hiện đại. Do đó, những nỗ lực của các ngành, các cấp, doanh nghiệp là sự kết hợp chặt chẽ giữa ngành văn hoá và du lịch trong việc bảo tồn và khai thác lâu dài các di sản văn hoá phi vật thể được coi là giải pháp an toàn, hữu hiệu nhất.

Ngành văn hoá và du lịch cần xây dựng một kế hoạch chung nhưng cụ thể, chi tiết về việc tổ chức khai thác các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống để phục vụ cho hoạt động du lịch. Ngoài ra cần đưa ra các biện pháp để nâng cao ý thức bảo tồn giá trị của các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống. Thành phố cần đưa ra những phương án bảo tồn cụ thể.

Trong thời gian tới nghệ thuật múa rối Việt Nam mà đại diện là nghệ thuật múa rối nước sẽ được công nhận là di sản văn hoá phi vật thể thế giới. Vì vậy cần có sự quan tâm và đầu tư về mọi mặt nhất là về mặt kinh phí để nghiên cứu việc tạo hình con rối, đây là vấn đề quan trọng nhất đối với nghệ thuật múa rối dân gian Hải Phòng. Bởi nhiều khi các nghệ nhân có các ý tưởng dàn dựng lại những tích trò cổ hoặc sáng tác vở diễn mang tính hiện đại nhưng họ không dám làm bởi đây là công việc mất nhiều công sức và tốn kém. Mặt khác, chúng ta cần đề cao nghệ thuật giá trị truyền thống bằng cách nâng cao nhận thức của người dân về giá trị của nó, nhất là đối với thế hệ trẻ. Về phía người dân làm nghề thì các nghệ nhân đòi hỏi cần có sự lao động nghệ thuật hăng say, không ngừng tìm tòi sáng tạo, phát hiện và khôi phục những trò cổ đã mất hoặc bị thất lạc

Việc sưu tầm, nghiên cứu một cách bài bản các lời ca cổ của nghệ thuật hát Đúm, hát chèo, hát ca trù thường diễn ra lẻ tẻ chưa thành việc thường xuyên và có hệ thống tổ chức, đội ngũ những người sưu tầm còn khiêm tốn. Vì vậy, công việc

này cần được tiến hành có phương pháp khoa học và cần huy động sự tham gia của các nhà nghiên cứu, sưu tầm thuộc Hội liên hiệp văn hoá thành phố, Hội văn nghệ dân gian từ Trung Ương đến địa phương, các nhà hoạt động văn hoá - văn nghệ dân gian, các văn nghệ sĩ vào công tác sưu tầm, nghiên cứu. Khi tiến hành nghiên cứu, sưu tầm cần chú trọng việc “Khơi thông đầu nguồn”. Đó là việc khai thác vốn cổ còn đọng lại ở những nghệ nhân cao tuổi, những nghệ nhân có trình độ điêu luyện, các cụ già đã tham gia hát Đúm, hát chèo, hát ca trù,... nhiều năm. Việc sưu tầm không thể tiến hành một cách ồ ạt hay chỉ thực hiện một vài đợt rồi bỏ bằng mà nên làm nhiều đợt, vào nhiều thời điểm khác nhau để có cơ hội so sánh, đối chiếu những tài liệu, bài bản và khuyếch độ chính xác giữa các bài bản.

Ngoài ra, có biện pháp khuyến khích sáng tác lời ca cho hát Đúm, hát chèo, hát ca trù. Bên cạnh hệ thống bài bản cổ truyền hoặc những bài ca theo phong cách cổ truyền “ngôn từ, thể thơ” để phù hợp với cuộc sống mới về tình cảm, cảm hứng về cuộc sống hiện tại. Sáng tác bài bản lời ca có thể dành cho mọi lứa tuổi, mọi tầng lớp người dân nhưng nên khuyến khích những tác giả trẻ, họ muốn chúng là “chủ nhân” của hát Đúm, hát chèo, hát ca trù hôm nay và ngày mai. Tuy nhiên, trong quá trình sáng tác bài bản mới cần đặc biệt chú ý tới việc giữ gìn nguyên gốc làn điệu cổ truyền, phải thận trọng khi bổ sung các làn điệu dân ca khác vào quá trình diễn xướng để tạo sự kết hợp nhuần nhuyễn, hoà hợp giữa âm nhạc và ca từ, tránh tình trạng “làn điệu ngoại” làm “lu mờ” làn điệu gốc.

*Kết hợp với nhiều loại hình du lịch khác phục vụ phát triển du lịch.*

Hải Phòng là một thành phố giàu tiềm năng du lịch, những tiềm năng này không chỉ tập trung trong nội thành mà còn có ở các huyện, thị quanh thành phố. Đây là một thế mạnh và cũng là điều kiện thuận lợi cho các công ty lữ hành trên địa bàn thành phố tận dụng để xây dựng các công ty du lịch văn hoá: City tour, tour trọn gói và làm đa dạng hoá sản phẩm du lịch.

Sở du lịch đã phối hợp với nhiều công ty lữ hành thử nghiệm và đưa vào thực hiện chương trình “Du khảo đồng quê” năm 1999. Trên thực tế, một số doanh nghiệp kinh doanh lữ hành không thu hút được thị trường khách, nhất là thị trường khách quốc tế bởi chương trình du lịch của họ rất đơn điệu, không có sự kết hợp

giữa các loại hình để tạo ra sự phong phú và hấp dẫn với du khách nên dần dần đến sự nhàm chán.

### ***3.2.2 Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong hoạt động du lịch và tăng cường hợp tác, liên kết với các đơn vị lữ hành phát triển du lịch***

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong việc kiểm tra hướng dẫn các doanh nghiệp kinh doanh du lịch đặc biệt trong khâu dịch vụ phục vụ khách đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu của khách. Cần có các biện pháp ngăn chặn và xử lý các hiện tượng bán hàng không đúng quy định, chèo kéo, bắt chẹt khách... tại các điểm tham quan du lịch gây ấn tượng không tốt đối với du khách.

Sự hợp tác, liên kết giữa cơ quan chức năng trong việc phát triển du lịch sẽ tạo điều kiện thuận lợi để khai thác các sản phẩm du lịch văn hoá đạt hiệu quả cao hơn, trong đó đặc biệt chú trọng đến sự liên kết giữa các địa phương có tài nguyên du lịch với công ty lữ hành trong việc xây dựng, phát triển các tour du lịch văn hoá.

### ***3.2.3 Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá và xúc tiến du lịch***

Một thực tế dễ nhận thấy hiện nay là các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống ở Hải Phòng không phải ai cũng biết đến, nhất là với du khách quốc tế và hầu hết đang ở dạng tiềm năng. Vì vậy, cần tăng cường đầu tư cho hoạt động tuyên truyền, quảng bá hình ảnh của các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống có giá trị khai thác phục vụ du lịch. Trước hết, phối hợp với các phương tiện thông tin đại chúng của Trung Ương và địa phương để quảng bá cho các loại hình văn hoá nghệ thuật dân gian, lập các biển quảng cáo, pano, áp phích ở các tuyến đường chính liên thông với các tỉnh, thành phố, các Festival các cuốn sách du lịch bỏ túi với hình ảnh đẹp và sống động trên các trang web của thành phố, Sở du lịch, Sở Văn hoá Thể thao & Du lịch và Tổng cục du lịch. Giới thiệu các chương trình du lịch mới trong đó có một số loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống, xúc tiến, mở rộng thị trường khách tiềm năng. Đối với việc quảng bá, giới thiệu là thực hiện các chương trình khuyến mãi du lịch: giảm giá, miễn phí một số dịch vụ bổ sung...

Thành phố và Sở Văn hoá Thể thao & Du lịch cần kết hợp với công ty du lịch xây dựng các chương trình, tuyến điểm du lịch chi tiết cho khai thác loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống. Đồng thời cùng với các công ty lữ hành lớn trên

địa bàn thành phố hoặc các tỉnh bạn liên hệ quảng bá, giới thiệu đến với thị trường khách của các hãng lữ hành lớn trên thế giới và thông qua hoạt động thực tiễn: trưng bày tác phẩm nghệ thuật tiêu biểu của các làng nghề truyền thống hình tượng các con rôi... trong các cuộc triển lãm, hội chợ, hội nghị, hội thảo, trung tâm du lịch lớn: Đồ Sơn, Cát Bà,...

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thông qua các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp và không chuyên tích cực tham dự các chương trình liên hoan nghệ thuật dân gian trong khu vực và thế giới, loại hình nghệ thuật giữa các phường rôi dân gian, tham gia hội chợ lớn tầm cỡ. Để giới thiệu với bạn bè trong và ngoài nước về văn hoá vùng biển, sản phẩm văn hoá tinh thần của những cư dân làm nghề chài lưới, đánh cá và làm nông nghiệp.

#### ***3.2.4 Chính sách hỗ trợ về mặt tài chính đối với những nghệ nhân hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật***

Yếu tố con người là yếu tố quan trọng hàng đầu chính vì vậy đây là yếu tố được ưu tiên hàng đầu và phải được thực hiện ngay. Họ là những nghệ sĩ diễn viên chuyên và không chuyên, các nghệ nhân đã và đang sẽ tiếp nối truyền thống của tổ nghề, trực tiếp giữ gìn, bảo tồn và lưu truyền các giá trị văn hoá nghệ thuật dân gian truyền thống của dân tộc cho thế hệ mai sau. Trong số họ có những người dân chân lấm tay bùn bước vào làm nghệ thuật, nguồn thu nhập chính của họ là sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp và một số ngành khác không ổn định. Vì vậy, họ cần có cuộc sống ưu đãi như: tiền lương, trợ cấp hàng tháng, như những nghệ sĩ thực thụ phục vụ cho ngành nghệ thuật để họ có thể ổn định cuộc sống, chuyên tâm dồn hết năng lực và tâm huyết cho việc khôi phục và phát triển những giá trị quý báu của các di sản.

#### ***3.2.5 Đào tạo lại nguồn nhân lực***

Vấn đề con người và trình độ nghiệp vụ là vấn đề hết sức quan trọng, có ý nghĩa then chốt đối với sự phát triển của ngành du lịch nhất là du lịch văn hoá. Ngành du lịch đòi hỏi trình độ nghiệp vụ, phong cách và thái độ của người trực tiếp tiếp xúc với khách du lịch rất cao đặc biệt là các hướng dẫn viên và thuyết minh



viên tại điểm tham quan. Do đó, phải tăng cường công tác đào tạo trong nước với đào tạo ở nước ngoài thông qua hợp tác quốc tế về du lịch.

Hướng dẫn viên và thuyết minh viên phải là cầu nối giữa khách du lịch và nhân dân địa phương, đồng thời là sứ giả hoà bình liên kết các cá nhân, tổ chức, địa phương, đơn vị trong không gian văn hoá vùng miền, lãnh thổ. Hướng dẫn viên và thuyết minh viên tại các điểm du lịch văn hoá, lễ hội,... am hiểu về văn hoá địa phương, tìm hiểu nội dung hình thức của các sinh hoạt văn hoá truyền thống để hướng dẫn cho khách, làm nổi bật được giá trị nhiều mặt của điểm tham quan cũng như các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống tạo hứng thú và say mê khám phá cho các đối tượng khách tham quan du lịch.

Nhìn chung các hướng dẫn viên, thuyết minh viên tại các điểm du lịch Hải Phòng còn thiếu và yếu về trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

### **3.2.6 Xây dựng mới và nâng cấp cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ biểu diễn**

Hiện nay, các phường rới đã có điểm để biểu diễn phục vụ du khách, nhà thuỷ đình được xây dựng khá công phu và hoành tráng tại các cơ sở biểu diễn nhưng điều quan trọng nhất đó là hệ thống các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động biểu diễn còn thiếu đồng bộ chưa đáp ứng được nhu cầu: hệ thống máy chiếu sáng, hệ thống loa,... nên cần sự đầu tư hơn nữa tạo điều kiện cho các nghệ nhân phát huy khả năng biểu diễn. Cần có khu vực riêng dành cho hướng dẫn viên, thuyết minh viên chứ không nên ngồi ngay trước mặt khách như hiện nay sẽ giảm sự hấp dẫn của vở diễn và sự tò mò của du khách.

Để khai thác có hiệu quả một số công ty du lịch đã phối hợp với các huyện, chính quyền địa phương nơi có những loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống đầu tư xây dựng, sửa chữa lại nhiều trục đường liên huyện - xã tới các điểm du lịch. Tạo điều kiện cho xe du lịch vào tới tận trung tâm: tuyến đường từ các huyện lỵ tới các xã có đối tượng tham quan du lịch: Đền thờ Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm, Đình Nhân Mục, múa rối nước, Miếu Bảo Hà, tạc tượng - sơn mài, múa rối cạn... (Vĩnh Bảo) đường nâng cấp dải nhựa, tuyến đường từ trung tâm thành phố về đến huyện Thủy Nguyên đường mở rộng thông suốt.

Ngoài ra, Sở văn hoá thông tin cũng đã đầu tư cho các phường, các làng nghề truyền thống về vốn, kinh tế khôi phục và giữ gìn thay thế các con rối cũ. Sự quan tâm của các ban, ngành liên quan đã tạo sự hứng khởi cho những người làm công tác nghiên cứu nghệ thuật dân gian truyền thống, các nghệ sĩ, nghệ nhân động viên họ làm tốt công tác bảo tồn và phát triển những vốn quý của dân tộc. Ở phường rối nước cần xây dựng nơi tiếp khách khang trang theo kiến trúc nhà cổ. Hát Đúm, hát Chèo và Ca trù cần có địa điểm là các bãi đất cao, bên mái đình. Vì đây là cơ sở vật chất sẵn có, để tăng sức hấp dẫn thì cần xây dựng các địa điểm biểu diễn mới, sửa chữa di tích lịch sử - văn hoá để tạo không khí làng quê truyền thống của buổi biểu diễn xưa. Chuẩn bị tốt điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật,... Thực hiện tốt công tác đón tiếp để khách cảm thấy thoải mái và được phục vụ tốt nhất.

### **3.3 Một số kiến nghị cho việc khai thác các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống**

#### **3.3.1 Đối với Bộ văn hoá thể thao & Du lịch, các Bộ ngành trung ương**

Đề nghị Chính phủ, Bộ kế hoạch đầu tư và Bộ Văn hoá thể thao & Du lịch phối hợp với các bộ ngành chức năng xúc tiến đề nghị Unesco công nhận múa rối nước và múa rối cạn là di sản văn hoá phi vật thể làm động lực thúc đẩy hoạt động du lịch phát triển.

Đề nghị Bộ Văn hoá thể thao & Du lịch xem xét và xác định để đưa một số loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống ở Hải Phòng trong chương trình quảng bá - xúc tiến của quốc gia.

#### **3.3.2 Đối với thành phố Hải Phòng**

Để các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống của Hải Phòng thực sự trở thành sản phẩm du lịch trong các tour du lịch tham quan. Một số giải pháp đưa ra:

Thành phố nên sớm bố trí nguồn kinh phí để triển khai xây dựng các dự án về cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật tại các điểm tham quan chính của thành phố: nâng cấp con đường đi vào Bảo Hà... và nguồn kinh phí cho các hoạt động quảng bá xúc tiến phát triển du lịch.

Cấp kinh phí xây dựng một số khán phòng nhỏ (từ 50 - 100 ghế ngồi) để phục vụ cho những đoàn khách tham quan với số lượng ít vì sân khấu nhỏ có nhiều lợi thế, ngay cả khi có năm khách xem thì các nghệ sĩ cũng cứ diễn. Đồng thời, khuyến khích đưa nghệ thuật dân gian truyền thống đến các trường học để tiếp cận thế hệ trẻ, tìm kiếm các kịch bản phù hợp với từng đối tượng khán giả... được coi là hướng đi đúng để tìm lại vị thế, sức hấp dẫn của nghệ thuật dân gian truyền thống.

Thành phố cần có cơ chế khuyến khích các trung tâm văn hoá Quận, Huyện mở các câu lạc bộ văn hoá nghệ thuật dân gian truyền thống để tuyên truyền và giữ gìn bản sắc văn hoá của các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống của thành phố cũng như nghệ thuật dân gian truyền thống của các vùng khác.

### **3.3.3 Đối với các Ban ngành và địa phương**

Với các ban ngành địa phương cần nâng cao nhận thức cũng như ý thức của những người hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật cũng như người dân trong địa phương. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển du lịch một cách lành mạnh, xây dựng được hình ảnh tốt trong mắt bạn bè trong nước và quốc tế.

Các đơn vị lễ hành liên kết với chính quyền và nhân dân địa phương nơi có các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống để đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng giữa các khâu trong việc đón tiếp, phục vụ khách. Sự liên kết ấy phải được sử dụng trên sự thiện chí, thoả thuận giữa các bên, mà ở đó lợi ích, trách nhiệm, quyền hạn của doanh nghiệp du lịch, những người hoạt động nghệ thuật và kể cả cư dân địa phương phải đảm bảo công bằng và theo một quy trình cụ thể thì hoạt động khai thác các loại hình cho du lịch mới thực sự thành công.

## Kết luận

Trong cuộc sống hiện đại ngày nay, du lịch đã trở thành một nhu cầu tất yếu của xã hội, không những là ngành kinh tế mũi nhọn của các quốc gia mà còn là cầu nối giao lưu giữa các dân tộc, quốc gia và các miền trong một đất nước. Bàn bè quốc tế trước đây biết đến Việt Nam là một quốc gia phải trải qua nhiều thập kỷ chiến tranh với các thế lực xâm lược mạnh hơn gấp nhiều lần và họ đã anh hùng đánh bại các thế lực xâm lược đó, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ non sông của đất nước. Bởi vậy, ngày nay, khi khách du lịch đến Việt Nam họ thường ngạc nhiên và tự hỏi không hiểu vì sao những con người mảnh liệt, dũng cảm, lập nhiều kỳ tích trong chiến tranh như vậy lại cuốn hút khách tham quan bởi sự hiền hậu, chân tình và thân thiện chứ không phải bằng những ánh hào quang của chiến thắng. Có lẽ một phần câu trả lời đang ẩn mình trong tính cách và truyền thống của người Việt, bởi trải qua hàng ngàn năm lịch sử, người Việt đã tạo dựng cho mình một phong cách, một nền văn hoá, thuần phong, mỹ tục riêng. Đồng thời, du lịch còn tạo ra một sự trải nghiệm cho chính du khách, giúp họ nhìn nhận lại những giá trị quý báu của dân tộc mà biết bao thế hệ, ngay cả chính họ đã phải đánh đổi bằng xương máu của mình để tạo dựng nên. Đối với thế hệ trẻ thì du lịch là dịp để họ hiểu hơn về công lao của cha ông mình, đồng thời cũng hiểu những giá trị nhân văn, giá trị truyền thống và thiên nhiên mà họ đang được thừa hưởng. Du lịch ngày nay đã trở thành một hoạt động không thể thiếu trong đời sống sinh hoạt xã hội, làm cho đời sống xã hội ngày một phong phú hơn, lý thú và bổ ích hơn. Về phương diện kinh tế, du lịch đã trở thành một ngành mũi nhọn, chiếm một tỷ trọng lớn trong thu nhập kinh tế quốc dân. Không những vậy, do đặc tính hoạt động, du lịch còn góp phần không nhỏ trong phát triển kinh tế vùng chậm phát triển, đồng thời giúp xoá đói, giảm nghèo ở những vùng sâu vùng xa. Nhưng quan trọng hơn, du lịch có vai trò to lớn trong việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống dân tộc. Đặc biệt, Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, có một nền văn hoá lâu đời, phong phú, thống nhất mà đa dạng. Với số dân gần 80 triệu người của 54 dân tộc anh em cùng đoàn kết chung sống trên một vùng lãnh thổ, trải qua nhiều đời, mỗi dân tộc đã đóng

góp, dựng xây tạo nên những thành quả trên nhiều lĩnh vực: kinh tế - văn hoá - xã hội. Bên cạnh đó, cũng hình thành nên những vùng văn hoá với nét đặc trưng riêng. Đất nước Việt Nam, con người Việt Nam với các thành phần dân tộc, qua hàng ngàn năm xây đắp đã tạo dựng nên một kho tàng văn hoá hết sức phong phú, độc đáo và quý giá. Xuyên suốt chặng đường lịch sử hình thành và phát triển đất nước, các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam nói chung và 54 dân tộc anh em nói riêng là một di sản vô cùng quý báu, một tài nguyên vô cùng quý giá trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Trải qua những năm tháng chiến tranh chống xâm lược bảo vệ tổ quốc, do một phần nhận thức của người dân còn thấp đặc biệt là sự quản lý, phối hợp lỏng lẻo của các ngành các cấp nên nhiều vốn quý trong kho tàng văn hoá truyền thống các dân tộc đó bị mất mát và mai một.

## Tài liệu tham khảo

Đình Trung Kiên, Một số vấn đề du lịch Việt Nam, Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia, H, 2004.

Đình Gia Khánh, Văn hoá dân gian Việt nam trong bối cảnh Văn hoá Đông Nam Á, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, H, 1993.

Trần Phương, Du khảo đồng quê - tour du lịch đã khởi động, Báo An ninh Hải Phòng, số 1086, ngày 23/01/2006, trang 04.

Trần Phương, Du lịch Văn hoá Hải Phòng, Nhà xuất bản Hải Phòng, 2006.

Tô Sanh, Nghệ thuật múa rối nước, Nhà xuất bản Văn hoá, H, 1976.

Văn hoá Nghệ thuật dân gian Hải Phòng, Nhà xuất bản Hội Văn học - Văn nghệ dân gian Hải Phòng.

# Phụ lục